

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

**HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT
TỪ THỰC TIỄN TRUNG TÂM DẠY NGHỀ - PHỤC HỒI
CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI TÀN TẬT TỈNH BẮC NINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

**HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT
TỪ THỰC TIỄN TRUNG TÂM DẠY NGHỀ - PHỤC HỒI
CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI TÀN TẬT TỈNH BẮC NINH**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã ngành: 8760101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. HÀ THỊ THU

HÀ NỘI - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu được hoàn thành từ sự nỗ lực, nhận thức chính xác và kết quả làm việc của bản thân tôi. Được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Hà Thị Thu.

Các số liệu, nội dung và kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn này là trung thực và chưa được công bố trong bất cứ công trình nào khác (ngoài phần đã trích dẫn).

Tôi xin cam kết và chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả

Nguyễn Thị Thùy Dương

LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và khảo sát thực địa, tôi đã hoàn thành luận văn thạc sĩ chuyên ngành CTXH. Trong suốt quá trình nghiên cứu tôi đã nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của giáo viên hướng dẫn, sự động viên của đồng nghiệp, bạn bè và gia đình.

Trước tiên, tôi xin bày tỏ lòng kính trọng và gửi lời cảm ơn sâu sắc tới TS. Hà Thị Thu – Người trực tiếp hướng dẫn, dành rất nhiều thời gian và tâm huyết để truyền đạt những kiến thức, kỹ năng, phương pháp và kinh nghiệm quý báu, chỉ bảo tận tình để tôi có thể hoàn thành bài luận văn của mình.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu và các thầy/cô giáo trường Đại học Lao động – Xã hội đã trang bị kiến thức cho tôi trong suốt quá trình đào tạo và thực hiện luận văn Thạc sĩ.

Tôi xin trân thành cảm ơn toàn thể lãnh đạo, cán bộ, đồng nghiệp trong Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh đã tạo mọi điều kiện, cung cấp số liệu, trợ giúp kỹ năng nghề để tôi thu thập được số liệu chính xác nhất phục vụ đề tài nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè – những người đã luôn ở bên cạnh để động viên và luôn quan tâm, giúp đỡ, cổ vũ tinh thần cho tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Mặc dù đã cố gắng hết sức, song do thời gian nghiên cứu và kiến thức, kinh nghiệm còn hạn chênên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của quý thầy cô, các nhà khoa học trong Hội đồng phản biện để bài luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Thùy Dương

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	IV
DANH MỤC CÁC BẢNG	V
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ	VI
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	3
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu	10
4. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu	11
5. Phương pháp nghiên cứu	12
6. Ý nghĩa của nghiên cứu	13
7. Bố cục của luận văn	14
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT	15
1.1. Một số khái niệm, đặc điểm tâm lý người khuyết tật	15
1.1.1. Một số khái niệm.....	15
1.1.2. Một số đặc điểm tâm lý, nhu cầu của người khuyết tật	17
1.1.3. Những khó khăn người khuyết tật gặp phải	19
1.2. Lý luận về hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật	21
1.2.1. Một số khái niệm.....	21
1.2.2. Một số loại hình học nghề đối với người khuyết tật	22
1.2.3. Các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.....	24
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật	31
1.3.1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về người khuyết tật.....	31
1.3.2. Bản thân người khuyết tật.....	31
1.3.3. Gia đình người khuyết tật và nhận thức của cộng đồng.....	32
1.3.4. Năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý.....	33

1.4. Cơ sở luật pháp, chính sách về hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.....	33
1.4.1. Cơ sở pháp luật về học nghề đối với người khuyết tật	33
1.4.2. Cơ sở pháp luật về hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật	40
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT TẠI TRUNG TÂM DẠY NGHỀ - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI TÀN TẬT TỈNH BẮC NINH.....	49
2.1. Khái quát về địa bàn và khách thể nghiên cứu.....	49
2.1.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu.....	49
2.1.2. Đặc điểm về người khuyết tật trong Trung tâm.....	54
2.1.3 Khái quát về khách thể nghiên cứu	56
2.2. Đánh giá hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề - phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh... 65	65
2.2.1. Hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề đối với người khuyết tật	65
2.2.2. Hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý đối với người khuyết tật.....	68
2.2.3. Hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề đối với người khuyết tật	72
2.2.4. Hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính đối với người khuyết tật.....	75
2.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.....	78
2.3.1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với người khuyết tật	79
2.3.2. Bản thân người khuyết tật.....	80
2.3.3. Gia đình người khuyết tật	82
2.3.4. Năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên công tác xã hội .	83
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT.....	87

3.1. Mục đích của giải pháp trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.....	87
3.2. Các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.....	87
3.2.1. Giải pháp về vận dụng chính sách, pháp luật trong học nghề đối với người khuyết tật	87
3.2.2. Giải pháp giúp nâng cao năng lực cho người khuyết tật trong trung tâm...	90
3.2.3. Giải pháp giúp thay đổi nhận thức của gia đình người khuyết tật.....	91
3.2.4. Giải pháp giúp nâng cao năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý trong trung tâm.....	93
KẾT LUẬN.....	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	97
PHỤ LỤC.....	99

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ
1	CTXH	Công tác xã hội
2	NKT	Người khuyết tật
3	NVCTXH	Nhân viên công tác xã hội

DANH MỤC CÁC BẢNG

	TRANG
Bảng 2.1: Thông tin chung về người khuyết tật tại Trung tâm.....	55
Bảng 2.2: Độ tuổi của khách thể nghiên cứu	56
Bảng 2.3: Dạng khuyết tật của khách thể nghiên cứu	58
Bảng 2.4: Đánh giá của khách thể về tầm quan trọng của việc học nghề	60
Bảng 2.5: Đánh giá mức độ tác động của	79
Bảng 2.6: Đánh giá mức độ tác động của yếu tố.....	81
Bảng 2.7: Đánh giá mức độ tác động của yếu tố.....	82
Bảng 2.8: Đánh giá mức độ tác động của yếu tố.....	83

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

	TRANG
Biểu đồ 2.1: Giới tính của khách thể nghiên cứu.....	57
Biểu đồ 2.2 Tình trạng sức khỏe của khách thể.....	58
Biểu đồ 2.3: Nghề học của khách thể nghiên cứu.....	59
Biểu đồ 2.4: Đánh giá sự phù hợp với.....	62
Biểu đồ 2.5: Đánh giá tính cần thiết của.....	65
Biểu đồ 2.6: Đánh giá mức độ tổ chức của các hình thức tổ chức	67
Biểu đồ 2.7: Đánh giá mức độ tổ chức của.....	69
Biểu đồ 2.8: Đánh giá mức độ hiệu quả của.....	71
Biểu đồ 2.9: Đánh giá tính cần thiết của hoạt động	72
Biểu đồ 2.10: Đánh giá mức độ hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề cho người khuyết tật.....	75
Biểu đồ 2.11: Đánh giá tính cần thiết của.....	75
Biểu đồ 2.12: Đánh giá mức độ hiệu quả của hình thức tổ chức.....	77
Biểu đồ 2.13: Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật trong Trung tâm.....	78

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Theo thống kê của Ủy ban Quốc gia về NKT, hiện nay, Việt Nam có khoảng 8 triệu NKT, chiếm 10% dân số, 58% NKT là phụ nữ, 10% NKT thuộc hộ nghèo. Người khuyết tật là những người yếu thế trong xã hội, họ bị khiếm khuyết trên cơ thể dẫn đến gặp khó khăn trong cuộc sống. Vậy nên, trong nhiều năm qua, dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho NKT là một công tác được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm với nhiều chính sách và giải pháp hỗ trợ tích cực nhằm giúp họ có năng lực thực hành nghề phù hợp với khả năng lao động của mình để tự tạo việc làm hoặc tìm được việc làm, ổn định đời sống và hoà nhập cộng đồng. Những chính sách chủ trương nhìn chung đã được thể hiện qua các Thông tư, nghị định, những chính sách pháp luật như: Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010, Luật dạy nghề số 76/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Bộ luật Lao động,... Tuy nhiên, trong nhiều năm qua việc áp dụng các chính sách pháp luật còn chưa có sự đồng bộ, khả thi và hiệu quả. Thực tế việc học nghề, những khó khăn trong quá trình học nghề của người khuyết tật còn chưa được đi sâu vào tìm hiểu và trợ giúp.

Theo thống kê trên cả nước thì số lượng người khuyết tật (NKT) được học nghề chưa có việc làm chiếm hơn 90%, và có khoảng 70-80% NKT sống ở vùng nông thôn với những điều kiện kinh tế khó khăn, cơ sở hạ tầng thấp kém, gặp nhiều khó khăn trong việc hòa nhập với cộng đồng. Chính vì vậy, vấn đề hỗ trợ học nghề cho người khuyết tật tại các Trung tâm dạy nghề là vô cùng quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên để phát huy hiệu quả mang lại kết quả tích cực thì chúng ta phải triển khai giải pháp đồng bộ, có những hoạt động hiệu quả nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn nhằm hỗ trợ người khuyết tật trong quá trình học nghề.

Qua thống kê số liệu hàng năm của Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng người tàn tật tỉnh Bắc Ninh, từ năm 2010-2018 có 1.454 đối tượng người khuyết tật được học nghề. Số đối tượng người khuyết tật được giải quyết việc làm chiếm 70-80%. Người tàn tật chủ yếu được đào tạo nghề may công nghiệp, thêu ren, mây, tre đan, xoa bóp cổ truyền. Năm 2017, Trung tâm Dạy nghề-Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh nhìn chung đã có cơ sở quy mô, đáp ứng nhiệm vụ dạy nghề cho người tàn tật. Mỗi năm, Trung tâm tổ chức tuyển sinh đào tạo dạy nghề cho 150-200 đối tượng người khuyết tật, quản lý chăm sóc tốt đối tượng ăn ở tại Trung tâm. Từ đầu năm 2012, Trung tâm mở được 7 lớp dạy nghề may công nghiệp, mây, tre đan xuất khẩu, thêu ren, xoa bóp cổ truyền cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh vẫn gặp phải một số khó khăn nhất định trong việc vận động người khuyết tật tham gia các lớp học nghề. Bởi lẽ nhiều gia đình có người khuyết tật cho rằng họ không có khả năng lao động bình thường nên thường giữ họ ở nhà để trông nhà hoặc phụ việc nội trợ. Thêm vào đó, sự khác nhau giữa các dạng khuyết tật cũng dẫn tới khả năng thích ứng và học nghề khác nhau, trong khi các lớp học nghề chỉ phù hợp với một số dạng khuyết tật nhất định.

Nhìn chung các nghiên cứu về CTXH đối với người khuyết tật từ trước đến nay đã có, Đảng và Nhà nước cũng có sự quan tâm rất lớn về việc hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật. Nhưng các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật dưới góc nhìn công tác xã hội, hay cụ thể hơn là tại một địa bàn như tỉnh Bắc Ninh thì còn nhiều mới mẻ.

Xuất phát từ các vấn đề trên, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật từ thực tiễn Trung tâm dạy nghề - phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Việc nghiên cứu về hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu khoa học xã hội, những dự án, và những báo cáo cụ thể,... Có thể kể ra những nghiên cứu về người khuyết tật nói chung và người khuyết tật học nghề nói riêng như:

2.1. Nghiên cứu ở nước ngoài

Các nghiên cứu trên thế giới về NKT và học nghề đối với NKT đã được đề cập trong các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội, bên cạnh đó báo chí nước ngoài cũng đặc biệt quan tâm vấn đề này, nó được nêu cụ thể như sau:

Công ước Quốc tế về các Quyền của người khuyết tật (Tiếng anh: *Convention on the Rights of Persons with Disabilities*) là một văn kiện nhân quyền Quốc tế do Liên Hiệp Quốc soạn nhằm mục đích của Công ước này là thúc đẩy, bảo vệ và bảo đảm cho người khuyết tật được hưởng một cách bình đẳng và đầy đủ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người, và thúc đẩy sự tôn trọng phẩm giá vốn có của họ. Các quốc gia tham gia Công ước phải đảm bảo quyền được thụ hưởng bình đẳng mọi dịch vụ công cộng của người khuyết tật[4].

Nghiên cứu “*Disability and social inclusion in Ireland, Brenda Gannon and Brian Nolan, 2011*” (Khuyết tật và hòa nhập xã hội ở Ireland, Brenda Gannon và Brian Nolan, 2011). Nghiên cứu đã xem xét được những yếu tố ảnh hưởng, cản trở đến việc người khuyết tật tham gia làm việc và hòa nhập xã hội. Người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn khi hòa nhập xã hội, trong nghiên cứu đã thu thập trình độ học vấn, kinh tế và tham gia xã hội... Tác giả còn chỉ ra sự khác biệt giữa NKT và người bình thường trong việc tham gia hoà nhập cộng đồng. Thông qua việc thống kê các số liệu thu thập được để đánh giá mức độ nghèo, sự tham gia vào giáo dục, y tế, việc làm

của NKT. Nghiên cứu còn nhấn mạnh tới yếu tố NKT ảnh hưởng tới đời sống của mình, thiết kế nơi làm việc không phù hợp, sự kỳ thị của cộng đồng, sự tiếp cận các phương tiện đi lại gây khó khăn cho NKT[21].

Dark and Light Blind Care nghiên cứu năm 2008, “*Inclusion of disabled people Vocational Training and income*”. Trong cuốn báo cáo tổng kết chương trình CTXH với NKT, nhóm tác giả đã nêu lên chương trình chính sách, quyền của NKT, cách thức hỗ trợ NKT, một số chương trình hỗ trợ NKT ở Châu Phi, các kỹ năng khi làm việc với NKT[22].

Đại Học College London, Anh Quốc (2014), thực hiện dự án nghiên cứu về “*Bảo trợ xã hội dành cho người khuyết tật tại Việt Nam*”, đã thực hiện khảo sát định tính về bảo trợ xã hội và y tế đối với NKT, hộ gia đình và các cơ quan tổ chức có liên quan. Kết quả sơ bộ ban đầu được báo cáo tại hội thảo về Bảo trợ xã hội đối với NKT tại Hà Nội đã cho thấy nhìn về những chính sách đạt được, nhu cầu và những khó khăn của NKT. Nghiên cứu đó đã đề cập đến những nhu cầu việc làm và những khó khăn khi tìm việc làm của NKT, được nhìn nhận từ chính bản thân NKT[6].

Tác phẩm: “*Những quyền của người khuyết tật*” (*Disability Right*) do Justin Healey làm chủ biên, Úc. Nội dung sách chủ yếu đưa ra các định nghĩa về NKT; Luật chống phân biệt người khuyết tật và cơ chế khiếu nại vi phạm; các vấn đề thực tiễn về NKT như: hệ thống chăm sóc cộng đồng; NKT tại nơi làm việc; doanh nghiệp với vấn đề tuyển dụng NKT; tiếp cận bình đẳng về internet cho NKT... Từ việc phân tích đó, tác giả đưa ra nhận định cuối cùng rằng, NKT chiếm một bộ phận đáng kể trong dân số Úc, họ đòi hỏi việc loại bỏ những hình thức phân biệt đối xử trực tiếp và gián tiếp đối với việc tiếp cận những trợ giúp cơ bản, các dịch vụ và thừa nhận của xã hội[24].

Synnove Karvinen – Niinikoski, tác phẩm “*Nhân quyền, quyền xã hội*”

công dân và phương pháp cá nhân cùng tham gia trong công tác xã hội với người khuyết tật”, đã viết các cách thức của công tác xã hội đối với NKT có trong các tuyên bố nhân quyền hoặc được đưa vào các chương trình chính sách khuyết tật của Phần Lan. Tuy nhiên, trên thực tế NKT không thể thực hiện các quyền và tự do của họ hoặc thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình. Nhân viên CTXH ở tuyến đầu và nhân viên chăm sóc xã hội hoặc các nhà hoạt động phi chính phủ tiếp cận và gần gũi với NKT, gia đình trong cuộc sống hàng ngày của họ. Sự hỗ trợ đó cũng góp phần nâng cao vị thế của NKT để họ đạt được các mục tiêu cuộc sống mà họ đề ra, tăng cường quyền tự quyết của NKT bằng cách xây dựng năng lực và quyền ra quyết định thông qua gây dựng sự tự tin, lòng tự trọng, tính chủ động và kiểm soát cuộc sống[16].

2.2. Nghiên cứu ở Việt Nam

Tại nước ta, việc nghiên cứu về NKT nói chung và việc học nghề đối với NKT nói riêng cũng đã, đang và sẽ không ngừng phát triển nhằm trợ giúp những NKT đảm bảo nhận thức và sinh kế của bản thân, từ đó mới đảm bảo được an sinh xã hội. Có thể chỉ ra những nghiên cứu của Việt Nam liên quan đến NKT như:

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2014), *Giáo trình công tác xã hội với người khuyết tật*. Đã khái quát những vấn đề cơ bản về NKT và nêu nên các loại hình chăm sóc trợ giúp NKT và vai trò của nhân viên Công tác xã hội với NKT. Giáo trình còn đề cập đến những kỹ năng, nguyên tắc cần thiết của một nhân viên công tác xã hội khi làm việc cá nhân, làm việc nhóm, làm việc với gia đình, cũng như các nguồn lực trong quá trình trợ giúp NKT[7].

Ban điều phối các hoạt động trợ giúp NKT (NCCD) (2013), “*Báo cáo năm 2013 về hoạt động trợ giúp NKT*” nhấn mạnh dạy nghề, tạo việc làm là một trong những hoạt động quan trọng trợ giúp NKT phục hồi chức năng,

tham gia làm việc, tạo dựng cuộc sống bền vững và hòa nhập xã hội tốt hơn. Hệ thống chính sách dạy nghề tạo việc làm từng bước được hoàn thiện hướng vào việc bảo đảm thực hiện mục tiêu đến năm 2015 có 250.000 NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm. Đến tháng 12/2013 đã có khoảng 80 ngàn NKT được hỗ trợ học nghề. Riêng năm 2013, ngân sách Trung ương đã bố trí 3 tỷ đồng để thí điểm mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho gần 1.000 NKT tại một số tỉnh. Nhiều sáng kiến, mô hình, hoạt động hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm cho NKT đã được các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức (Liên hiệp hội về NKT Việt Nam, Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội người mù...) triển khai thực hiện góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho hàng trăm ngàn NKT. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách dạy nghề, tạo việc làm đối với NKT vẫn còn những hạn chế nhất định. Ngành nghề, nội dung, phương thức đào tạo chưa phù hợp, nhiều người học xong chưa có được việc làm, nhiều địa phương chưa bố trí nguồn kinh phí cho thực hiện dạy nghề. NKT tiếp cận việc làm tại khu vực chính thức còn hạn chế, chủ yếu là tự tạo việc làm tại hộ gia đình[2].

Dự án “*Thúc đẩy các quyền và cơ hội cho người khuyết tật - Việc làm thông qua luật pháp*” trong khuôn khổ hợp tác phát triển giữa Tổ chức Lao động quốc tế ILO và Cơ quan Phát triển Ai Len tại Việt Nam giai đoạn (2014 - 2015), Tổng cục Dạy nghề đã phối hợp với ILO tiến hành khảo sát 120 người khuyết tật (NKT) về dạy nghề, tạo việc làm trong 3 năm tại 4 tỉnh, thành: Phú Thọ, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu. Kết quả hỗ trợ dạy nghề cho NKT của cả nước và các tỉnh khảo sát rất thấp. Cả nước, trong 4 năm (2011-2014) mới hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho khoảng trên 100.000 NKT. Trong đó, hỗ trợ từ Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 được trên 11.000 người. Như vậy, so với mục tiêu đề ra

trong Quyết định 1019/QĐ-TTg, giai đoạn 2012-2015, bình quân mỗi năm cần tổ chức dạy nghề và tạo việc làm cho khoảng trên 60.000 NKT thì kết quả trên còn thấp hơn rất nhiều. Riêng 4 tỉnh được khảo sát trong 3 năm (2012-2014) mới tổ chức dạy nghề và tạo việc làm cho gần 1.000 NKT, nếu chia bình quân, mỗi năm một tỉnh hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho khoảng 30-50 NKT. So với tổng số NKT trên địa bàn và số NKT có nhu cầu học nghề còn rất thấp (ví dụ Hải Phòng, Phú Thọ...)[19].

Tổ chức Lao động quốc tế (2010) “*Báo cáo khảo sát về đào tạo nghề và việc làm cho NKT tại Việt Nam*”. Báo cáo cung cấp một cách nhìn tổng thể về các tổ chức đại diện cho NKT và các dịch vụ đào tạo nghề, việc làm và phát triển doanh nghiệp cho NKT, đặc biệt tập trung vào các tổ chức của phụ nữ khuyết tật và các dịch vụ dành riêng cho phụ nữ khuyết tật. Báo cáo cũng phân tích kết quả khảo sát NKT ít được đào tạo nghề, hướng dẫn về việc làm cũng như phát triển doanh nghiệp. Rất nhiều tổ chức trong và ngoài nước cũng nhận thấy việc đào tạo nghề và các dịch vụ bố trí việc làm cho NKT là rất quan trọng. Vì vậy, báo cáo đề xuất Chính phủ cần có những chính sách riêng khuyến khích các đào tạo nghề cho NKT. Báo cáo cũng nêu lên thực trạng hiện nay cũng có một số Trung tâm dạy nghề dành riêng cho NKT được thành lập, nhưng chỉ phục vụ các khu vực thành thị, các vùng nông thôn việc tiếp cận đào tạo nghề rất bị hạn chế. Các dịch vụ bố trí việc làm thường gắn liền với cơ sở đào tạo nghề. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp kiếm được việc làm sau đào tạo còn khá thấp và phần lớn những học viên tốt nghiệp chủ yếu tìm được việc làm tại các cơ sở dành riêng cho NKT chứ không phải các doanh nghiệp thông thường[18].

Tác giả Nguyễn Tiến Dũng (2011) “*Phát triển Dạy nghề đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn mới*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, (số 4). Bài báo chỉ ra yêu cầu cần phải đào tạo nghề trong giai đoạn hiện nay, không chỉ đào tạo

nghề đòi hỏi lượng chất xám cao mà còn phải đào tạo những nghề giản đơn nhằm đáp ứng xu thế hội nhập với khu vực và quốc tế, để tạo ra những sản phẩm tốt nhất đáp ứng với nhu cầu thị trường[5].

Báo cáo “*Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho Người khuyết tật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*”; tác giả Huỳnh Việt Thiên Ân, Nguyễn Thị Thanh Tâm (2012). Tuyển tập báo cáo Hội sinh viên nghiên cứu khoa học lần thứ 8 Đại học Đà Nẵng năm 2012. Báo cáo đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho Người khuyết tật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tìm ra ảnh hưởng và tác động của từng nhân tố trong việc cải thiện chất lượng đào tạo cho Người khuyết tật, nhằm nâng cao hiệu quả công tác dạy nghề, thu hút việc tham gia đào tạo nhiều hơn trong nhóm người yếu thế[1].

Tổ chức APHEDA (2014), Báo cáo giữa kỳ dự án “*Việc làm bền vững và tăng cường vị thế cho NKT trong cộng đồng*”. Đây là dự án do Cơ quan viện trợ Ai len tài trợ chính. Các đơn vị thực hiện dự án là Tổ chức Nhân dân Ô-x-trây-lia vì Y tế, Giáo dục và Phát triển Hải Ngoại (APHEDA), hợp tác với Liên hiệp hội về NKT Việt Nam, các Sở Lao động-Thương binh-Xã hội hai tỉnh Quảng Nam và Hải Dương, các Hội NKT hai tỉnh Quảng Nam và Hải Dương và Trung tâm dịch vụ việc làm 8-3, Phụ nữ tỉnh Hải Dương. Địa bàn triển khai Dự án là hai tỉnh Quảng Nam và Hải Dương. Báo cáo đề cập đến các cuộc đối thoại chính sách giữa NKT và các cơ quan chức năng tại các tỉnh Hải Dương và Quảng Nam. Đây là những cơ hội để NKT phản ánh nguyện vọng và những khó khăn của NKT để chính quyền địa phương quan tâm giải quyết trong đó có việc từng bước xóa bỏ các rào cản về việc làm cho NKT. Trong một số cuộc đối thoại, NKT đã nêu lên những khó khăn hạn chế NKT có việc làm tại các địa phương như họ mù chữ hoặc trình độ văn hóa thấp, tình trạng khuyết tật về trí tuệ làm cho họ tiếp thu tay nghề chậm chạp, do hạn

chế về khả năng vận động nên năng suất lao động của họ không cao, ít cơ quan, doanh nghiệp quan tâm tuyển NKT vào làm việc và các cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp thiếu tiện nghi để NKT tiếp cận v.v..... Trong báo cáo, APHEDA đã đề cập đến mô hình một số doanh nghiệp địa phương vừa đào tạo nghề và vừa sắp xếp việc làm cho NKT địa phương. Hình thức đào tạo nghề này giúp NKT không phải đi xa và có việc làm ngay sau khi họ kết thúc học nghề. Báo cáo cho biết 85 NKT sau khi kết thúc lớp học nghề đã có việc làm và thu nhập ổn định[17].

Tiến sĩ Mai Thị Phương (2014), đề tài “*Vấn đề CTXH với NKT*”. Đề tài đã nêu lên vai trò của công tác xã hội đối với NKT trên tất cả các phương diện, đặc biệt là vấn đề dạy nghề và tìm việc làm. Đề tài viết về những tồn tại yếu kém trong công tác dạy nghề cho NKT ở nước ta. Nội dung, chương trình, nghề đào tạo, hình thức đào tạo chưa hợp lý về kết cấu, quá nặng về lý thuyết, thiếu thực hành, chưa có những giáo trình và các thiết bị dạy nghề dành riêng cho NKT, đội ngũ giáo viên dạy nghề cho NKT còn yếu cả về kiến thức, kỹ năng và nhận thức về các lĩnh vực sư phạm và quản lý. Đồng thời việc thực hiện chính sách về việc làm với NKT chưa nghiêm, hoạt động kiểm tra giám sát chưa thường xuyên, vì vậy NKT chịu nhiều thiệt thòi trong việc tiếp cận dạy nghề và việc làm[15].

Luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội “*Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh*” của tác giả Nguyễn Diệu Linh. Luận văn đề cập đến thực trạng vai trò của CTXH vào trợ giúp trẻ khuyết tật học nghề và đưa ra giải pháp nhằm nâng cao vai trò của CTXH trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại Trung tâm[8].

Bên cạnh những công trình mang tính chất quy mô về NKT và các vấn đề có liên quan thì có rất nhiều bài viết phản ánh về những khó khăn thuận lợi

của NKT trên đường hòa nhập cộng đồng; về cuộc sống, sinh hoạt vui chơi, tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập, đạt những thành tựu cao trong công việc khiến nhiều người phải học hỏi, là tấm gương của nhiều NKT khác noi theo... Tuy nhiên, những bài viết chỉ dừng lại ở mức độ phản ánh và cung cấp những số liệu cụ thể chứ chưa là một công trình nghiên cứu, cũng như chưa bàn sâu đến vấn đề các hoạt động hỗ trợ trong học nghề đối với NKT. Tuy rằng, các tác phẩm và bài viết đã nói về các giải pháp tối ưu cho NKT nói chung, nhưng cũng chưa có giải pháp cụ thể nào về các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT. Chính vì vậy, cần có nghiên cứu về các hoạt động hỗ trợ người khuyết tật trong việc học nghề. Để từ những kết quả phân tích thực trạng học nghề, thực trạng các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT, cuối cùng có thể đề xuất, khuyến nghị các chính sách và chương trình nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ học nghề cho NKT phát triển và toàn diện hơn.

Các công trình nghiên cứu, bài viết trên là tiền đề, nguồn tài liệu quý báu để bản thân nghiên cứu, kế thừa, thiết thực góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận của đề tài, nhất là việc làm rõ các khái niệm, phạm trù cơ bản nhất.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và phân tích thực trạng hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT, các lý thuyết ứng dụng, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT và cơ sở pháp lý về hoạt động học nghề của NKT.

Khảo sát, đánh giá, phân tích thực trạng hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh.

Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến việc học nghề của NKT tại Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh.

Đề xuất một số giải pháp nâng cao các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT từ thực tiễn Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh.

4. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật từ thực tiễn Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh.

4.2. Khách thể nghiên cứu

- 80 người khuyết tật trong độ tuổi từ 15-40 tuổi (có đủ năng lực học nghề) hiện đang được học nghề tại Trung tâm

- 10 cán bộ, nhân viên tại Trung tâm

4.3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Nghiên cứu được tiến hành trong phạm vi Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh.

Phạm vi thời gian: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 10/2018 đến tháng 8/2019.

Phạm vi về nội dung: Đề tài đi sâu nghiên cứu thực trạng 04 hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT tại Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh, cụ thể là: Hoạt động nâng cao nhận thức về học nghề cho NKT. Hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý cho NKT; Hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề cho NKT; Hoạt động hỗ trợ vật chất

– tài chính cho NKT.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Tài liệu là phương tiện để giữ lại các tin tức về những sự việc, sự kiện, hiện tượng của thực tiễn khách quan và hoạt động tư duy của con người.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Đây là một trong những phương pháp cần thiết trong quá trình nghiên cứu. Thông qua việc nghiên cứu tài liệu tôi có thể nắm bắt được các thông tin liên quan đến vấn đề tôi đang nghiên cứu, từ đó thấy được tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài này. Các tài liệu được thu thập bao gồm: Các văn bản, chính sách nhà nước về NKT; các bản báo cáo, các công trình nghiên cứu, sách báo, và các công trình có liên quan trên internet. Bên cạnh đó là đọc tham khảo thông tin từ nhiều nguồn và phân tích các vấn đề có liên quan làm cơ sở lý luận, căn cứ và nền tảng cho đề tài.

Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp thu thập thông tin nghiên cứu xã hội học thực nghiệm thông qua các tri giác như nghe, nhìn để thu thập các thông tin từ thực tế xã hội. Thông qua quan sát ta có thể trực tiếp thu được các thông tin cần thiết mà ta nhìn và nghe thấy liên quan đến trạng thái cơ thể hay trạng thái cảm xúc của NKT trong quá trình học nghề.

Quan sát có thể cho thấy những thay đổi và các biểu hiện trong giao tiếp, ứng xử của NKT đối với những hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT có đáp ứng được những mong muốn hay đòi hỏi của NKT hay không.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Phương pháp điều tra bằng hình thức hỏi, đáp gián tiếp dựa trên hệ thống các câu hỏi và câu trả lời đóng hoặc mở được soạn thảo. Mục đích của điều tra bằng bảng hỏi là để khai thác thông tin từ những đối tượng nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT, đánh giá những

mong muốn, kiến nghị của đối tượng điều tra. Trên cơ sở đó thu thập thông tin, những ý kiến của 80 NKT hiện đang học nghề trong trung tâm. Từ đó đưa ra được những tồn tại trong việc hỗ trợ học nghề đối với NKT và đưa ra được đề xuất, kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT từ thực tiễn trung tâm được tốt hơn, hoàn thiện hơn.

Phương pháp phỏng vấn sâu

Phương pháp này nhằm trung cầu ý kiến một cách sâu sắc, rõ ràng và cụ thể nhất đối với vấn đề cần nghiên cứu. Cụ thể phỏng vấn sâu trên 10 khách thể là cán bộ quản lý, nhân viên đang làm việc tại Trung tâm nhằm nắm bắt thông tin chuyên sâu về các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT cũng như đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT tại trung tâm cũng như các ý kiến về giải pháp nâng cao hoạt động hỗ trợ tại trung tâm ngày càng chuyên nghiệp hơn và đáp ứng được những nhu cầu của NKT.

Phương pháp xử lý số liệu

Là một công cụ xử lý các thông tin định lượng, số liệu đã thu thập được từ các phương pháp nghiên cứu điều tra bảng hỏi. Toàn bộ số liệu điều tra định lượng được xử lý thô và số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS.

6. Ý nghĩa của nghiên cứu

Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của đề tài đã tổng hợp khung lý luận nghiên cứu cũng là cơ sở lý luận của hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT, góp phần làm sáng tỏ lý luận về hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT. Qua đó bổ sung và làm phong phú thêm cách nhìn nhận, đánh giá về hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT, và là tài liệu tham khảo cho các cơ quan tổ chức và cá nhân đang nghiên cứu, xây dựng chính sách đối với NKT.

Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ thực trạng hoạt động hỗ trợ học

nghề đối với NKT từ thực tiễn Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh. Thông qua đó có thể thấy được bức tranh thực trạng những khó khăn trong quá trình học nghề của NKT. Từ đó có được những giải pháp nhằm nâng cao hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT tại trung tâm.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục viết tắt và các phụ lục, luận văn có bố cục 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

Chương 2: Thực trạng hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh

Chương 3: Giải pháp nâng cao hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1.1. Một số khái niệm, đặc điểm tâm lý người khuyết tật

1.1.1. Một số khái niệm

**Khái niệm khuyết tật*

Theo TS. Margaret Chan – Tổng Giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization) “*Hầu hết mỗi người chúng ta có thể mất khả năng hoạt động bình thường tạm thời hoặc vĩnh viễn tại một thời điểm nào đó*”; như vậy giữa người bình thường và NKT hầu như không có ranh giới rõ rệt và hết sức mong manh. Trên thế giới Theo tổ chức Y tế Thế giới (WHO), năm 1999 có ba mức độ suy giảm là: khiếm khuyết (impairment), khuyết tật (disability) và tàn tật (handicap). Khiếm khuyết chỉ đến sự mất mát hoặc không bình thường của cấu trúc cơ thể liên quan đến tâm lý hoặc/và sinh lý. Khuyết tật chỉ đến sự giảm thiểu chức năng hoạt động, là hậu quả của sự khiếm khuyết. Tàn tật đề cập đến tình thế bất lợi hoặc thiệt thòi của người mang khiếm khuyết do tác động của môi trường xung quanh lên tình trạng khuyết tật của họ.

Theo Đạo luật chống phân biệt đối xử với người khuyết tật do Quốc hội Anh ban hành (Disability Discrimination Act – DDA), khi xét về mặt thời gian tác động thì khiếm khuyết kéo dài hoặc sẽ có thể kéo dài mà ít hơn 12 tháng bình thường không được coi là khuyết tật, trừ phi là bị tái đi tái lại, một số người có khiếm khuyết kéo dài hơn một năm thì vẫn ở trong diện của DDA, cả khi họ sẽ được phục hồi hoàn toàn[20].

Tại Việt Nam đối với đa số người Việt Nam, khuyết tật và tàn tật là hai từ để chỉ cùng một khái niệm, từ năm 2009 trở về trước người ta vẫn dùng

song song chúng trên cả phương tiện truyền thông đại chúng và văn bản pháp quy. Trong các Pháp lệnh trước đây của Nhà nước Việt Nam, tàn tật là cụm từ được chính thức sử dụng, song theo dự thảo năm 2009, từ khuyết tật nhiều khả năng sẽ được dùng để thay thế từ tàn tật trong các Bộ luật. Năm 2010, Quốc hội Việt Nam đã chính thức sử dụng cụm từ NKT thay cho người tàn tật trong các Bộ luật ban hành có liên quan.

**Khái niệm người khuyết tật*

Theo Đạo luật về người khuyết tật của Hoa Kỳ năm 1990 (Americans with Disabilities Act of 1990 - ADA), định nghĩa NKT là người có sự suy yếu về thể chất hay tinh thần gây ảnh hưởng đáng kể đến một hay nhiều hoạt động quan trọng trong cuộc sống. Cũng theo ADA những ví dụ cụ thể về khuyết tật bao gồm: khiếm khuyết về vận động, thị giác, nói và nghe, chậm phát triển tinh thần, bệnh cảm xúc và những khiếm khuyết cụ thể về học tập, bại não, động kinh, teo cơ, ung thư, bệnh tim, tiểu đường, các bệnh lây và không lây như bệnh lao và bệnh do HIV (có triệu chứng hoặc không có triệu chứng). Có sự thống nhất tương đối về định nghĩa thế nào là khuyết tật của hai đạo luật này.

Tại Điều 1 của Công ước Quốc tế về quyền NKT ban hành năm 2006: “Người khuyết tật bao gồm những người có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, trí tuệ, thần kinh hoặc các giác quan mà khi tương tác với các rào cản khác nhau có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của họ trong xã hội trên nền tảng công bằng như những người khác trong xã hội”[4].

Căn cứ điều 2, Chương I, Luật Người khuyết tật được Quốc hội Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2010: “*Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn*”[13].

Như vậy có nhiều quan điểm khác nhau về người khuyết tật, trong

khuôn khổ luận văn tôi sử dụng khái niệm người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật được Quốc hội Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2010.

1.1.2. Một số đặc điểm tâm lý, nhu cầu của người khuyết tật

Có thể thấy rằng, nhìn chung về mặt thể chất, tâm sinh lý hay về đặc điểm, nhu cầu về mặt xã hội của người khuyết tật hay không khuyết tật đều có một đặc điểm tâm lý, nhu cầu giống nhau. Tâm sinh lý của người khuyết tật vẫn diễn ra và trải qua những cung bậc cảm xúc như người không có khiếm khuyết: buồn, vui, yêu, ghét, giận hờn.... Người khuyết tật vẫn có những nhu cầu cá nhân và nhu cầu sinh lý, nhu cầu về mặt xã hội như những người bình thường khác. Đôi khi họ còn có những tâm lý vượt khó, cố gắng gấp nhiều lần người không khuyết tật khác, vì họ cho rằng với hoàn cảnh của họ họ càng cần phải quyết tâm hơn. Song, do khiếm khuyết về một hay một số bộ phận trên cơ thể cũng khiến cho họ có một số biểu hiện tâm lý, và nhu cầu đặc trưng như:

** Tâm lý mặc cảm, tự ti, ý lại*

Tâm lý của khá đông người khuyết tật là mặc cảm, tự đánh giá thấp bản thân mình so với những người bình thường khác. Ở những người mà khuyết tật nhìn thấy được - chẳng hạn như khuyết chi - họ có các biểu hiện tâm lý giống như mặc cảm ngoại hình (*Body Dysmorphic Disorder*), tức là sự chú trọng quá mức đến khiếm khuyết cơ thể đến nỗi gây khổ đau lớn - mặc dù vậy trong tâm lý học, mặc cảm ngoại hình không được chẩn đoán cho người có khiếm khuyết cơ thể nghiêm trọng, rối loạn tâm lý này chỉ hướng tới những người có khiếm khuyết nhỏ nhưng lại cứ cường điệu chúng lên. Tiếp đến một ảnh hưởng khác cần xét đến là ám ảnh sợ xã hội một kiểu trốn tránh và sợ hãi khi thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng như giao lưu gặp gỡ ở chỗ đông người. Tuy nhiên điều này không phải luôn luôn đúng, người ta nhận

thấy ở nhiều người khuyết tật nỗ lực tồn tại và phát triển đặc biệt cao.

Ngoài ra, còn có những NKT mang tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác, do vậy NVCTH cần phải tham vấn nhằm thay đổi nhận thức của những NKT này mới mong họ có ý chí vươn lên trong cuộc sống, tự bản thân thay đổi không ỷ lại, trông chờ vào người khác.

** Nhu cầu được học tập*

Với những người khuyết tật, họ rất cần sự cảm thông sẻ chia, sự giúp đỡ của cộng đồng để có thể hòa nhập với cuộc sống. Người khuyết tật thường gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình học tập, học nghề như nhận thức chậm, cản trở do đặc điểm khiếm khuyết, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, phương tiện đi lại, địa bàn nơi ở không có Trung tâm hay cơ sở dạy nghề... nhưng họ vẫn luôn mong muốn có thể được học tập nhưng bao người, và học tốt như người bình thường. Họ mong muốn được học hỏi các kiến thức, tìm hiểu, trao đổi hiểu biết, được theo học một ngành nghề mà học thích, họ đam mê. Mong muốn có những hình thức giáo dục phù hợp với những khiếm khuyết của bản thân. Ngoài ra, họ luôn mong muốn có những điều kiện tốt nhất để theo học một nghề nghiệp phù hợp, để sau khi học nghề họ sẽ tìm được một công việc hay tự bản thân có thể từ những gì đã được học kiếm sống và mưu sinh nhằm trang trải cho bản thân, không phụ thuộc vào gia đình, và hơn nữa có thể trợ giúp cho gia đình, hòa nhập cộng đồng. Vì vậy sự giúp đỡ, chia sẻ của mọi người xung quanh là động lực rất lớn để người khuyết tật học tập, học nghề tốt.

** Nhu cầu về việc làm*

Nhìn chung, tất cả các nhu cầu về học tập, dạy nghề và việc làm ở người khuyết tật đều có tỉ lệ cao. Vì nhu cầu học tập như chiếc cầu nối để khi kết thúc khóa học, mục đích cuối cùng của người khuyết tật là tìm được nghề nghiệp phù hợp. Sau khi học nghề người khuyết tật mong muốn các tổ chức xã hội tạo điều kiện cho những người có khiếm khuyết về bản thân được làm

việc, mong muốn có được công việc phù hợp với khiếm khuyết của cơ thể để có thu nhập lo cho bản thân, mong muốn có thể tự bản thân tạo dựng được nghề cho bản thân từ những gì đã được học. Có thể từ những gì được học khởi nghiệp thành công trong một lĩnh vực nào đó mà người khuyết tật áp ủ ý chí, gây dựng sự nghiệp riêng. Đây đều là những nhu cầu, những mong muốn cơ bản của bất kỳ ai, không riêng gì người khuyết tật. Nhu cầu việc làm mà nhu cầu thiết yếu nhằm đem lại kinh tế chi tiêu cho bản thân người khuyết tật và phụ giúp gia đình.

1.1.3. Những khó khăn người khuyết tật gặp phải

** Bị kỳ thị, phân biệt đối xử*

Kỳ thị là vấn đề thường xảy ra với nhóm thiểu số và mang một số đặc điểm bị cho là bất lợi. Người ta bắt gặp thái độ đó với nhóm người mắc HIV, những người đồng tính luyến ái, tội nhân sau khi ra tù... Người khuyết tật cũng không tránh khỏi và điều đó càng làm họ khó khăn hơn để có được cuộc sống bình thường.

Nghiên cứu của Erving Goffman (1963) đã miêu tả ba loại kỳ thị (*Discrimination*):(1) "sự ghê sợ về cơ thể" tức là những kỳ thị liên quan đến những biến dạng thể chất; (2) "nhược điểm về tính cách của một cá nhân" chẳng hạn như một người bị coi là thiếu ý chí nếu có những đam mê không bình thường hoặc không trung thực; (3) "kỳ thị bộ lạc", tức là kỳ thị về sắc tộc, quốc tịch hoặc tôn giáo hoặc là việc tham gia một tổ chức xã hội bị khinh miệt[23].

Sự phân biệt đối xử của cộng đồng là nguyên nhân chính làm cản trở người khuyết tật có cuộc sống tốt đẹp. Cản trở lớn nhất với người khuyết tật là kỳ thị, nó là rào cản vô hình nhưng tàn nhẫn đẩy nhiều người ra bên lề của cuộc sống. Và kỳ thị không phải là vấn đề thuộc vật chất, của khoa học kỹ thuật - nó là vấn đề thuộc tâm lý, và sự ý thức sâu xa giá trị sống của con

người - mà không phải là lòng thương hại - nhưng là lòng cảm thông thực sự sẽ chỉ hướng cho hành động đúng đắn của chúng ta.

Cho nên, người khuyết tật cần lắm thái độ tôn trọng, không kỳ thị của mọi người để có thể tự tin và vui sống hơn. Đồng thời cũng cần hiểu rằng, bất cứ người lành lặn nào cũng có nguy cơ tiềm ẩn trở thành người khuyết tật.

** Khó khăn khi tiếp cận với việc học tập*

Với sự giới hạn của mình, đặc biệt là ở người khuyết tật về trí tuệ hoặc cơ quan thu nhận cảm giác (khiếm thính, khiếm thị) khả năng tiếp thu tri thức là khá khó khăn, khuyết tật vận động thì bị ảnh hưởng ít hơn. Người khuyết tật cần một hình thức giáo dục đặc biệt phù hợp với đặc điểm khiếm khuyết của mình - điều này đôi khi yêu cầu đầu tư về cơ sở vật chất nhiều hơn so với giáo dục thông thường, do đó nếu sự hỗ trợ từ phía chính quyền, cơ quan giáo dục và bản thân gia đình không tốt, việc duy trì học tập tiếp lên cao hầu như là bất khả thi.

Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc 90% trẻ em khuyết tật ở các nước đang phát triển không được đưa đến trường. Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc thì cho biết 30% số thanh niên đường phố là trẻ khuyết tật. Về trình độ học vấn nghiên cứu của Chương trình hỗ trợ phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP) thực hiện năm 1998 tỉ lệ biết đọc, biết viết ở người trưởng thành bị khuyết tật trên toàn cầu là dưới 3%, ở phụ nữ khuyết tật chỉ 1%^[9]. Ở những nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), sinh viên khuyết tật có trình độ cao vẫn chưa nhiều mặc dù con số này đang có xu hướng tăng.

Theo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Việt Nam, trình độ học vấn của người khuyết tật ở Việt Nam rất thấp. 41% số người khuyết tật chỉ biết đọc biết viết; 19,5% học hết cấp một; 2,75% có trình độ trung học chuyên nghiệp hay chứng chỉ học nghề, và ít hơn 0.1% có bằng đại học hoặc cao đẳng. Nhìn chung, chỉ có khoảng 3% được đào tạo nghề chuyên môn, và chỉ hơn 4% người có việc làm ổn định. Hiện có hơn 40% người khuyết tật sống

dưới chuẩn nghèo (Bộ LĐTBXH, 2005).

** Khó khăn về vấn đề kiếm việc làm*

Khó khăn trong học tập ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng xin việc, trình độ học vấn chung của người khuyết tật thấp hơn tương đối so với cộng đồng. Ngoài ra một số công việc có những yêu cầu mà người khuyết tật khó thực hiện tốt được, điều này có thể được giảm thiểu bằng cách tránh những việc liên quan đến hạn chế của mình, chẳng hạn khuyết tật ở chân thì không nên tìm những việc phải đi lại quá nhiều. Một số khác thì yêu cầu ngoại hình và sức khỏe tốt, đây cũng là những công việc mà họ khó có thể tiếp cận.

Theo ước tính của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO-International Labour Organization) có khoảng 386 triệu người trên thế giới trong độ tuổi lao động bị khuyết tật. Tỷ lệ thất nghiệp của người khuyết tật ở một số quốc gia lên đến hơn 80%. Thông thường người sử dụng lao động cho rằng người khuyết tật không thể làm việc.

Năm 2004, cuộc điều tra ở Hoa Kỳ cho thấy chỉ có 35% người khuyết tật trong độ tuổi lao động đang có việc làm (mặc dù con số này cũng đã khá tốt so với các nước khác), trong khi đó 78% người không khuyết tật trong độ tuổi lao động có việc làm. Hai phần ba trong số người khuyết tật thất nghiệp nói rằng họ muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc.

Nghiên cứu của Đại học Rutgers năm 2003 cho biết 1/3 số người sử dụng lao động được khảo sát cho rằng, người khuyết tật có thể không có hiệu quả thực hiện công việc theo yêu cầu nhiệm vụ. Thứ hai, lý do phổ biến nhất cho việc không thuê người khuyết tật là sự sợ hãi phải đầu tư các thiết bị tốn kém.

1.2. Lý luận về hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

1.2.1. Một số khái niệm

** Khái niệm hỗ trợ:* Là sự giúp đỡ, sự trợ giúp. Giúp ai đang gặp phải khó khăn vượt qua một các dễ dàng.

* *Khái niệm học nghề*: Theo Điều 3 trong Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014: “*Học nghề là quá trình học tập, tích lũy kiến thức nghề nghiệp của con người để hướng tới mục đích chủ yếu là giải quyết việc làm*”. Học nghề theo nghĩa này được thể hiện bằng nhiều hình thức: giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng,... thậm chí là quá trình tự học của con người[12].

* *Khái niệm hỗ trợ học nghề*: Là sự trợ giúp những người gặp khó khăn về kinh tế, về pháp luật hay các mối quan hệ trong quá trình học nghề. Giúp họ có thể vượt qua những khó khăn trong quá trình học tập, tích lũy kiến thức nghề nghiệp của mình để hướng tới mục đích chủ yếu là giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập cuộc sống. (dựa vào khái niệm hỗ trợ và học nghề nêu trên)

Từ khái niệm về hỗ trợ học nghề, khái niệm về người khuyết tật, cũng như khái niệm nền tảng khác, khi nói tới khái niệm hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật, đặc biệt là sự hỗ trợ học tập cho NKT của các trung tâm, cơ sở của nhà nước thì hỗ trợ học nghề đối với NKT có thể hiểu như sau: *Là trợ giúp người khuyết tật về mặt giáo dục, chăm sóc sức khỏe, tâm sinh lý, phục hồi chức năng trong quá trình học nghề. Nhằm giúp người khuyết tật có thể giải quyết được những khó khăn trong quá trình học, nâng cao năng lực, đáp ứng nhu cầu của bản thân, vươn lên hòa nhập và góp phần vào phát triển xã hội cũng như an sinh xã hội.*

1.2.2. Một số loại hình học nghề đối với người khuyết tật

Do đặc điểm của người khuyết tật có một số khiếm khuyết trên cơ thể nhưng vẫn có thể hoạt động hay thao tác được, bên cạnh đó một số mô hình học nghề và mô hình doanh nghiệp có nhu cầu tuyển người khuyết tật ngày càng nhiều hơn, không những vậy sự khiếm khuyết một hay một số bộ phận trên cơ thể NKT lại phát huy được năng lực khác của họ... Chính vì vậy mà hiện nay có một số loại hình nghề nghiệp mà người khuyết tật có khả năng

học và làm nghề như:

** Nghề may công nghiệp*

Đây là một nghề hiện đang được các cơ sở đào tạo, trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật lựa chọn để giảng dạy, nghề may không đòi hỏi sức khỏe tốt, chỉ cần khéo léo, tỉ mỉ, sáng tạo. Nghề này có thể phù hợp với các bạn bị khuyết tật nhẹ, đặc biệt là người khuyết tật bị khiếm thính. Hiện nay, nghề may đang được dạy ở một số cơ sở đào tạo cho người khuyết tật hoặc những thầy cô giáo muốn đem việc làm đến với những người kém may mắn. Công việc này tương đối đơn giản, quá trình đào tạo không mất nhiều thời gian. Sau khi lành nghề, ứng viên có thể tìm việc làm cho người khuyết tật tại một số cơ sở may gia công. Hoặc, người khuyết tật có thể tự mở tiệm may, sửa quần áo để kiếm thu nhập.

** Nghề xoa bóp cổ truyền*

Được xem là hoạt động sản “mũi nhọn” giúp người khiếm thị tự nuôi sống bản thân và góp phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Thông thường người khuyết tật muốn làm tốt nghề này đều phải trải qua 06 tháng đào tạo về matxa, bấm huyệt, tại Trung tâm đào tạo phục hồi chức năng. Đây cũng là một việc làm cho người khuyết tật được nhiều người khiếm thị ưa thích. Công việc này chủ yếu cần lực của đôi tay. Sau lớp đào tạo, người lao động có thể xin vào một số cơ sở chuyên về massage tuyển người khuyết tật làm việc để làm nghề, hoặc có thể tự mở một cơ sở cho bản thân mình.

** Các nghề thuộc nhóm thủ công: thêu, mây tre đan*

Đây là mô hình đang được phát triển ở các làng nghề nông thôn mới, và các nhóm bạn trẻ từ nông thôn cho đến thành phố, đặc biệt là cho người khuyết tật tại Hà Nội nói riêng và nông thôn phía Bắc nói chung thường phát triển. Vì vậy, để có thể cạnh tranh các mặt hàng, ngoài mẫu mã sản phẩm đa dạng, chất liệu tốt, đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và khéo tay. Do đó nhóm nghề

này thính hợp với những bạn không yếu tay, có sự đam mê sáng tạo. Đối với những nghề này, người khuyết tật cần có thời gian học hỏi và nâng cao kinh nghiệm, đức tính cẩn thận là điều không thể thiếu, bạn cần có sự linh hoạt để học hỏi những cái mới, có tư duy sáng tạo tốt, tạo ra các sản phẩm độc đáo, bắt kịp xu hướng. Hiện nay, những sản phẩm thủ công mỹ nghệ của người khuyết tật không chỉ được bán trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài. Rất nhiều người ủng hộ những món hàng của người khuyết tật như một hình thức giúp đỡ cộng đồng. Bên cạnh đó, họ không chỉ tạo ra nhiều sản phẩm được nhiều người tiêu dùng trong và ngoài nước ưa chuộng, mà từ đó tạo ra thu nhập, và giúp đỡ được thêm người kém may mắn khác.

** Các nhóm nghề về sửa chữa máy tính, tin học văn phòng,...*

Các nhóm nghề về sửa chữa máy tính, lập trình web, là nghề phù hợp với người khuyết tật. Đây là nhóm nghề đòi hỏi sự hiểu biết về khá nhiều mảng, và khi được đào tạo thì mất nhiều thời gian hơn những ngành nghề khác, vì so với các nghề khác, thì để làm tốt được công việc này, người học phải có lượng kiến thức phong phú, nhóm nghề này cũng không đòi hỏi việc sử dụng chân tay nhiều mà chủ yếu là chất xám. Vậy nếu NKT có đủ năng lực và kiến thức để tiếp thu nhóm nghề này thì cơ hội việc làm sau học nghề sẽ được rộng mở hơn, đem lại nhiều lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội hơn..

1.2.3. Các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

Hoạt động công tác xã hội là hoạt động, hành động, thao tác công việc, nghề nghiệp trợ giúp trực tiếp và gián tiếp để nhằm giúp cho đối tượng có thể tự giải quyết vấn đề của mình. Nếu bản thân người NVCTXH chưa đủ kiến thức, chuyên môn CTXH còn yếu thì sẽ không thể trợ giúp được đối tượng của mình. Chính vì vậy cần có đội ngũ NVCTXH chuyên nghiệp, nắm vững được các kiến thức và kỹ năng thực tế. Trong CTXH có rất nhiều hoạt động nhằm trợ

giúp đối tượng, tuy nhiên với đối tượng là NKT, đặc biệt là NKT học nghề, NVCTXH có thể sử dụng một số hoạt động sau đây để có thể hỗ trợ đối tượng:

** Hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề đối với người khuyết tật*

Đa phần NKT thường có tâm lý mặc cảm, tự ti nên ngại tiếp xúc và tham gia vào các khóa học hỗ trợ nghề, hay những trung tâm dạy nghề. NKT luôn có tâm lý là bản thân bị khiếm khuyết trên cơ thể như vậy thì như một người thừa, không thể làm gì được. Chính suy nghĩ và sự mặc cảm, tự ti đây đã cản trở việc tiếp cận với việc học nghề. Bên cạnh đó, bản thân những người trực tiếp tổ chức những khóa học, hay chính những quản lý, người giảng dạy tại các Trung tâm, các Hội, những nhân viên công tác xã hội,... đôi khi chưa chú trọng đến việc hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề cho NKT. Để làm sao có thể giải thích cho họ hiểu được giá trị của bản thân và giá trị của việc học nghề.

Hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề đối với người khuyết tật là hoạt động cần NVCTXH dùng kỹ năng của bản thân để có thể truyền đạt và giải thích được tầm quan trọng của việc học nghề đối với người khuyết tật.

Nhằm giúp NKT nắm được các thông tin hữu ích, những hiểu biết liên quan đến học nghề để từ đó NKT cảm thấy việc học nghề có thể giúp họ trang bị cho bản thân một kiến thức cụ thể, đem lại sinh kế giúp họ ổn định cuộc sống, nâng cao giá trị của bản thân, cũng như hỗ trợ gia đình, hòa nhập cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội, và có đam mê với nghề mình muốn theo học.

Để đạt được những mong muốn nâng cao nhận thức về học nghề đối với NKT. NVCTXH cần tác động đến nhận thức của NKT về khó khăn và thuận lợi của từng nghề; cơ hội việc làm và thu nhập của nghề; tiến triển, triển vọng của nghề và bản thân NKT trong nghề; trong quá trình học nghề NKT sẽ được hưởng những ưu đãi, sự quan tâm của chính sách pháp luật ra sao:

- Được hưởng học bổng và trợ cấp xã hội, chế độ cử tuyển, chính sách

tín dụng giáo dục, chính sách miễn, giảm phí dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên quy định tại các điều 89, 90, 91 và 92 của Luật Giáo dục[11].

- Được tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí.

- Được giảm hoặc miễn học phí.

- Người tàn tật, khuyết tật học nghề thuộc hộ nghèo được miễn học phí, được cấp học bổng và hỗ trợ ăn, ở, đi lại theo quy định của pháp luật.

Để làm sao truyền đạt và giải thích nhằm nâng cao nhận thức về học nghề cho NKT, NVCTXH phải sử dụng những hình thức như: Tư vấn nâng cao nhận thức về học nghề cho cá nhân và gia đình NKT, tư vấn nâng cao nhận thức về học nghề cho nhóm đối tượng NKT, phổ biến nâng cao nhận thức về học nghề trên phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, internet,...),...v...v....

** Hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý trong quá trình học nghề đối với người khuyết tật*

Đôi khi trong quá trình học nghề, NKT sẽ gặp phải những vấn đề tâm lý không tránh khỏi. Những vấn đề tâm lý đó có thể đến từ chính bản thân NKT, đến từ gia đình, từ môi trường xã hội, hay chính những khó khăn trong quá trình học nghề như: định hướng nghề học, nghề nghiệp sau này, gia đình không muốn cho đi học, bản thân không thể tự đi lại để tham gia học được, hay những vấn đề về tâm sinh lý phát sinh trong quá trình theo học nghề,... Chính vì thế cần có những người có kiến thức chuyên sâu, những người cấp quản lý, giáo viên giảng dạy trực tiếp, những nhân viên công tác xã hội,... quan tâm, để ý, động viên và trợ giúp NKT gặp khó khăn về mặt tâm lý được giải tỏa, được hiểu đúng bản chất và tự bản thân giải quyết được vấn đề họ đang gặp phải.

Hoạt động tư vấn tâm lý đối với NKT tham gia học nghề là phải tư vấn cho NKT có thể lường trước được những vấn đề NKT có thể gặp phải trong

quá trình học, trợ giúp các vấn đề bên ngoài xã hội, các vấn đề khác làm ảnh hưởng đến tâm lý của NKT tham gia học nghề. NVCTXH cần dùng những kiến thức, kỹ năng của bản thân nhận ra được những vấn đề của NKT. Để từ đó, can thiệp – hỗ trợ NKT tự giải quyết được vấn đề của mình.

Trong quá trình NKT học nghề sẽ không tránh khỏi những áp lực về mặt tâm lý như cảm thấy khó khăn khi tiếp thu kiến thức học, mất định hướng nghề nghiệp, cảm thấy nghề học không phù hợp. Hay những áp lực về tâm sinh lý thấy thể chất của bản thân không đáp ứng đủ điều kiện để theo học, muốn bỏ ngang. Hay những mâu thuẫn giữa gia đình và NKT khi cảm thấy việc theo học của người khuyết tật là không cần thiết, hay không có điều kiện về kinh tế, điều kiện để đưa đón NKT đi học... Bên cạnh đó còn sự kỳ thị, phân biệt của xã hội tác động vào tâm lý của NKT tham gia học nghề. NVCTXH cần tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý cho NKT ở những mặt này. Bên cạnh đó, không chỉ trang bị các tình huống, sự việc có thể xảy ra trước khi NKT gặp vấn đề về tâm lý; mà khi NKT gặp phải vấn đề tâm lý rồi cần phải quan tâm, tìm hiểu vấn đề NKT gặp phải là gì, sau đó phân tích thông tin về mặt khoa học và khách quan cho NKT hiểu rõ được vấn đề họ đang gặp phải, để họ có thể tự giải quyết vấn đề của mình. Nhưng NVCTXH luôn theo sát, trợ giúp NKT trong quá trình họ giải quyết tâm lý của họ; và ổn định lại tâm lý sau khi họ đã giải quyết xong vấn đề.

Có thể sử dụng những hình thức tư vấn tâm lý cá nhân và gia đình, tư vấn tâm lý theo nhóm (nếu như nhóm có vấn đề tâm lý giống nhau, hay vấn đề tâm lý đó xuất phát từ nhóm phát sinh ra,..). Tư vấn tâm lý đan xen vào các buổi học, buổi sinh hoạt ngoại khóa, tổ chức các buổi dạy kỹ năng sống trong quá trình học nghề,... để dễ truyền tải thông điệp và giúp tâm lý của NKT đang gặp vấn đề đó được cân bằng, không bị phân tâm làm ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt,...

** Hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề đối với người khuyết tật*

Đối với người khuyết tật, để khuyến khích và hỗ trợ cho người khuyết tật học nghề, Nhà nước đã có các chính sách để người khuyết tật được tư vấn học nghề miễn phí, lựa chọn và học nghề theo khả năng, năng lực bình đẳng như những người khác (Điều 32 Luật Người khuyết tật). Có thể nói chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong lĩnh vực dạy nghề cho người khuyết tật đã tạo điều kiện cho người khuyết tật được tiếp cận với cơ hội học nghề và tìm kiếm việc làm.

Người khuyết tật được coi là đối tượng đặc thù, dạy nghề cho người khuyết tật cũng đòi hỏi phải có những phương pháp dạy nghề phù hợp. Để thực hiện mục tiêu dạy nghề cho người khuyết tật, Nhà nước đã có chính sách đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng, phương pháp đối với giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật. Giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật ngoài các quyền lợi chung còn được hưởng phụ cấp đặc thù cho việc giảng dạy người khuyết tật. Đối với giáo viên chuyên trách dạy nghề trong các cơ sở, các lớp dạy nghề dành riêng cho người khuyết tật, giáo viên chuyên trách dạy nghề ở các lớp hòa nhập cho người khuyết tật được hưởng phụ cấp đặc thù, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Việc dạy nghề cho người khuyết tật rất vất vả và khó khăn nên chính sách ưu đãi này sẽ không chỉ bù đắp được những công sức của giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật mà còn khuyến khích các giáo viên khác tham gia vào công việc này.

Nhà nước tạo điều kiện để người khuyết tật được học tập phù hợp với nhu cầu và khả năng. Người khuyết tật được nhập học ở độ tuổi cao hơn so với độ tuổi quy định đối với giáo dục phổ thông; được ưu tiên trong tuyển

sinh; được miễn, giảm một số môn học hoặc nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân không thể đáp ứng; người khuyết tật nghe, nói được học bằng ngôn ngữ ký hiệu; người khuyết tật nhìn được học bằng chữ nổi Braille theo chuẩn quốc gia.

Những chính sách, pháp luật cho NKT học nghề được quan tâm và đề ra rất nhiều. Nhưng để NKT tiếp cận được với những chính sách, pháp luật trong học nghề đó lại cần có sự hỗ trợ từ người kết nối, hay NVCTXH. Hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật là giúp NKT hiểu bản thân họ được hưởng những ưu đãi chính sách gì, trợ giúp họ về mặt kết nối, đứng trên cương vị là người biện hộ thay họ nếu họ gặp khó khăn trong quá trình tiếp cận với những ưu đãi chính sách đó.

Hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề nhằm giúp NKT tham gia học nghề hưởng những quyền lợi theo quy định, bên cạnh đó còn thúc đẩy NKT tham gia học nghề, có ý chí tham gia học, giảm áp lực về mặt vật chất – tâm lý, và hoàn thiện quá trình học để có thể sinh kế, đảm bảo an sinh xã hội.

Thông qua hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật đối với NKT trong học nghề, NVCTXH sẽ cung cấp kiến thức chính sách, pháp luật về học nghề cho NKT; hỗ trợ học viên tiếp cận với những quyền lợi mà học viên được hưởng theo quy định; trợ giúp giải quyết vấn đề pháp lý liên quan để được hưởng quyền lợi của học viên.

Có thể hỗ trợ chính sách, pháp luật qua hình thức tư vấn cá nhân và gia đình NKT, tư vấn cho nhóm NKT, đối với các Trung tâm có thể lồng ghép tư vấn vào các buổi học/ngoại khóa, hình thức phổ biến trên phương tiện thông tin đại chúng là hình thức đem lại hiệu quả cao bởi dễ tiếp cận.

** Hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính đối với người khuyết tật trong*

quá trình học nghề

Hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính là hoạt động giúp NKT tham gia học nghề được trang bị những điều kiện học tối ưu nhất, được hỗ trợ không chỉ về mặt cơ sở vật chất mà còn được hỗ trợ về mặt kinh tế, nguồn lực.

Nhằm giúp NKT có được môi trường học tốt nhất, điều kiện học và kinh tế đảm bảo cho việc duy trì, và theo học. Khiến họ cảm thấy được sự quan tâm từ xã hội,

Người khuyết tật tham gia học nghề được NVCTXH trao đổi về các loại hình hỗ trợ vật chất – tài chính; được trang bị và đáp ứng những trang thiết bị, cơ sở vật chất tốt;... được miễn, giảm học phí, chi phí đào tạo, các khoản đóng góp khác; được xét cấp học bổng, hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập, Người tàn tật, khuyết tật học nghề thuộc hộ nghèo được miễn học phí, được cấp học bổng và hỗ trợ ăn, ở, đi lại theo quy định của pháp luật, tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí.. Người khuyết tật được cung cấp phương tiện, tài liệu hỗ trợ học tập dành riêng trong trường hợp cần thiết. Bên cạnh đó, nhà nước đặc biệt quan tâm đến cung cấp, trang bị các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc học nghề của người khuyết tật. Ngoài ra tại các cơ sở dạy nghề còn thường xuyên liên kết, kết nối nguồn lực từ các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp trên địa bàn để xây dựng lên một quỹ học nghề riêng, nhằm hỗ trợ và đảm bảo vật chất – tài chính cho người khuyết tật trong quá trình tham gia học nghề. NVCTXH đóng vai trò là người kết nối nguồn lực, biện hộ, trợ giúp NKT học nghề được đáp ứng những nhu cầu vật chất – tài chính đáng được hưởng.

Thông qua việc hỗ trợ cá nhân và gia đình NKT để đáp ứng những nhu cầu vật chất – tài chính cần thiết. Hỗ trợ nhóm NKT tham gia học nghề được cùng nhau hưởng chính sách về tài chính hợp lý, Hỗ trợ cung cấp trang thiết

bị, cơ sở vật chất và kinh phí thiết yếu. NVCTXH đóng vai người kết nối và biện hộ cùng NKT tham gia học nghề xin hỗ trợ từ các cấp có thẩm quyền và kết nối nguồn lực bên ngoài.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

1.3.1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về người khuyết tật

Nhìn chung Nhà nước đã và đang dành sự quan tâm rất lớn đến các chính sách, pháp luật cho người khuyết tật học nghề. Nhưng sự phổ biến và tiếp cận với các chính sách, pháp luật của nhà nước thì chính các đối tượng người khuyết tật lại chưa được biết đến nhiều và hiểu hết các quyền lợi mà họ được nhận. Hiện còn 32 tỉnh, thành phố (trong đó có nhiều tỉnh miền núi, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, khu IV cũ) chưa có trung tâm, trường chuyên biệt dành cho học viên khuyết tật.

Về quyền được học nghề và việc làm đối với NKT, theo TS. Nguyễn Ngọc Toàn, Phó cục trưởng Cục Bảo trợ (Bộ LĐ-TB&XH), hiện nay số lượng NKT được dạy nghề vẫn chỉ đạt ở mức thấp và hầu hết là trình độ sơ cấp. Giai đoạn 2010 - 2014 có khoảng 120.000 NKT được hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm. Đáng nói, ngoài vấn đề về kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề, hiện nhiều địa phương cũng chưa thực hiện việc hỗ trợ cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng 30% lao động là NKT trở lên...

Bên cạnh các chính sách, pháp luật được hưởng còn cần chú trọng đến các chính sách động viên tinh thần cho NKT học nghề. Khiến họ cảm thấy được sự quan tâm và tinh thần thoải mái, có động lực tham gia học nghề.

1.3.2. Bản thân người khuyết tật

Tâm lý của người khuyết tật đa phần là luôn cảm thấy mặc cảm, tự ti về bản thân vì cơ thể không được hoàn chỉnh, lạnh lặn như bao người. Sẽ không

tránh khỏi những suy nghĩ mình như một người thừa, vô dụng, không làm được việc gì, bản thân khiếm khuyết như vậy thì làm được gì mà còn học nghề để làm gì,... Nhưng chính những suy nghĩ của bản thân người khuyết tật như vậy là rào cản vô cùng lớn đến việc người khuyết tật được tiếp cận với những chính sách, pháp luật, những quyền lợi mà bản thân người khuyết tật đáng nhận được. Hơn hết là sự tiếp nối mặc cảm, tự ti mà người khuyết tật không tự thoát ra được để hòa nhập cộng đồng, tham gia vào quá trình học nghề và tìm kiếm việc làm, cơ hội cho chính bản thân họ. Vì vậy, người khuyết tật không nên ỷ lại hay dựa dẫm vào người thân, mà hãy tự tin chủ động hoà nhập, không ngừng nâng cao kiến thức, kỹ năng của bản thân. Khuyết tật không phải dấu chấm hết, khi cánh cửa này đóng lại một cánh cửa khác sẽ mở ra và bạn hãy dũng cảm vượt qua để khám phá sau cánh cửa mới, thách thức mới.

1.3.3. Gia đình người khuyết tật và nhận thức của cộng đồng

Đôi khi sự cản trở không đến từ bản thân người khuyết tật, từ các chính sách của Nhà nước không được tiếp cận mà lại chính là từ gia đình và xã hội.

Yếu tố gia đình là một trong những yếu tố tác động mạnh tới việc tham gia vào quá trình học nghề của người khuyết tật. Người khuyết tật bản thân họ đã mặc cảm, tự ti rồi nhưng nếu có sự hậu thuẫn, ủng hộ, hỗ trợ từ phía gia đình như: chăm sóc sức khỏe cho NKT, chú trọng động viên tinh thần cho NKT ... như vậy thì người khuyết tật mới có đủ thể chất tốt, có nghị lực, yên tâm để học nghề. Ngược lại, người khuyết tật sẽ không có động lực để học nghề và khẳng định bản thân được nếu gia đình không ủng hộ và trợ giúp.

Cộng đồng có sự ảnh hưởng vô cùng lớn tác động đến tâm lý, suy nghĩ của người khuyết tật. Sự nhìn nhận đúng đắn của cộng đồng về việc người khuyết tật hòa nhập, tham gia vào học nghề để thay đổi bản thân, loại bỏ những suy nghĩ tiêu cực, mặc cảm, tự ti là hết sức quý giá. Đó chính là động lực thúc đẩy NKT vươn lên hoàn thiện mình, và sẽ không còn sự phân biệt, kỳ thị đối với người khuyết tật nữa. Cộng đồng nên có một cái nhìn đúng đắn

hiển công bằng xã hội, an sinh đất nước ngày càng được phát triển.

1.3.4. Năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý

Công tác dạy nghề cho NKT còn nhiều bất cập. Dẫn đến tình trạng này chủ yếu là do nhận thức về dạy nghề và tạo việc cho người khuyết tật còn chưa đầy đủ. Đồng thời, hệ thống dạy nghề tại các cơ sở còn yếu và thiếu, chưa đủ khả năng đáp ứng công tác dạy nghề cho NKT. Bên cạnh đó, nội dung chương trình dạy và hình thức đào tạo cũng chưa hợp lý, cần có những giáo trình dành riêng cho NKT. Đội ngũ giáo viên dạy nghề cho NKT còn yếu cả về kiến thức, kỹ năng và nhận thức về các lĩnh vực kỹ thuật, sư phạm. Các cơ sở dạy nghề cho NKT chưa có số liệu thống kê đánh giá, phân loại số NKT theo mức độ, dạng tật, theo khả năng lao động để giúp cho công tác dạy nghề phù hợp với khả năng học nghề, khả năng lao động, yêu cầu của nghề nghiệp trong tương lai. Đồng thời, các cơ sở đào tạo chưa phù hợp với thị trường lao động, chủ yếu đào tạo ngắn hạn, chưa chú trọng đào tạo văn hóa, chuyên môn kỹ thuật dẫn đến hạn chế cơ hội việc làm của NKT.

Dịch vụ hỗ trợ việc làm cho NKT tập trung chủ yếu ở khâu dạy nghề và giới thiệu việc làm, trong khi khâu tư vấn nghề, hỗ trợ tại nơi làm việc, tạo ra các điều chỉnh hợp lý tại nơi làm việc còn hạn chế. Các đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến việc làm và phục hồi khả năng lao động cho NKT như các cơ sở dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm, đơn vị phục hồi chức năng, doanh nghiệp... chưa tạo được sự kết nối, hợp tác chặt chẽ.

Ngoài chú trọng đến công tác giảng dạy, đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý cần tâm huyết với nghề, tận tình giảng dạy, và luôn quan tâm động viên tinh thần cho các học viên. Chính những yếu tố này là động lực lớn mạnh cho cả đội ngũ giáo viên và học viên học nghề.

1.4. Cơ sở luật pháp, chính sách về hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

1.4.1. Cơ sở pháp luật về học nghề đối với người khuyết tật

Về cơ bản, việc tham gia học nghề của NKT giống như những người bình thường học nghề khác nên cũng tuân theo chính sách chung về dạy nghề. Tuy nhiên, vì NKT có những điểm đặc thù nên cần phải có những chính sách riêng dành cho họ. Chính sách dạy nghề, học nghề đối với NKT được thể hiện thông qua một số luật như sau: Luật người khuyết tật ban hành năm 2010, tại chương 1 quy định 4 điều về dạy nghề và việc làm. Luật Giáo dục nghề nghiệp ban hành năm 2014 cũng quy định về chính sách đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với người khuyết tật, người khuyết tật tham gia học nghề được miễn giảm học phí,... với mục tiêu giúp họ có năng lực thực hành nghề phù hợp với khả năng lao động của mình, tự tạo sinh kế và đảm bảo thu nhập cho bản thân. Ngoài ra, còn có một số chính sách đối với cơ sở dạy nghề và giáo viên dạy nghề như: Luật người khuyết tật quy định tại Điều 32 về dạy nghề đối với NKT phải đảm bảo điều kiện dạy nghề cho NKT và được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định pháp luật, cùng với Điều 125, Điều 126 Bộ luật lao động 2005[3], Luật dạy nghề đã dành riêng chương VII để quy định về dạy nghề cho NKT, chương III trong Nghị định 43/2008/NĐ-CP Hướng dẫn Điều 62 và Điều 72 của Luật Dạy nghề Điều 62 và Điều 72 của Luật Dạy nghề về chính sách đối với giáo viên dạy nghề và chính sách đối với giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật.

** Chương V Luật người khuyết tật 2010 đã quy định về dạy nghề và việc làm như sau:*

Dạy nghề đối với người khuyết tật: Nhà nước bảo đảm để người khuyết tật được tư vấn học nghề miễn phí, lựa chọn và học nghề theo khả năng, năng lực bình đẳng như những người khác; Cơ sở dạy nghề có trách nhiệm cấp văn bằng, chứng chỉ, công nhận nghề đào tạo khi người khuyết tật học hết chương trình đào tạo và đủ điều kiện theo quy định của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề; Cơ sở dạy nghề tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật

phải bảo đảm điều kiện dạy nghề cho người khuyết tật và được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật; Người khuyết tật học nghề, giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Việc làm đối với người khuyết tật: Nhà nước tạo điều kiện để người khuyết tật phục hồi chức năng lao động, được tư vấn việc làm miễn phí, có việc làm và làm việc phù hợp với sức khỏe và đặc điểm của người khuyết tật; Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không được từ chối tuyển dụng người khuyết tật có đủ tiêu chuẩn tuyển dụng vào làm việc hoặc đặt ra tiêu chuẩn tuyển dụng trái quy định của pháp luật nhằm hạn chế cơ hội làm việc của người khuyết tật; Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động là người khuyết tật tùy theo điều kiện cụ thể bố trí sắp xếp công việc, bảo đảm điều kiện và môi trường làm việc phù hợp cho người khuyết tật; Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động là người khuyết tật phải thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về lao động đối với lao động là người khuyết tật; Tổ chức giới thiệu việc làm có trách nhiệm tư vấn học nghề, tư vấn và giới thiệu việc làm cho người khuyết tật; Người khuyết tật tự tạo việc làm hoặc hộ gia đình tạo việc làm cho người khuyết tật được vay vốn với lãi suất ưu đãi để sản xuất kinh doanh, được hướng dẫn về sản xuất, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm theo quy định của Chính phủ.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật

Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật được hỗ trợ cải tạo điều kiện, môi trường làm việc phù hợp cho người khuyết tật; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp; được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo dự án phát triển sản xuất kinh doanh; được ưu tiên cho thuê đất, mặt bằng, mặt nước và miễn, giảm tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất, kinh doanh theo tỷ lệ lao động là người khuyết tật, mức độ

khuyết tật của người lao động và quy mô doanh nghiệp.

Chính sách nhận người khuyết tật vào làm việc: Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhận người khuyết tật vào làm việc. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Điều 34 của Luật này; Chính phủ quy định chi tiết chính sách khuyến khích cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhận người khuyết tật vào làm việc quy định tại khoản 1 Điều này.

** Luật dạy nghề đã dành riêng chương VII để quy định về dạy nghề cho người khuyết tật[10]:*

Mục tiêu dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật: Dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật nhằm giúp họ có năng lực thực hành nghề phù hợp với khả năng lao động của mình để tự tạo việc làm hoặc tìm được việc làm, ổn định đời sống và hoà nhập cộng đồng.

Cơ sở dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật: Cơ sở dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 40 của Luật này và các điều kiện (Cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề; giáo trình, phương pháp và thời gian dạy nghề phù hợp với người tàn tật, khuyết tật. Giáo viên có chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giảng dạy cho người tàn tật, khuyết tật). Các công trình xây dựng phục vụ cho người tàn tật, khuyết tật học nghề phải bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chính sách đối với cơ sở dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật: Nhà nước khuyến khích các cơ sở dạy nghề tuyển người tàn tật, khuyết tật vào học hòa nhập; khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở dạy nghề dành cho người tàn tật, khuyết tật; Cơ sở dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật được hưởng các chính sách quy định tại Điều 53 của Luật này và được Nhà nước hỗ trợ về tài chính để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề; được giao đất không

thu tiền hoặc thuê đất ở nơi thuận lợi cho việc học nghề của người tàn tật, khuyết tật.

Chính sách đối với người tàn tật, khuyết tật học nghề: Được hưởng học bổng và trợ cấp xã hội, chế độ cử tuyển, chính sách tín dụng giáo dục, chính sách miễn, giảm phí dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên quy định tại các điều 89, 90, 91 và 92 của Luật giáo dục; Được tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí; Được giảm hoặc miễn học phí; Người tàn tật, khuyết tật học nghề thuộc hộ nghèo được miễn học phí, được cấp học bổng và hỗ trợ ăn, ở, đi lại theo quy định của pháp luật.

Chính sách đối với giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật: Nhà nước đầu tư đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng, phương pháp dạy nghề đối với giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật; Giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật được hưởng chế độ đối với giáo viên dạy nghề quy định tại Điều 62 của Luật này và được hưởng phụ cấp đặc thù theo quy định của Chính phủ.

** Chương III trong Nghị định 43/2008/NĐ-CP Hướng dẫn Điều 62 và Điều 72 của Luật Dạy nghề Điều 62 và Điều 72 của Luật Dạy nghề về chính sách đối với giáo viên dạy nghề và chính sách đối với giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật:*

Chính sách đầu tư đào tạo và bồi dưỡng giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật: Nhà nước có chính sách đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực cho các cơ sở đào tạo để đào tạo giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật; Nhà nước đầu tư xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về chuyên môn, kỹ năng, phương pháp dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật.

Đối tượng và điều kiện hưởng phụ cấp đặc thù: Giáo viên chuyên trách

dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật (Giáo viên chuyên trách dạy nghề trong các cơ sở dạy nghề dành riêng cho người tàn tật, khuyết tật; Giáo viên chuyên trách dạy nghề cho các lớp dạy nghề dành riêng cho người tàn tật, khuyết tật; Giáo viên chuyên trách dạy nghề trong các lớp dạy nghề hòa nhập cho người tàn tật, khuyết tật). Giáo viên tham gia dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật (Giáo viên tham gia dạy nghề trong các cơ sở dạy nghề, lớp dạy nghề dành riêng cho người tàn tật, khuyết tật; Giáo viên tham gia dạy nghề trong các lớp dạy nghề hòa nhập cho người tàn tật, khuyết tật trong các cơ sở dạy nghề).

Mức phụ cấp đặc thù: Giáo viên chuyên trách dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật quy định tại các điểm a và b khoản 1, Điều 9 Nghị định này, được hưởng mức phụ cấp 70% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); Giáo viên tham gia dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 9 Nghị định này, được hưởng mức phụ cấp 70% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Mức phụ cấp được tính theo số giờ thực tế giảng dạy; Giáo viên chuyên trách dạy nghề hòa nhập cho người tàn tật, khuyết tật quy định tại điểm c khoản 1, Điều 9 Nghị định này, được hưởng phụ cấp đặc thù dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật theo các mức (35% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với lớp dạy nghề hòa nhập có từ 5% đến dưới 10% học viên là người tàn tật, khuyết tật; 40% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với lớp dạy nghề hòa nhập có từ 10% đến dưới 20% học viên là người tàn tật, khuyết tật; 45% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với lớp dạy nghề hòa nhập có từ 20% đến dưới 30% học viên là người tàn tật, khuyết tật; 50% mức

lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với lớp dạy nghề hòa nhập có từ 30% đến dưới 40% học viên là người tàn tật, khuyết tật; 55% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với lớp dạy nghề hòa nhập có từ 40% đến dưới 50% học viên là người tàn tật, khuyết tật; 60% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với lớp dạy nghề hòa nhập có từ 50% đến dưới 60% học viên là người tàn tật, khuyết tật; 65% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với lớp dạy nghề hòa nhập có từ 60% đến dưới 70% học viên là người tàn tật, khuyết tật); Giáo viên tham gia dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 9 Nghị định này, được hưởng các mức phụ cấp quy định tại khoản 3 Điều này, tính theo số giờ thực tế giảng dạy.

Cách tính, trả phụ cấp: Giáo viên dạy nghề cho người tàn tật, khuyết tật hưởng phụ cấp đặc thù quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định này thì không được hưởng phụ cấp ưu đãi quy định tại Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Giáo viên tham gia dạy nghề tại các lớp dạy nghề hòa nhập cho người tàn tật, khuyết tật trong các cơ sở dạy nghề theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 9 Nghị định này thì số giờ thực tế giảng dạy được hưởng phụ cấp đặc thù quy định tại khoản 4 Điều 10 của Nghị định này sẽ không được tính để hưởng phụ cấp ưu đãi theo quy định tại Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Giáo viên dạy thực hành nghề cho người tàn tật, khuyết tật trong các nghề có yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì ngoài chế độ phụ cấp đặc

thù theo quy định tại các Điều 9, 10 và các khoản 1, 2 Điều này, còn được hưởng phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm quy định tại Chương II Nghị định này; Phụ cấp đặc thù được trả cùng kỳ lương hàng tháng, không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

1.4.2. Cơ sở pháp luật về hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

Các chính sách, pháp luật về học nghề cho người khuyết tật nhìn chung đã được Đảng và Nhà nước rất quan tâm và ban hành rất nhiều Luật và Bộ Luật. Song bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước cũng ban hành Thông tư, Quyết định liên quan nhằm hỗ trợ học nghề và đặc biệt là về công tác xã hội liên quan như sau:

** Theo Thông tư 01/2015/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về hướng dẫn quản lý trường hợp đối với người khuyết tật quy định Nhiệm vụ quản lý trường hợp:*

Thu thập thông tin và nhu cầu của người khuyết tật: Thông tin về người khuyết tật (Thông tin cơ bản, bao gồm: Họ và tên, ngày sinh, giới tính, tình trạng hôn nhân, địa chỉ nơi ở, thông tin liên lạc, số chứng minh nhân dân; Nghề nghiệp; Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn; Các dịch vụ và chính sách trợ giúp xã hội mà người khuyết tật đang thụ hưởng; Nhu cầu hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên của người khuyết tật; Thu nhập của người khuyết tật). Thông tin về khuyết tật (Dạng tật, mức độ khuyết tật và nguyên nhân; Khả năng tự phục vụ trong sinh hoạt của người khuyết tật; Hiện trạng về thể chất, tinh thần). Thông tin về gia đình người khuyết tật (Số thành viên trong gia đình; Hoàn cảnh kinh tế; Nguồn thu nhập chính của gia đình, bao gồm: Khoản thu nhập từ việc làm, chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng và các chương trình trợ giúp xã hội khác; Các khoản chi phí mua lương thực, thức ăn, quần áo, học phí, khám, chữa bệnh, chi khác và khả năng chi trả; Điều kiện chỗ ở và môi trường sống;

Khả năng chăm sóc người khuyết tật của gia đình; Nhu cầu cần hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên).

Đánh giá nhu cầu của người khuyết tật: Người quản lý trường hợp đánh giá nhu cầu của người khuyết tật trên các lĩnh vực (Hỗ trợ sinh kế; Chăm sóc sức khỏe, y tế; Giáo dục, học nghề, việc làm; Mối quan hệ gia đình và xã hội; Các kỹ năng sống; Tham gia, hòa nhập cộng đồng; Tâm lý, tình cảm). Trường hợp người khuyết tật không cung cấp được đầy đủ thông tin, người quản lý trường hợp có trách nhiệm phối hợp với đại diện gia đình hoặc người giám hộ đánh giá nhu cầu của người khuyết tật.

Xây dựng kế hoạch trợ giúp người khuyết tật: Căn cứ kết quả đánh giá nhu cầu của người khuyết tật, người quản lý trường hợp xác định người khuyết tật cần được quản lý trường hợp theo các tiêu chí (Có nhu cầu được trợ giúp liên tục; Có nhu cầu được trợ giúp lâu dài; Tự nguyện tham gia; Đủ điều kiện để nhận dịch vụ tại địa phương). Xây dựng kế hoạch trợ giúp người khuyết tật. Người quản lý trường hợp chủ trì, phối hợp với người khuyết tật, gia đình hoặc người giám hộ của người khuyết tật và các tổ chức, cá nhân liên quan để xây dựng kế hoạch trợ giúp người khuyết tật. Nội dung kế hoạch trợ giúp người khuyết tật (Mục tiêu cụ thể cần đạt được; Các hoạt động cụ thể cần thực hiện theo thứ tự ưu tiên để đạt được mục tiêu; Khung thời gian thực hiện cho từng hoạt động; Nguồn lực cần thiết để thực hiện các hoạt động được đề ra; Trách nhiệm của tổ chức, gia đình và cá nhân tham gia và người chịu trách nhiệm cho từng nhiệm vụ; Các đơn vị cung cấp dịch vụ tham gia thực hiện kế hoạch).

Thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật: Người quản lý trường hợp có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội phê duyệt kế hoạch trợ giúp người khuyết tật; Người quản lý trường hợp phối hợp với các cơ quan, đoàn thể cấp

xã và các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ người khuyết tật thực hiện kế hoạch (Tur vấn, giới thiệu người khuyết tật tiếp cận các cơ quan, đơn vị chức năng hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, việc làm, giáo dục, xã hội và cơ sở khác; Chuyển tuyến, kết nối với các cơ quan, đơn vị chức năng hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, việc làm, giáo dục, xã hội và cơ sở khác đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật; Hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, thụ hưởng các chính sách và chương trình trợ giúp xã hội; Vận động nguồn lực thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật); Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật (Người quản lý trường hợp có trách nhiệm theo dõi, ghi chép tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và hàng năm; Người quản lý trường hợp rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trợ giúp người khuyết tật cho phù hợp với nhu cầu của người khuyết tật).

Theo dõi, đánh giá và kết thúc quản lý trường hợp với người khuyết tật: Người quản lý trường hợp theo dõi và đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật theo các nội dung (Kết quả thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật; Mức độ đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật; Khả năng sống độc lập và năng lực hòa nhập cộng đồng của người khuyết tật; Mức độ phù hợp của các dịch vụ được cung cấp cho người khuyết tật; Khả năng kết nối dịch vụ); Căn cứ vào kết quả đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch trợ giúp người khuyết tật, người quản lý trường hợp đề xuất kết thúc trường hợp với người khuyết tật và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội quyết định; Kết thúc quản lý trường hợp (Kết thúc quản lý trường hợp với người khuyết tật trong các trường hợp sau: Mục tiêu đã đạt được; Dịch vụ cung cấp cho người khuyết tật không phù hợp; Người khuyết tật không liên hệ trong vòng 6 tháng hoặc lâu hơn; Người khuyết tật được chuyển sang một cán bộ quản lý trường hợp khác;

Người khuyết tật chuyên khỏi địa bàn cung cấp dịch vụ; Cơ sở cung cấp dịch vụ kết thúc hợp đồng với người khuyết tật; Cùng đồng ý kết thúc dịch vụ; Người khuyết tật được chuyển tới một chương trình với những dịch vụ hợp lý hơn; Người khuyết tật không cần đến dịch vụ nữa; Người khuyết tật chết; Các nguyên nhân khác. Người quản lý trường hợp báo cáo cấp có thẩm quyền tổ chức họp với các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, người khuyết tật, gia đình hoặc người giám hộ của người khuyết tật để thống nhất kết thúc quản lý trường hợp với người khuyết tật. Người quản lý trường hợp, người khuyết tật, gia đình hoặc người giám hộ của người khuyết tật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội ký vào biên bản kết thúc quản lý trường hợp với người khuyết tật.

Ghi chép và lưu trữ hồ sơ: Người quản lý trường hợp ghi chép đầy đủ, chính xác các thông tin theo dõi quy trình quản lý trường hợp với người khuyết tật; Hồ sơ quản lý trường hợp người khuyết tật được lưu trữ và bảo mật tại đơn vị theo quy định của pháp luật hiện hành về lưu trữ. Việc chia sẻ thông tin cá nhân của người khuyết tật phải có sự đồng ý của người khuyết tật, gia đình hoặc người giám hộ của người khuyết tật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

** Theo Quyết định phê duyệt đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 – 2020 số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010, mục tiêu cụ thể như sau:*

Mục tiêu chung nhằm phát triển công tác xã hội trở thành một nghề ở Việt Nam. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề công tác xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại các cấp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến.

Mục tiêu cụ thể: Giai đoạn 2010 – 2015: Xây dựng và ban hành mã ngạch, chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức công tác xã hội; tiêu chuẩn đạo đức cán bộ, viên chức, nhân viên công tác xã hội, tiêu chuẩn, quy trình cung cấp dịch vụ công tác xã hội: áp dụng ngạch, bậc lương đối với các ngạch viên chức công tác xã hội; Xây dựng, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan nhằm tạo môi trường pháp lý đồng bộ, thống nhất để phát triển nghề công tác xã hội; Phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội trong cả nước, phấn đấu đến năm 2015 tăng khoảng 10%. Trong đó, mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất từ 01 đến 02 cán bộ, viên chức, nhân viên công tác xã hội thuộc chức danh không chuyên trách hoặc cộng tác viên công tác xã hội với mức phụ cấp hàng tháng bằng mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định; Xây dựng tối thiểu 10 mô hình điểm Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại một số quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đại diện cho các khu vực, vùng, miền trong phạm vi toàn quốc; Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng cho 50% số cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đang làm việc tại các xã, phường, thị trấn; các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội và cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp; Xây dựng, hoàn chỉnh chương trình, nội dung nội dung đào tạo và dạy nghề trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học công tác xã hội; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ngành công tác xã hội; Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề công tác xã hội.

Giai đoạn 2016 – 2020: Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội theo các loại hình cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội và theo nhóm đối tượng; xây dựng, ban hành mới và tiếp tục hoàn chỉnh các văn bản pháp luật có liên quan

để tạo môi trường pháp lý đồng bộ, thống nhất để phát triển nghề công tác xã hội; Phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội ở các cấp, phấn đấu tăng khoảng 50%; hỗ trợ nhân rộng mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội ở các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng cho 50% số cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đang làm việc tại các xã, phường, thị trấn; các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội và cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp; Xã hội hóa các hoạt động công tác xã hội theo hướng khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia việc đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng và cung cấp dịch vụ công tác xã hội; Tiếp tục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề công tác xã hội.

** Theo Thông tư 01/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 02 năm 2017 quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội, quy định như sau:*

Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của công tác xã hội: Tôn trọng và phát huy quyền lựa chọn, quyền quyết định mà không phân biệt giá trị, niềm tin, tư tưởng và cuộc sống của đối tượng và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; Thúc đẩy sự tham gia đầy đủ của đối tượng bằng cách giúp đối tượng tự quyết định và giải quyết các vấn đề có ảnh hưởng đến cuộc sống; Tập trung vào điểm mạnh, tận dụng các nguồn lực sẵn có của đối tượng để thúc đẩy việc trao quyền; Chịu trách nhiệm đối với các hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội, bảo đảm đối tượng được cung cấp dịch vụ công tác xã hội phù hợp và chất lượng; Thúc đẩy công bằng xã hội, bảo đảm cung cấp nguồn lực một cách công bằng, minh bạch theo nhu cầu của đối tượng; Tôn trọng sự đa dạng, không phân biệt đối xử về khả năng, tuổi tác, giới tính, tình

trạng hôn nhân, tình trạng kinh tế - xã hội, màu da, chủng tộc, quốc tịch, quan điểm chính trị, tín ngưỡng tôn giáo và các đặc điểm sức khỏe của đối tượng.

Yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Cần, kiệm, liêm, chính, không được lạm dụng các mối quan hệ với đối tượng để vụ lợi cá nhân; xác định rõ ranh giới giữa cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp; Tâm huyết, trách nhiệm, chủ động và sáng tạo trong việc cung cấp dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp cho đối tượng; Kiên nhẫn, thấu hiểu, chia sẻ và quan tâm đối với đối tượng; Đặt lợi ích của đối tượng là quan trọng nhất trong quá trình hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội; Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghề nghiệp của mình theo quy định của pháp luật; Giữ gìn sự đoàn kết với các đồng nghiệp; không lợi dụng, chia rẽ mối quan hệ giữa các đồng nghiệp; Chăm sóc bản thân và xây dựng hình ảnh phù hợp để đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp, hiệu quả.

Tuân thủ kỷ luật nghề nghiệp: Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị. Hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội trong phạm vi nhiệm vụ được giao và không được từ chối yêu cầu cung cấp dịch vụ công tác xã hội phù hợp của đối tượng; Bảo mật thông tin liên quan đến đối tượng. Trường hợp chia sẻ thông tin phải thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc có ý kiến đồng ý của đối tượng và người quản lý chuyên môn; Tôn trọng quyền được xem hồ sơ của đối tượng. Trường hợp từ chối, phải lập biên bản nêu rõ lý do cho đối tượng; Tôn trọng, chia sẻ, đồng cảm và giúp đỡ đồng nghiệp trong mối quan hệ công việc và xã hội; Sẵn sàng hợp tác với các đối tác, chuyên gia trong lĩnh vực công tác xã hội và lĩnh vực khác có liên quan; Sử dụng ngôn ngữ, văn phong chính xác, chuẩn mực trong các hoạt động truyền thông, giao tiếp với đồng nghiệp và đối tượng; Chỉ dừng cung cấp dịch vụ công tác xã hội khi đối tượng không còn nhu cầu. Trong trường hợp bất khả kháng, phải có giải pháp phù hợp để bảo đảm dịch vụ công tác xã hội được

cung cấp liên tục, không ảnh hưởng đến lợi ích của đối tượng; Thường xuyên học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng và nhận thức về chuyên môn công tác xã hội, đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn nghề nghiệp công tác xã hội theo quy định của pháp luật; Có kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ công tác xã hội, văn hóa, phong tục, tập quán, tôn giáo để phục vụ cho công việc; Có trách nhiệm và khả năng hợp tác làm việc trong các nhóm liên ngành. Đóng góp, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức của mình để nhóm liên ngành hoạt động có hiệu quả; Có khả năng tham vấn ý kiến đồng nghiệp và đối tượng để nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công tác xã hội; Có khả năng tạo lập mối quan hệ trong xã hội, uy tín, liên kết và giới thiệu những chuyên gia giỏi, tổ chức có uy tín đáp ứng tốt nhất nhu cầu của đối tượng; Luôn yêu nghề và bảo vệ uy tín nghề nghiệp.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 thao tác hóa hệ thống lý luận liên quan đến NKT, học nghề cho người khuyết tật, hỗ trợ học nghề cho người khuyết tật.

Các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật rất đa dạng nhưng các hoạt động: hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề cho người khuyết tật; hỗ trợ tư vấn tâm lý cho người khuyết tật; hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề cho người khuyết tật; hỗ trợ vật chất – tài chính cho người khuyết tật trong quá trình học nghề là những hoạt động cần thiết nhất hơn cả, đóng vai trò tiền đề trong việc giúp người khuyết tật có thể hiểu được giá trị của việc học nghề, là then chốt cho quá trình tìm hiểu những khó khăn về mặt tâm lý mà NKT đang gặp phải, trợ giúp cho NKT có thể hiểu bản chất của vấn đề và tự đưa ra được hướng giải quyết cho vấn đề của mình, cung cấp cho NKT sự hiểu biết những quyền lợi trong quá trình học nghề mà họ được hưởng, cũng như giúp họ có thể an tâm học nghề hơn khi biết được những chính sách ưu tiên cho người khuyết tật, trang bị những cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, những chính sách tài chính dành cho NKT, kết nối nguồn lực và hỗ trợ về kinh tế cho NKT trong học nghề phần nào khiến người khuyết tật có thể an tâm học nghề và được đáp ứng những quyền lợi tối ưu.

Bên cạnh đó cần tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật. Từ đó khắc phục những yếu tố ảnh hưởng để việc thực hiện hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật được nâng cao. Trong các yếu tố tác động có rất nhiều yếu tố nhưng rõ nét nhất là các yếu tố về mặt chính sách, pháp luật của Nhà nước; bản thân NKT; gia đình NKT và nhận thức của cộng đồng; năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT TẠI TRUNG TÂM DẠY NGHỀ - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI TÀN TẬT TỈNH BẮC NINH

2.1. Khái quát về địa bàn và khách thể nghiên cứu

2.1.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

2.1.1.1. Lịch sử hình thành Trung tâm

Tiền đề của Trung tâm ban đầu là từ Xí nghiệp sản xuất của thương binh thuộc Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Bắc Ninh. Ngày 28/8/1979 UBND tỉnh Hà Bắc “trước đây” đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-UB về việc thành lập Xí nghiệp. Sau đó, ngày 29/3/2001 căn cứ quyết định số 20/2001/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Ninh, Xí nghiệp sản xuất của thương binh được đổi tên thành “Xí nghiệp sản xuất của thương binh và người tàn tật tỉnh Bắc Ninh”. Tiếp đó, trên cơ sở từ Xí nghiệp sản xuất của thương binh và người tàn tật tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh ra quyết định số 178/2004/QĐ-UB ngày 05/11/2004 chính thức thành lập Trung tâm dạy nghề, phục hồi chức năng cho Thương bệnh binh và người tàn tật Bắc Ninh, trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Bắc Ninh.

Trung tâm Dạy nghề, phục hồi chức năng cho người tàn tật, là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Ninh, được thành lập theo Quyết định số 178/2004/QĐ-UB ngày 05/11/2004 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc thành lập Trung tâm Dạy nghề, phục hồi chức năng cho Thương bệnh binh và người tàn tật; Quyết định số 178/2005/QĐ-UB ngày 27/12/2005 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc đổi tên Trung tâm Dạy nghề, phục hồi chức năng cho Thương bệnh binh và người tàn tật; Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 02/6/2009 của UBND tỉnh Bắc Ninh

về việc bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Dạy nghề-Phục hồi chức năng cho người tàn tật Bắc Ninh;

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định hiện hành của pháp luật. Tính đến nay, Trung tâm đã có quá trình hoạt động được 14 năm.

Trụ sở của Trung tâm: Khu 1, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

2.1.1.2. Quy mô cơ cấu tổ chức của Trung tâm

* Lãnh đạo: Có Giám đốc và 02 Phó giám đốc

* Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm 04 phòng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Dạy nghề, Phòng Việc làm: (Bao gồm cả công việc của Phòng Kỹ thuật sau khi giải thể; Phòng Việc làm quản lý 2 phân xưởng: Phân xưởng cắt và phân xưởng may)

2.1.1.3. Nhiệm vụ cụ thể của tổ chức bộ máy

* Lãnh đạo: Trung tâm có Giám đốc và 02 Phó giám đốc.

Giám đốc: Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm trước Sở Lao động-TB và XH và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

01 Phó giám đốc phụ trách Dạy nghề: Có 01 Phó giám đốc Trung tâm là người giúp Giám đốc chỉ đạo về công tác Dạy nghề.

01 Phó giám đốc phụ trách tạo việc làm và tổ chức sản xuất cho người khuyết tật

* Nhiệm vụ của các phòng

Phòng Tổ chức-Hành chính

Xây dựng chương trình công tác hàng tuần, tháng, quý, năm và dài hạn của đơn vị và lịch làm việc của Lãnh đạo Trung tâm. Đôn đốc, theo dõi và có biện pháp chỉ đạo kịp thời việc thực hiện chương trình công tác.

Tổng hợp thông kê, báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Sở.

Nắm tình hình kết quả việc thực hiện trên các nội dung: Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, số lượng, chất lượng cán bộ, lề lối làm việc nhằm đảm bảo cho Trung tâm phát huy hiệu quả công tác.

Quản lý, bổ sung hồ sơ công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý. Nghiên cứu, dự thảo các văn bản, quyết định thuộc lĩnh vực quản lý của Trung tâm trình Giám đốc ban hành.

Xây dựng hệ thống thông tin lưu trữ, cung cấp số liệu phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và cung cấp tin bài cho cổng thông tin điện tử của Sở.

Xây dựng chương trình, tổ chức chỉ đạo phong trào thi đua trong đơn vị.

Hướng dẫn và phối hợp với các phòng làm tốt công tác tuyên truyền về chế độ, chính sách Lao động – TB và XH của Đảng và Nhà nước nhằm làm cho mỗi người hiểu và làm tốt công tác Lao động -TB và XH.

Thực hiện công tác hành chính quản trị trong đơn vị.

Phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính xây dựng và quản lý việc chi tiêu nội bộ theo đúng quy định của Nhà nước.

Lưu trữ các văn bản để khai thác, sử dụng chung; Tổ chức lưu trữ, quản lý hồ sơ công chức, viên chức, người lao động (Kể cả công nhân).

Phân phối văn bản cho các phòng để kịp thời triển khai nhiệm vụ.

Chịu trách nhiệm và đảm bảo quy định về công tác bảo vệ đơn vị, nhà ăn tập thể, lái xe, vệ sinh môi trường, nhà ở nội trú cho học viên cho công nhân và các công việc khác thuộc lĩnh vực tổ chức, hành chính, quản trị.

Phòng Kế toán

Phối hợp với các phòng, xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án của đơn vị.

Thực hiện đúng nguyên tắc tài chính trong việc sử dụng các nguồn kinh phí theo pháp luật quy định. Thanh toán, quyết toán các nguồn kinh phí các nguồn vốn đúng kỳ đúng quy định.

Tham mưu đề xuất giúp giám đốc quản lý chi tiêu đúng nguyên tắc, đúng chế độ, đúng định mức nhà nước quy định.

Đối với lĩnh vực sản xuất dịch vụ: Chủ động đề xuất giám đốc trong việc chi tiêu, không được chi vượt quá mức lãi (hoặc quá mức chênh lệch thu chi).

Đề xuất thu hồi công nợ và trả nợ kịp thời.

Phòng Dạy nghề

Xây dựng các đề án, dự án, chương trình về đào tạo nghề, tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình đã được duyệt.

Thực hiện các quy định của Pháp luật về dạy nghề, tiêu chuẩn giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề, quy chế tuyển sinh, quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp và việc cấp văn bằng, chứng chỉ nghề, chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề và học sinh, sinh viên học nghề theo quy định của pháp luật. Đảm bảo về giáo án, giáo trình, nghề đào tạo đúng quy định của Sở

Phòng Việc làm

Chủ động quan hệ với khách hàng, tìm kiếm tạo việc làm cho công

nhân liên tục không gián đoạn.

Tổ chức sản xuất có hiệu quả, tổ chức tiêu thụ sản phẩm, giao sản phẩm đủ số, đúng kỳ và đảm bảo chất lượng

Tham mưu, đề xuất với Lãnh đạo các biện pháp quản lý lao động, các giải pháp kích thích sản xuất

Trực tiếp quản lý lao động trong quá trình sản xuất, quản lý và chỉ đạo các tổ sản xuất trực thuộc

Đảm bảo thông số, mẫu mã, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của khách hàng đối với các sản phẩm đặt hàng

Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm tiêu hao nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm.

Đảm bảo nhãn mác, cỡ số, bao bì đóng gói sản phẩm

Xây dựng định mức nguyên vật liệu, may mẫu, sản xuất thử...

Đảm bảo kỹ thuật may, quy trình sản xuất, kỹ thuật chuyên, kiểm tra giám sát kỹ thuật đối với các tổ sản xuất từ khâu đầu đến khi kết thúc.

2.1.1.4. Các nghề Trung tâm đào tạo

Là Trung tâm có lịch sử lâu đời chuyên đào tạo các ngành, nghề cho người khuyết tật. Trung tâm không ngừng mở các khóa đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng đầu ra cho NKT. Nghiên cứu các khóa học dựa theo tình hình kinh tế, xu hướng phát triển các ngành nghề cần thiết phù hợp với các doanh nghiệp địa phương, các làng nghề đặc thù nhằm xây dựng lên một hệ thống đầu vào, ngành nghề giảng dạy, nội dung giảng dạy và kết nối, liên kết các cơ sở tuyển dụng NKT đảm bảo việc làm sau khóa học cho NKT. Trung tâm tập trung, chú trọng xây dựng các khóa học nghề sau:

Nghề may công nghiệp

Nghề xoa bóp cổ truyền

Các nghề thuộc nhóm thủ công: thêu, mây tre đan

Tất cả các ngành nghề trên đều là những ngành nghề giúp NKT sau khi tham gia học nghề sẽ đảm bảo được công việc sau học, Tránh trường hợp NKT học xong không được áp dụng ngành nghề bản thân học, không tự đem lại sinh kế cho bản thân và gia đình. Nghề may công nghiệp là nghề đảm bảo 100% đầu ra học viên sẽ được nhận lại làm việc ngay tại xí nghiệp may trong Trung tâm. Nhu cầu về xoa bóp cổ truyền của các cơ sở người khiếm thị trên địa bàn là rất cao. Và là một tỉnh đa dạng các làng nghề truyền thống, và có sự liên kết cửa Trung tâm với các doanh nghiệp thuộc làng nghề nên nhu cầu tuyển của các nghề thuộc nhóm thủ công là rất cao.

2.1.2.Đặc điểm về người khuyết tật trong Trung tâm

Trước khi phân tích chi tiết về khách thể nghiên cứu, tác giả sẽ đưa ra số liệu tổng quát mà tác giả thu thập về người khuyết tật đang được học tập tại Trung tâm theo Báo cáo kết quả triển khai công tác hoạt động năm 2018, cụ thể như sau:

Những số liệu, kết quả báo cáo ở Bảng 2.1 dưới đây cho thấy giới tính tại Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh giới tính nữ chiếm tỷ lệ nhiều hơn giới tính nam; độ tuổi của người khuyết tật ở Trung tâm đa số là từ 15 – 40 tuổi; và dạng khuyết tật chủ yếu là dạng khuyết tật nghe, nói; ngoài ra còn các dạng khuyết tật nhìn và khuyết tật vận động; không có dạng khuyết tật trí tuệ. Thông qua bảng số liệu ta sẽ đi phân tích về các thông tin của người khuyết tật chi tiết về số lượng người và tỷ lệ chiếm bao nhiêu phần trăm

Bảng 2.1: Thông tin chung về người khuyết tật tại Trung tâm

STT	Tiêu chí		Số lượng (NKT)	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính	Nam	66	39,3
		Nữ	102	60,7
2	Độ Tuổi	15- 40	120	71,4
		40 – 60	48	28,6
3	Dạng khuyết tật	Khuyết tật vận động	42	25
		Khuyết tật nghe, nói	95	56,5
		Khuyết tật nhìn	31	18,5
		Khuyết tật khác:.....	0	0
Tổng:			168	100

(Nguồn: Báo cáo kết quả triển khai công tác hoạt động năm 2018)

Thông qua bảng số liệu thu thập được về Báo cáo kết quả triển khai công tác hoạt động năm 2018, trong số 168 người khuyết tật theo học trong Trung tâm, có 102 người khuyết tật là nữ giới chiếm 60,7%, cao hơn hẳn so với người khuyết tật là nam giới chỉ có 66 người, chiếm 39,3%

Tác giả chọn phân độ tuổi theo như Bảng 2.1 để thể hiện được rõ số lượng người khuyết tật trong Trung tâm ở độ tuổi 15 – 40 tuổi là 120 người (chiếm tỷ lệ 71,4% trên tổng số NKT trong Trung tâm) so với có số lượng khách thể nghiên cứu là 80 NKT trong độ tuổi này là đủ điều kiện số lượng mẫu chọn để nghiên cứu, và độ tuổi này còn là độ tuổi lao động tốt nhất. Còn lại độ tuổi từ 40 – 60 có 48 NKT chiếm 28,6%.

Về dạng khuyết tật, số người khuyết tật nghe, nói chiếm hơn nửa so với các dạng còn lại, chiếm 56,5%, trong khi các dạng khuyết tật vận động chỉ chiếm 25%, chiếm tỷ lệ ít nhất là dạng khuyết tật nhìn chiếm 18,5%. Người khuyết tật nghe, nói là dạng khuyết tật chỉ bị hạn chế là khả năng nghe và nói,

có trí tuệ hoàn toàn bình thường, vì vậy nên những NKT này có thể tự chăm sóc bản thân, học chữ học nghề, tiếp thu kiến thức bình thường, có khi còn tốt hơn những người khác.

2.1.3 Khái quát về khách thể nghiên cứu

2.1.3.1. Người khuyết tật

Khách thể nghiên cứu được thực hiện khảo sát trên 80 NKT từ độ tuổi 15- 40 tuổi hiện đang tham gia học các ngành nghề tại Trung tâm. Phiếu khảo sát được phát ra số lượng là 80 phiếu, phiếu thu về và làm sạch là 80 phiếu.

* Độ tuổi

Độ tuổi của NKT được học viên hướng tới nghiên cứu là từ 15-40 tuổi, sở dĩ học viên tập trung nghiên cứu đối tượng ở độ tuổi này là vì độ tuổi từ 15-40 là độ tuổi thích hợp và có đủ thể chất, lẫn trí tuệ, tinh thần tốt nhất khi tham gia vào quá trình nghiên cứu.

Bảng 2.2: Độ tuổi của khách thể nghiên cứu

STT	Độ tuổi	Số lượng (NKT)	Tỷ lệ (%)
1	15 – 25	32	40
2	25 – 35	26	32,5
3	35 – 40	22	27,5
	Tổng	80	100

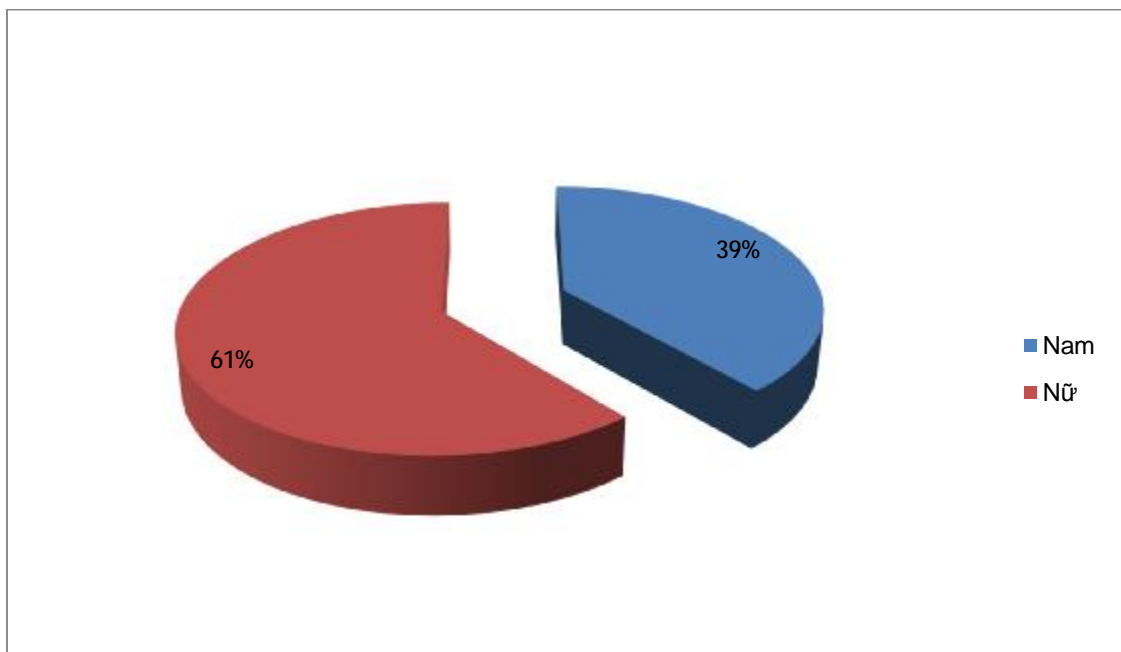
(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Tất cả đối tượng tham gia nghiên cứu đều là những NKT có đủ năng lực, hành vi và ý thức để có thể trả lời phiếu khảo sát. Trong đó độ tuổi từ 15 – 25 tuổi có 32 NKT chiếm 40%, độ tuổi từ 25 – 35 tuổi có 26 NKT chiếm 32,5%, độ tuổi từ 35 – 40 tuổi có 22 NKT chiếm 27,5%. Nhìn chung ở ba độ tuổi trên đều có tỷ lệ tham gia học nghề tương đối đồng đều, đều đó cho thấy từ độ tuổi 15 – 40 tuổi người khuyết tật đều có nhu cầu học nghề và tìm việc

làm như nhau.

** Giới tính*

Theo thông tin thu được từ biểu đồ 2.1 dưới đây có sự chênh lệch tương đối giữa giới tính nam và giới tính nữ. Số NKT là nữ tham gia nghiên cứu nhiều hơn số NKT là Nam (Tỷ lệ là 61% và 39%). Do hầu hết nghề đào tạo của Trung tâm là nghề may, nghề thủ công cần sự khéo léo nên tỷ lệ giới tính nữ tham gia do vậy mà cũng nhiều hơn nam giới.



Biểu đồ 2.1: Giới tính của khách thể nghiên cứu

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

** Dạng khuyết tật*

Có rất nhiều dạng khuyết tật khác nhau: Khuyết tật vận động; khuyết tật nghe, nói; khuyết tật nhìn, khuyết tật trí tuệ và khuyết tật khác nhưng tại địa bàn nghiên cứu không có khách thể nghiên cứu nào thuộc dạng khuyết tật trí tuệ vì vậy tác giả chỉ thể hiện 03 dạng khuyết tật tại Bảng 2.2 dưới đây để khảo sát tỷ lệ dạng tật của người khuyết tật tại Trung tâm chiếm số lượng người và tỷ lệ bao nhiêu nhằm đánh giá được tính phù hợp với nghề học.

Bảng 2.3: Dạng khuyết tật của khách thể nghiên cứu

STT	Dạng khuyết tật	Số lượng (NKT)	Tỷ lệ (%)
1	Khuyết tật vận động	20	25
2	Khuyết tật nghe, nói	48	60
3	Khuyết tật nhìn	12	15
	Tổng	80	100

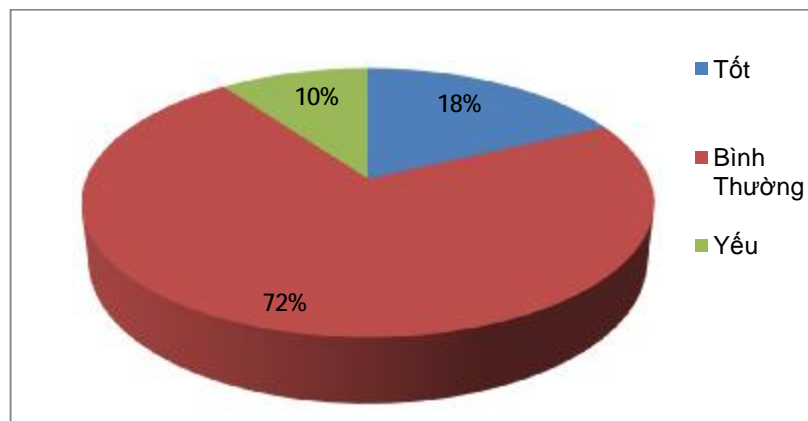
(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Kết quả khảo sát ở nội dung này cho thấy dạng khuyết tật nghe, nói (chiếm 60%) và khuyết tật vận động (chiếm 25%) cao hơn so với khuyết tật nhìn (chiếm 15%).

Do dạng khuyết tật nghe, nói hạn chế về thính lực và khả năng ngôn ngữ còn về mặt suy nghĩ, vận động thì NKT thể lực, trí tuệ của họ tương đối ổn định. Chính vì vậy, tỷ lệ người khuyết tật nghe, nói tham gia học nghề cũng cao hơn các dạng khuyết tật khác.

** Tình trạng sức khỏe*

Biểu đồ 2.2 dưới đây cho thấy tình trạng sức khỏe của NKT tham gia theo học.

**Biểu đồ 2.2: Tình trạng sức khỏe của khách thể**

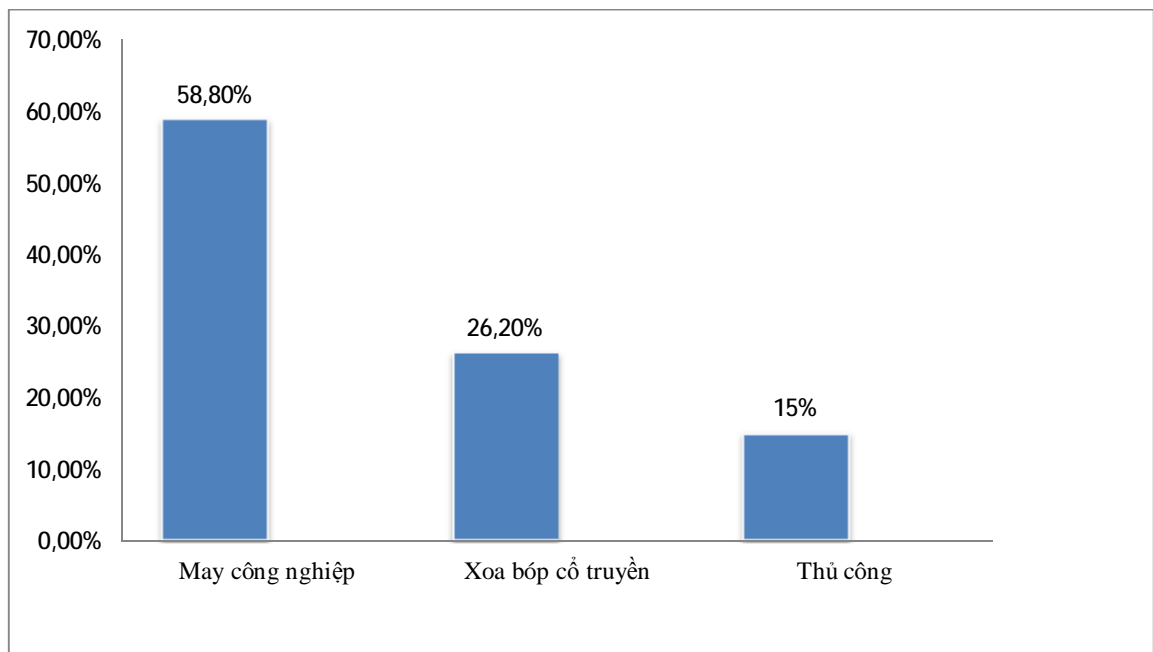
(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Phần lớn là NKT cảm thấy trong người bình thường, ăn uống vừa đủ,

ngủ đủ giấc (chiếm 72%). NKT có sức khỏe tốt, luôn cảm thấy tinh thần thoải mái, ăn tốt ngủ tốt chiếm 18%. Và sức khỏe yếu nghĩa, thường xuyên phải đến cơ sở y tế/bệnh viện để kiểm tra sức khỏe, trong người cảm thấy khó chịu, ăn uống kém, hay mất ngủ, cần sự chăm sóc của người thân chiếm 10%.

** Nghề học*

Các nghề đang được đào tạo tại Trung tâm có tỷ lệ theo học được mô tả cụ thể trong biểu đồ 2.3 dưới đây:



Biểu đồ 2.3: Nghề học của khách thể nghiên cứu

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Có thể thông qua biểu đồ trên thấy được giữa ba nghề đào tạo tại Trung tâm, nghề may công nghiệp được lựa chọn theo học nhiều nhất. chủ yếu do việc đảm bảo đầu ra, việc làm sau học của nghề này có tính ổn định và bền vững hơn, hơn nữa dạng khuyết tật nghe, nói sẽ phù hợp với ngành nghề may công nghiệp vì hạn chế về thính lực và giao tiếp còn vận động vẫn ổn, phần lớn NKT tham gia học nghề tại Trung tâm lại thuộc dạng khuyết tật này (chiếm 58,8%). Đối với dạng khuyết tật nhìn lại phù hợp với nghề xoa bóp cổ truyền vì NKT bị khiếm thị nhẹ hay mù nhưng vẫn dùng cảm nhận của đôi

bàn tay để thực hiện các thao tác được (chiếm 26,2%). So với các nghề học khác, các nghề thuộc nhóm thủ công có lẽ là ít học viên theo học nhất, một phần phụ thuộc vào cơ hội việc làm của nghề này thấp hơn so các ngành nghề khác, một phần là do dạng khuyết tật vận động phù hợp với nghề này hơn cả nhưng lại bị khó khăn về việc di chuyển đến nơi học nên ít người có thể theo học (chiếm 15%).

** Tầm quan trọng của việc học nghề*

Để thấy được nhận thức về mức độ quan trọng của việc học nghề thì cần điều tra trên khách thể để thấy được đối với người khuyết tật trong Trung tâm tầm quan trọng của việc học nghề là như thế nào, đánh giá cụ thể được thể hiện ở bảng 2.4 dưới đây.

Bảng 2.4: Đánh giá của khách thể về tầm quan trọng của việc học nghề

STT	Mức độ	Số lượng (NKT)	Tỷ lệ (%)
1	Rất quan trọng	5	6,3
2	Quan trọng	23	28,7
3	Bình thường	34	42,5
4	Ít quan trọng	16	20
5	Không quan trọng	2	2,5
	Tổng	80	100

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Số liệu mà bảng trên thể hiện có thể cho ta thấy rõ nét nhất về mức độ quan trọng hay không quan trọng của việc học nghề đối với NKT. Mức độ bình thường là mốc đánh giá nhưng cũng không chiếm tỷ lệ quá báng so với các mức độ khác cộng lại. Nhìn chung, đối với NKT sẽ có tâm lý 50/50 với lựa chọn theo học nghề của mình vì họ chưa hiểu được hết những quyền và lợi ích của việc học nghề. Cụ thể chỉ có 6,3% cho rằng việc học nghề là rất quan trọng; 28,7% cho rằng học nghề là quan trọng; chiếm tỷ lệ lớn nhất là

42,5% cho rằng việc học nghề với họ là bình thường; ít quan trọng chiếm 20% và không quan trọng chiếm 2,5%. Chính vì vậy, muốn quá trình học nghề đạt hiệu quả cao thì cần chính bản thân học viên phải hiểu được giá trị và tầm quan trọng của nghề mình theo học.

Qua phỏng vấn sâu về những đánh giá cho là bình thường, kết quả như sau:

“Em cho rằng việc học các nghề thủ công may tre đan này với em là bình thường, vì nghề này sau khi ra trường chắc gì đã có cơ sở nào nhận em vào làm” (H, 25 tuổi, huyện Thuận Thành – tỉnh Bắc Ninh).

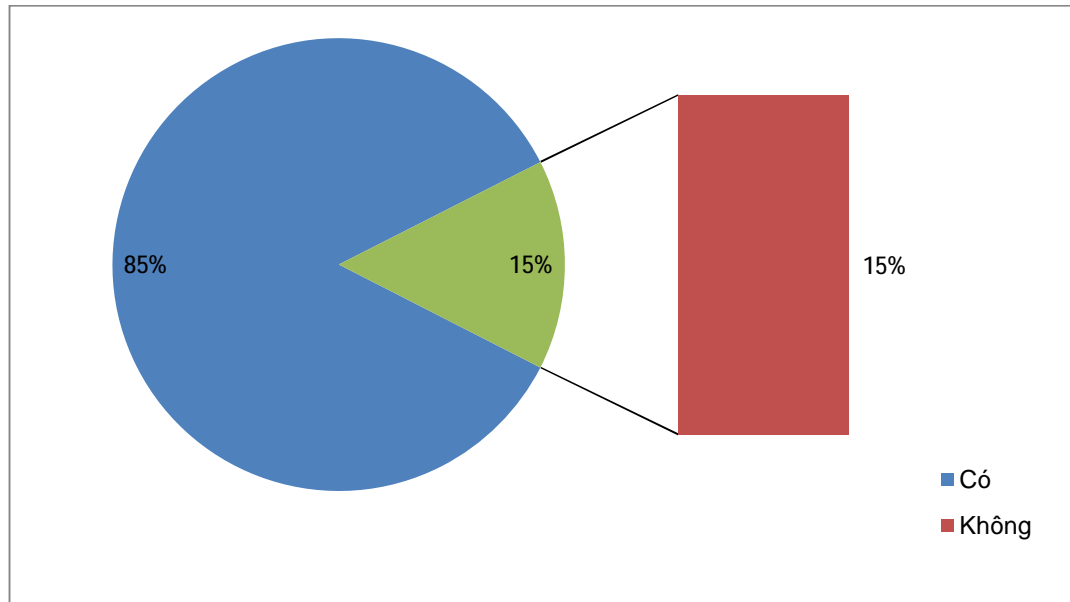
Anh T.T.N, 36 tuổi: *“lớn tuổi thế này rồi, cứ học thôi chứ chắc gì ra ngoài xã hội xin được vào đâu làm, khỏe mạnh còn không xin được nữa là khuyết tật, học xong không biết có để làm gì không”*.

Thông qua một số chia sẻ trên của khách thể nghiên cứu có thể thấy mức đánh giá tầm quan trọng của học nghề đối với người khuyết tật trong Trung tâm không được đánh giá cao. Với những suy nghĩ không thấy được ý nghĩa của việc học nghề thì sao có thể thúc đẩy quá trình học và theo học của NKT được. Vì vậy muốn đạt hiệu quả cao trong học nghề thì chính NKT phải nhận thức được tầm quan trọng của việc học nghề. Thông qua đánh giá này Trung tâm cũng cần có các buổi trao đổi với học viên nhằm thay đổi nhận thức về học nghề đối với các học viên, kích thích sự hứng thú cho học viên thì quá trình học mới có được kết quả tốt.

** Sự phù hợp của nghề đang theo học*

Biểu đồ 2.4 cho thấy trong tổng số 80 khách thể tham gia nghiên cứu nghiên cứu, có tới 85% người khuyết tật cảm thấy nghề mà họ đang theo học phù hợp với khả năng của bản thân, chỉ có 15% người khuyết tật cảm thấy nghề họ đang học không phù hợp với khả năng của họ. Nhìn chung số liệu thể hiện ở biểu đồ dưới cho thấy việc cân nhắc nghề trước khi tham gia học của người khuyết tật đa phần là chính xác, từ sự phù hợp về thể chất lẫn tinh thần

đó sẽ phần nào đem lại hiệu quả trong công tác dạy và học.



Biểu đồ 2.4: Đánh giá sự phù hợp với khả năng bản thân học viên về nghề đang theo học

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Thông qua số liệu thu được như trên và ý kiến đóng góp trong phiếu khảo sát có một số nhận định như sau:

Em N.T.T (18 tuổi, khuyết tật nghe nói) cho biết: *“Em đang theo học nghề may công nghiệp, em thích nghề may lắm, sau khi học nghề may xong là em được nhận vào làm tại xí nghiệp may tại Trung tâm luôn. Em cảm thấy vui và yên tâm khi học nghề này”*.

Bên cạnh đó còn có những ý kiến của người có độ tuổi cao. Thường những người lớn tuổi sẽ có suy nghĩ ngại đi học, nhưng chú H.V.N (40 tuổi, khuyết tật nhìn, đang học nghề xoa bóp cổ truyền) chia sẻ: *“Ngày xưa cứ ở nhà để gia đình phải nuôi, lớn tuổi rồi mới biết đến để đăng ký học. Giờ học xong tôi tính mở một cơ sở tắm giặt người mù nhỏ. Vừa kiếm thêm thu nhập cho bản thân, vừa trợ giúp gia đình, lại tạo thu nhập cho những người có hoàn cảnh như mình. Biết sớm tôi đi học từ lâu rồi”*.

Qua phỏng vấn sâu giáo viên trực tiếp giảng dạy chị M đưa ra đánh giá bao quát về tính phù hợp của nghề NKT đang theo học tại Trung tâm: *“Thông qua các buổi trao đổi với học viên và các buổi họp tại cơ quan. Vấn đề nhận định sự phù hợp của nghề những học viên đã và đang theo học được Trung tâm rất quan tâm và để ý. Là một giáo viên dạy nghề nhóm thủ công (thêu, mây tre đan,...), tôi nhận thấy niềm vui của các học viên theo học, các học viên luôn nói đến định hướng sau học của mình. Không chỉ mình ngành nghề tôi giảng dạy như vậy, mà các đồng nghiệp cũng có những trao đổi như tôi. Trên cương vị là một giáo viên tôi cảm thấy hạnh phúc và có động lực để không ngừng cố gắng tạo ra những lớp học viên phù hợp và chất lượng”*.

Tuy nhiên cũng có 12 phiếu khảo sát cho kết quả “không” khi được hỏi “Anh/chị thấy nghề anh/chị đang theo học có phù hợp với khả năng của mình không?”. Anh P.V.H (30 tuổi, khuyết tật nhìn, đang học nghề xoa bóp cổ truyền) chia sẻ: *“Bản thân tôi sức khỏe không được tốt, theo học nghề này nhiều lúc cảm thấy mệt lắm, có những lúc chỉ muốn bỏ không học nữa”*.

Ngoài ra, còn một số ý kiến cho rằng: *“Bản thân gặp khó khăn trong việc di chuyển do bị khuyết tật vận động, và gia đình mọi người không có thời gian đưa đi đón về nên hạn chế đến việc theo học”* – Em T.T.C, 16 tuổi, đang theo học nghề thêu cho biết.

Qua khảo sát, thấy rằng đa số NKT được đào tạo ngành nghề phù hợp với khả năng của bản thân, họ cảm thấy có định hướng, vui với nghề học. Còn một phần nhỏ NKT có xu hướng nản, muốn bỏ học do thể chất không đáp ứng được, hay gặp khó khăn trong quá trình đi lại đến Trung tâm,... Vì vậy, cán bộ quản lý, giảng dạy và NVCTXH cần quan tâm và để ý đến những khách thể có tâm lý chán nản, muốn bỏ học này, thay đổi nhận thức, hành vi của họ.

2.1.3.2. Giáo viên và cán bộ quản lý

Không chỉ tập trung khảo sát trên khách thể chính là NKT, mà còn cần thông qua phỏng vấn sâu thu thập ý kiến đóng góp từ đội ngũ cán bộ, giáo viên giảng dạy và nhân viên công tác xã hội trong Trung tâm. Để có một cái nhìn tổng quát và trên một góc độ khác, đảm bảo tính chính xác của đề tài nghiên cứu. Sau đây là một số thông tin về giáo viên và cán bộ quản lý tại Trung tâm.

** 02 lãnh đạo Trung tâm:*

Độ tuổi: 43 – 59 tuổi

Giới tính: Nam.

Trình độ chuyên môn: Giám đốc Trung tâm: Kinh tế; Phó giám đốc: Quản lý.

Số năm công tác: Giám đốc Trung tâm: 35 năm; Phó giám đốc: 20 năm.

Vị trí công tác: Giám đốc, Phó giám đốc.

** 06 giáo viên dạy nghề trong Trung tâm:*

Độ tuổi: 37 – 48 tuổi

Giới tính: 04 nữ, 02 nam.

Trình độ chuyên môn: có chuyên môn sư phạm và chuyên môn về ngành nghề đang giảng dạy phù hợp với nghề

Số năm công tác: 14 – 25 năm.

Vị trí công tác: Giáo viên giảng dạy, cán bộ.

*** 02 nhân viên công tác xã hội trong Trung tâm:**

Độ tuổi: 43 – 59 tuổi

Giới tính: 28 – 37 tuổi.

Trình độ chuyên môn: Công tác xã hội, sư phạm.

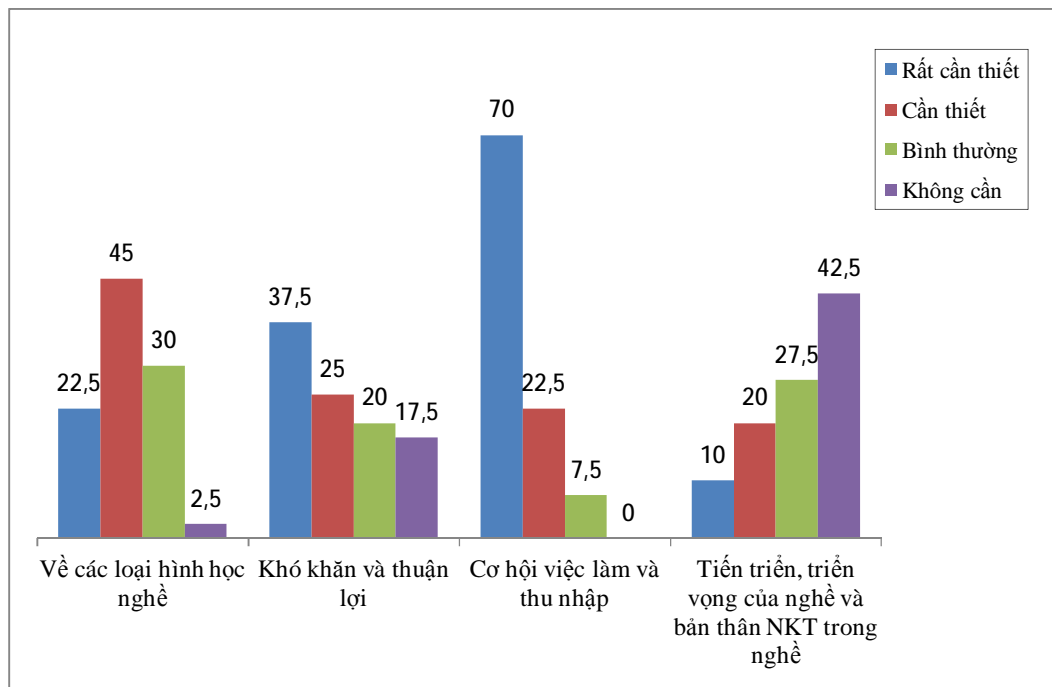
Số năm công tác: 5 – 14 năm.

Vị trí công tác: Nhân viên công tác xã hội hoặc tương đương.

2.2. Đánh giá hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề - phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh

2.2.1. Hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề đối với người khuyết tật

Theo thông tin thu được từ biểu đồ 2.5 dưới đây, ta thấy được tính cần thiết của hoạt động nâng cao nhận thức của học viên về các loại hình học nghề, khó khăn và thuận lợi của từng nghề, cơ hội việc làm và thu nhập của từng nghề, Tiến triển, triển vọng của nghề và bản thân NKT trong nghề được đánh giá ở tính cần thiết rất khác biệt.



Biểu đồ 2.5: Đánh giá tính cần thiết của hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề đối với người khuyết tật

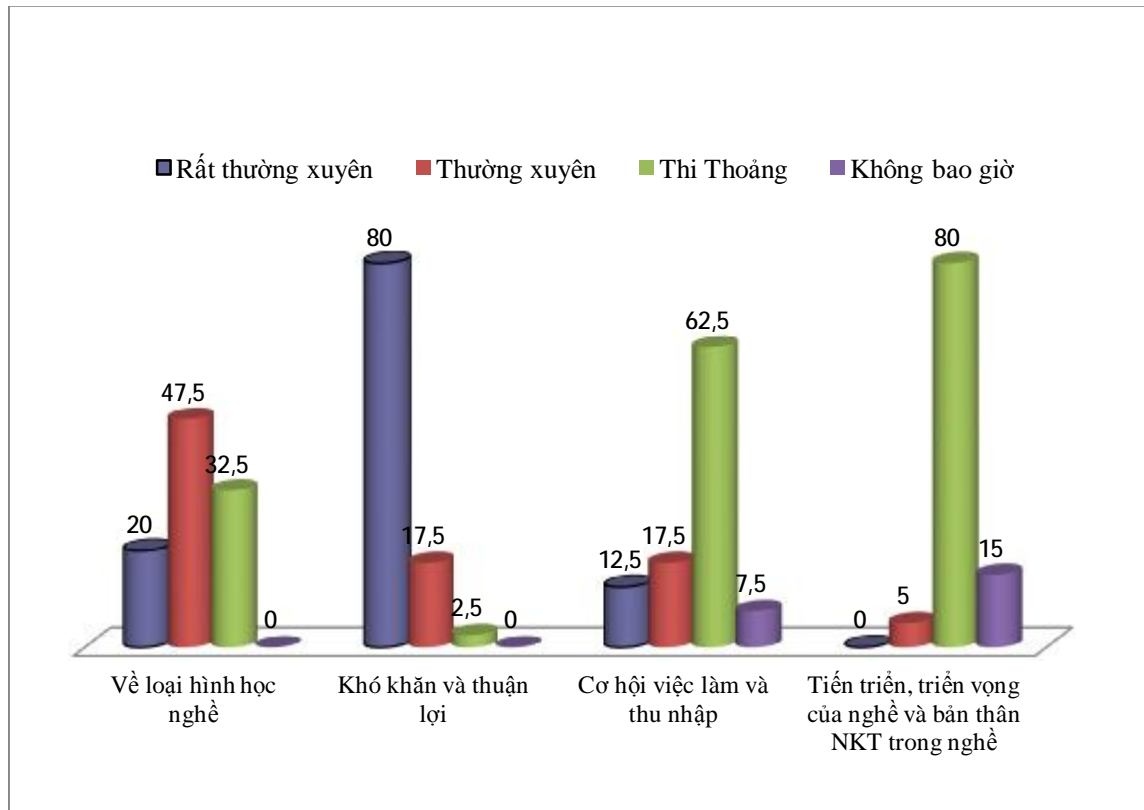
(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Khách thể nghiên cứu đánh giá sự cần thiết về các loại hình học nghề ở mức tương đối cao (chiếm 45% đối với sự cần thiết). Về sự khó khăn và thuận lợi của từng nghề có sự dàn trải nhưng cũng được đánh giá rất cần thiết chiếm đến 37,5%. Nhưng đặc biệt ở sự đánh giá tính cần thiết của hoạt động cơ hội

việc làm và thu nhập của nghề tính cần thiết chiếm con số lớn, tỷ lệ tương đương với 70%, quá nửa phần trăm đạt sự rất cần thiết. Nhìn với số liệu này mới thấy rằng hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về cơ hội việc làm và thu nhập sau học nghề cần thiết như thế nào đối với NKT. Nhưng số liệu cũng nói lên được rằng tính cần thiết của hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về triển vọng của nghề và bản thân NKT trong nghề không được mấy quan tâm (chiếm 42,5% không cần đến hoạt động này).

Như vậy, hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về cơ hội việc làm và thu nhập tại Trung tâm cần được quan tâm triển khai và tổ chức nhiều hơn nhằm đạt được tính tối ưu của hoạt động hỗ trợ, song cũng cần nhận ra thiếu sót trong các hoạt động còn lại để NKT thấy được hết tính cần thiết của các hoạt động này. NVCTXH cần đặc biệt phát huy mặt được và khắc phục mặt hạn chế của hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề đối với NKT. Nhằm cho NKT thấy được tính cần thiết của hoạt động này, có như vậy mới thúc đẩy hoạt động này hiệu quả hơn. Và còn cần quan tâm đến tính hiệu quả của từng hoạt động. Theo thống kê số liệu phiếu khảo sát, tính hiệu quả của hoạt động nâng cao nhận thức về khó khăn và thuận lợi của từng nghề chiếm tỷ lệ hiệu quả cao. Nhưng hoạt động nâng cao nhận thức về cơ hội việc làm và thu nhập là nội dung được đánh giá rất cần thiết nhưng lại đem lại tính hiệu quả ở mức bình thường. Tính hiệu quả của hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về các loại hình học nghề chiếm hiệu quả rất cao và cần phát huy.

Dưới đây là biểu đồ về đánh giá mức độ tổ chức hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề cho người khuyết tật. Thông qua Biểu đồ này, thông qua khảo sát trên khách thể nghiên cứu ta có thể biết được NVCTXH trong Trung tâm đang quan tâm và triển khai các hình thức tổ chức nào và tổ chức có thường xuyên hay không.



Biểu đồ 2.6: Đánh giá mức độ tổ chức của các hình thức tổ chức hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề đối với người khuyết tật

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Biểu đồ 2.6 thể hiện cho thấy rằng hình thức tổ chức hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về loại hình học nghề nhìn chung được tổ chức thi thoảng (chiếm 32,5%) và thường xuyên (chiếm 47,5%). Hình thức tổ chức hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về khó khăn và thuận lợi của từng nghề được NVCTXH tại Trung tâm tổ chức rất thường xuyên, chiếm đến 80% so với các hình thức tổ chức khác. Ngược lại, cũng có thể nhận thấy rằng, hình thức tổ chức hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về tiến triển, triển vọng của nghề và bản thân NKT còn chưa được chú trọng tổ chức chiếm đến 80% sự đánh giá là thi thoảng tổ chức và 15% là không bao giờ tổ chức vì thế NVCTXH cần lưu ý hơn về mặt tổ chức của hoạt động tiến triển, triển vọng của nghề và bản thân NKT trong nghề bởi lẽ đây là hình thức sẽ thúc đẩy ý chí của người

khuyết tật trong quá trình tham gia học nghề. Thêm nữa là hình thức tổ chức hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về cơ hội việc làm và thu nhập chiếm đến 62,5% sự đánh giá cho rằng hình thức này được tổ chức một cách thi thoảng. Trong khi đó ở bảng 2.5 bên trên có thể thấy được với NKT tính cần thiết của hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về cơ hội việc làm và thu nhập của từng nghề quan trọng ra sao. Chính vì vậy, NVCTXH cần tổ chức nhiều hơn nữa về hoạt động này, và các hoạt động hỗ trợ khác để tạo nên tính đồng bộ về mặt tổ chức, nâng cao được nhận thức của các hoạt động hỗ trợ.

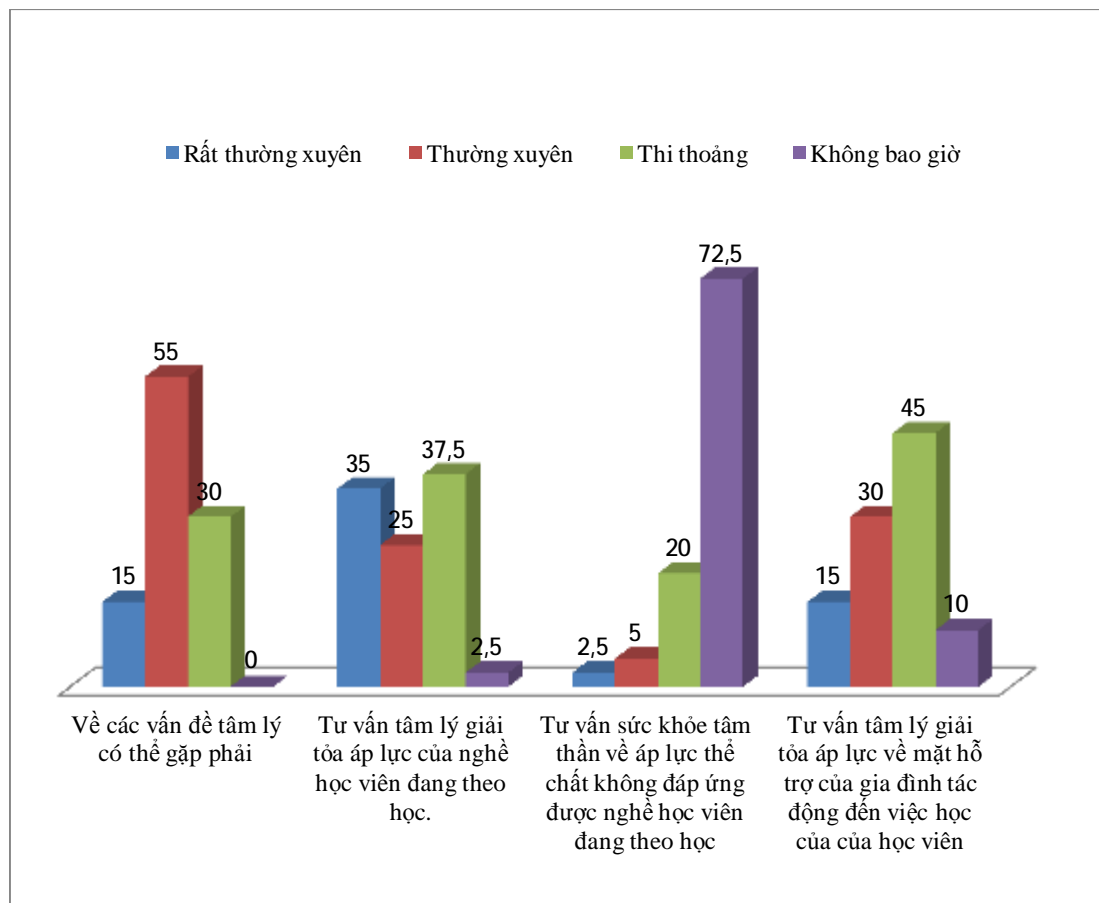
NVCTXH thông qua hình thức tổ chức như: Tư vấn cá nhân và gia đình, tư vấn cho nhóm NKT, phổ biến trên phương tiện đại chúng (báo, đài, internet...), phát tờ rơi,... để giúp nâng cao nhận thức về học nghề cho NKT. Kết quả khảo sát cho thấy hình thức tổ chức hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức học nghề cho NKT thông qua tư vấn cá nhân và gia đình chiếm tỷ lệ rất cao và rất hiệu quả. Song, hình thức tổ chức phát tờ rơi tổng số tỷ lệ hiệu quả và rất hiệu quả chỉ đạt ở mức rất thấp. Vậy, dưới góc độ khách quan của khách thể nghiên cứu, cần tập trung đưa ra các hình thức tổ chức bằng tư vấn cá nhân và gia đình, và tư vấn nhóm NKT để đem lại hiệu quả cao.

2.2.2. Hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý đối với người khuyết tật

Hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý đối với người khuyết tật là hoạt động mang tính thúc đẩy rất lớn, vì tâm lý đôi khi quyết định rất lớn đến hành vi và thái độ học nghề của người khuyết tật. Để đạt được sự tối ưu của các hoạt động hỗ trợ thì trước tiên cần đánh giá mức độ tổ chức của hoạt động đó. Sau đây thông qua Biểu đồ 2.7 ta sẽ đánh giá mức độ tổ chức của hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý cho người khuyết tật xem mức độ tổ chức có thường xuyên hay không hay không được cán bộ và NVCTXH tại Trung tâm quan tâm đến. Cụ thể sẽ được thể hiện qua các hoạt động tư vấn về: vấn đề tâm lý có thể gặp phải, tư vấn tâm lý giải tỏa áp lực của nghề học viên đang theo học, tư vấn

sức khỏe tâm thần về áp lực thể chất không đáp ứng được nghề học viên đang theo học, tư vấn tâm lý giải tỏa áp lực về mặt hỗ trợ của gia đình tác động đến việc học của học viên.

Mức độ tổ chức được thể hiện ở rất thường xuyên tổ chức, thường xuyên, thi thoảng, hay không bao giờ tổ chức. Để đánh giá được các cán bộ và nhân viên công tác xã hội tại Trung tâm tổ chức hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý cho người khuyết tật có đem lại hiệu quả hay không thông qua Biểu đồ 2.7 dưới đây.



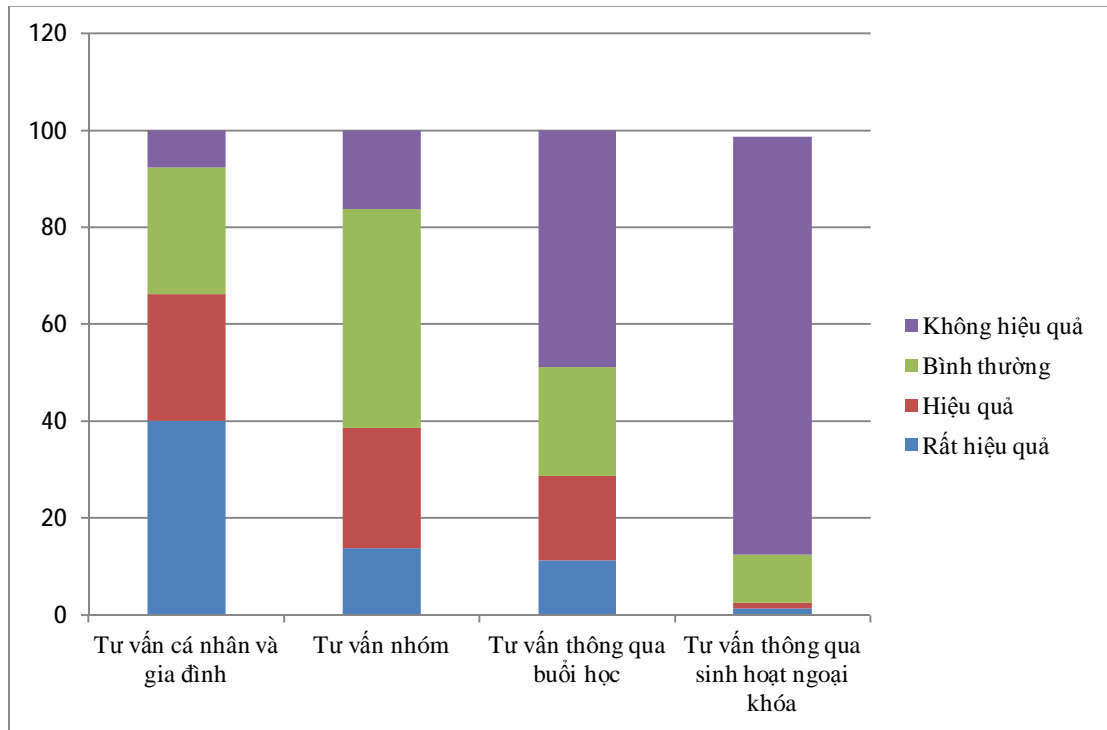
Biểu đồ 2.7: Đánh giá mức độ tổ chức của các hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý đối với người khuyết tật

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Nhìn tổng thể biểu đồ 2.7 cho thấy, NKT tại Trung tâm rất thường xuyên

và thường xuyên được NVCTXH tổ chức hoạt động hỗ trợ tư vấn các vấn đề về tâm lý có thể gặp phải chiếm đến 55% mức độ đánh giá và 0% hoạt động này là không được diễn ra. Có thể thấy sự chú trọng về các hoạt động hỗ trợ phòng ngừa tâm lý này được các NVCTXH triển khai rất mạnh và tính hiệu quả của hoạt động hỗ trợ này theo khảo sát cũng chiếm đến 49% là đạt rất hiệu quả. Ngoài ra các hoạt động hỗ trợ như: Tư vấn tâm lý giải tỏa áp lực của nghề học viên đang theo học, tư vấn tâm lý giải tỏa áp lực về mặt hỗ trợ của gia đình tác động đến việc học của học viên diễn ra rất đồng bộ chiếm 55% đánh giá hai hoạt động hỗ trợ này thường xuyên được tổ chức, mang lại hiệu quả tương đối cao, chiếm hơn nửa số khách thể tham gia nghiên cứu cho rằng hoạt động đó rất cần thiết và đem lại hiệu quả. Con số trong biểu đồ cũng thể hiện được hoạt động hỗ trợ “Tư vấn sức khỏe tâm thần về áp lực thể chất không đáp ứng được nghề học viên đang theo học” không được diễn ra thường xuyên, chiếm 72,5% không bao giờ được tổ chức. Hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý này còn yếu do vấn đề về sức khỏe tâm thần từ những áp lực thể chất đôi khi NVCTXH không có đủ kiến thức và kỹ năng để tư vấn nên không đem lại tính hiệu quả cao. Vì vậy các cán bộ quản lý, giảng dạy và NVCTXH cần trau dồi kiến thức, tham gia các khoá tập huấn chuyên môn liên quan đến vấn đề thể chất của người khuyết tật để có thể tổ chức được các hoạt động tư vấn sức khỏe tâm thần về áp lực thể chất không đáp ứng được nghề học cho NKT đang theo học tại Trung tâm.

Các hoạt động tư vấn tâm lý cho người khuyết tật tại Trung tâm được tổ chức thông qua các hình thức: tư vấn cá nhân và gia đình, tư vấn nhóm, tư vấn thông qua buổi học, tư vấn thông qua sinh hoạt ngoại khoá. Nhưng cần đi sâu vào đánh giá được tính hiệu quả của các hình thức này thông qua biểu đồ 2.8 dưới đây. Để xem những mặt đạt và chưa đạt của nó. Từ đó cán bộ quản lý, giảng dạy và nhất là NVCTXH tại Trung tâm có hướng phát huy và khắc phục.



Biểu đồ 2.8: Đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức tổ chức tư vấn tâm lý

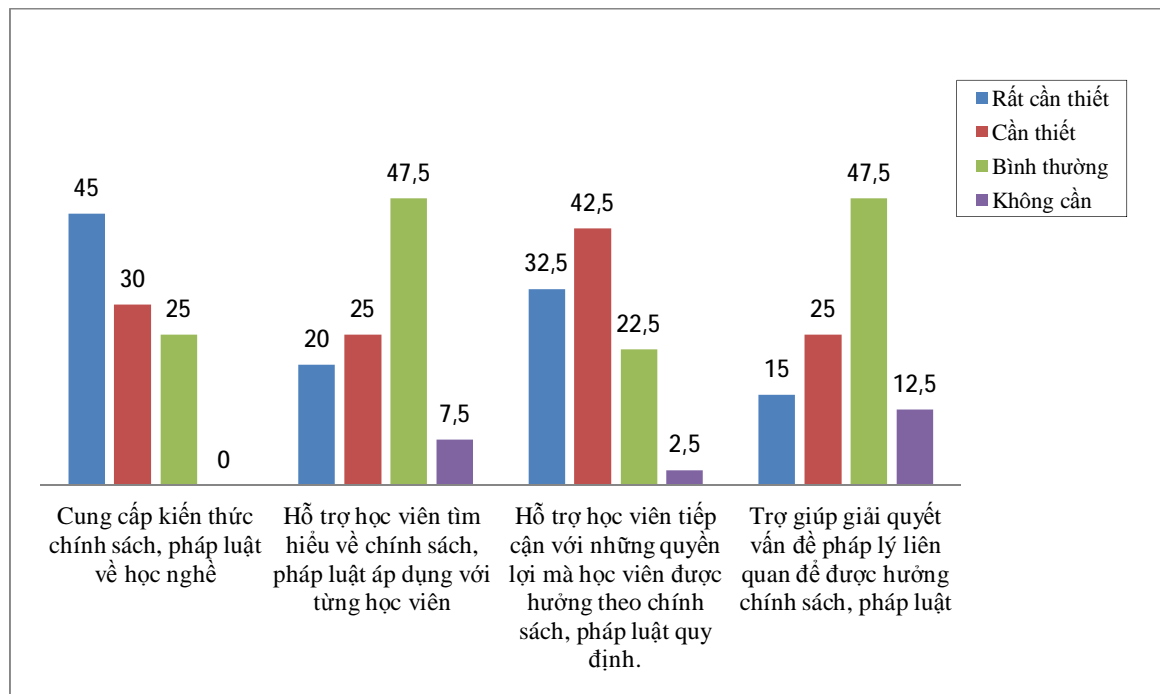
(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Kết quả tổng kết từ biểu đồ 2.8 trên cho ta thấy mức độ hiệu quả của hình thức tư vấn cá nhân và gia đình, tư vấn nhóm đạt tỷ lệ hiệu quả rất cao. Vì sao lại đạt kết quả cao như vậy, vì thông thường các tác động vào tâm lý mang tính cá nhân và gia đình, hay nhóm trong phạm vi riêng tư thì sẽ có tác động mạnh mẽ đến tâm lý của con người, nhất là NKT. Các hình thức tư vấn thông qua các buổi ngoại khóa cho số liệu về tính hiệu quả vì thế mà rất thấp. Nghiên cứu về hình thức tổ chức cho ta nhận ra được ưu điểm và hạn chế, từ đó tập trung vào những hình thức đem lại hiệu quả tốt để có thể hỗ trợ tư vấn tâm lý cho NKT tham gia học nghề tại Trung tâm. Như vậy NVCTXH có thể tập trung vào tư vấn cá nhân và gia đình, tư vấn nhóm để tăng hiệu quả hoạt động hỗ trợ tâm lý cho NKT, nhưng bên cạnh đó cũng không nên giảm hay bỏ những hoạt động tư vấn tâm lý ít hiệu quả hơn như: tư vấn tâm lý thông qua

buổi học và tư vấn tâm lý thông qua sinh hoạt ngoại khoá. Vì những hình thức tổ chức tư vấn tâm lý tuy hiệu quả ít nhưng không phải là không đem lại hiệu quả và nó còn thúc đẩy sự đồng cảm, hay tính kết nối của người khuyết tật với nhau, khiến họ cảm thấy được quan tâm mọi lúc và tăng sự tự tin, tính xã hội bên trong họ hơn là sự tự ti, mặc cảm.

2.2.3. Hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề đối với người khuyết tật

Kết quả tổng hợp từ biểu đồ 2.9 dưới đây cho ta thấy tính cần thiết của hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề cho người khuyết tật



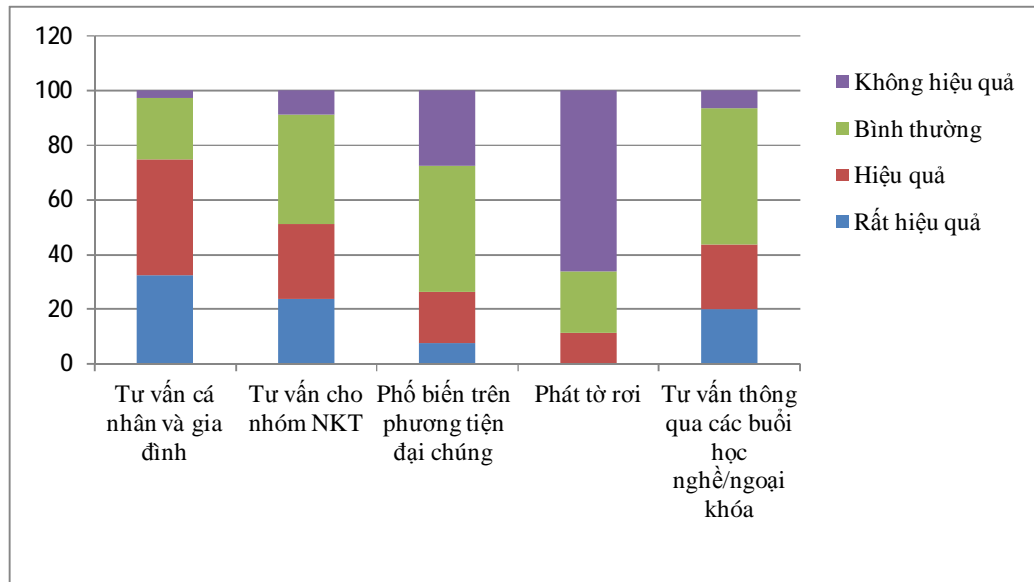
Biểu đồ 2.9: Đánh giá tính cần thiết của hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề đối với người khuyết tật

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Nhìn chung, với NKT nói chung và NKT tật học nghề tại Trung tâm nói riêng việc hỗ trợ cung cấp kiến thức chính sách, pháp luật về học nghề là vô cùng cần thiết. Theo khảo sát số liệu, chiếm 45% sự rất cần thiết, 30% sự

cần thiết về việc cung cấp kiến thức chính sách, pháp luật về học nghề nên cần tiếp tục thực hiện và phát triển hoạt động hỗ trợ này. Về hỗ trợ NKT tìm hiểu về chính sách, pháp luật áp dụng với từng học viên chiếm đến 45% tổng đánh giá về sự rất cần thiết và cần thiết. Chiếm tỷ lệ không nhỏ là đánh giá về tính cần thiết của hỗ trợ NKT tiếp cận được với những quyền lợi mà NKT được hưởng theo quy định (chiếm 32,5% rất cần thiết và 42,5% cần thiết). Xong, còn cần trợ giúp giải quyết vấn đề pháp lý liên quan để được hưởng chính sách, pháp luật cho NKT cũng được khách thể đánh giá tính cần thiết là 25%. Do NKT không am hiểu và được tiếp cận nhiều với các chính sách nên không thể biết được quyền lợi của họ đáng được hưởng ra sao, vì vậy theo quan sát biểu đồ đánh giá tất cả các hoạt động hỗ trợ nêu ra trong biểu đồ đều cho tỷ lệ rất cần thiết và cần thiết tương đối cao. NKT cần có NVCTXH trợ giúp về các mặt cung cấp thông tin và hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan. Vậy, đánh giá được tính cần thiết sẽ định hướng được cho NVCTXH biết được tầm quan trọng của hoạt động hỗ trợ nào và điều chỉnh thay đổi ra sao. Và để hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật có hiệu quả cần đẩy mạnh các chính sách của Đảng và nhà nước đối với hoạt động hỗ trợ này. NVCTXH cần cho NKT thấy được sự cần thiết của chính sách, pháp luật đối với việc học nghề của họ quan trọng ra sao, nó sẽ có lợi đối với NKT như thế nào trong quá trình học nghề, cùng với đó hỗ trợ NKT đạt được những quyền lợi về học nghề mà họ được hưởng một cách tối ưu nhất.

Thông qua Biểu đồ 2.9 ở trên có thể nhận thấy rõ được tính cần thiết của hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề đối với người khuyết tật nhưng làm thế nào để thấy được mức độ hiệu quả của các hình thức tư vấn thì lại cần đi vào khảo sát. Nhìn vào Biểu đồ 2.10 dưới đây sẽ cho ta thấy được hình thức tư vấn nào đem lại hiệu quả trong hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề đối với người khuyết tật.



Biểu đồ 2.10: Đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề đối với người khuyết tật

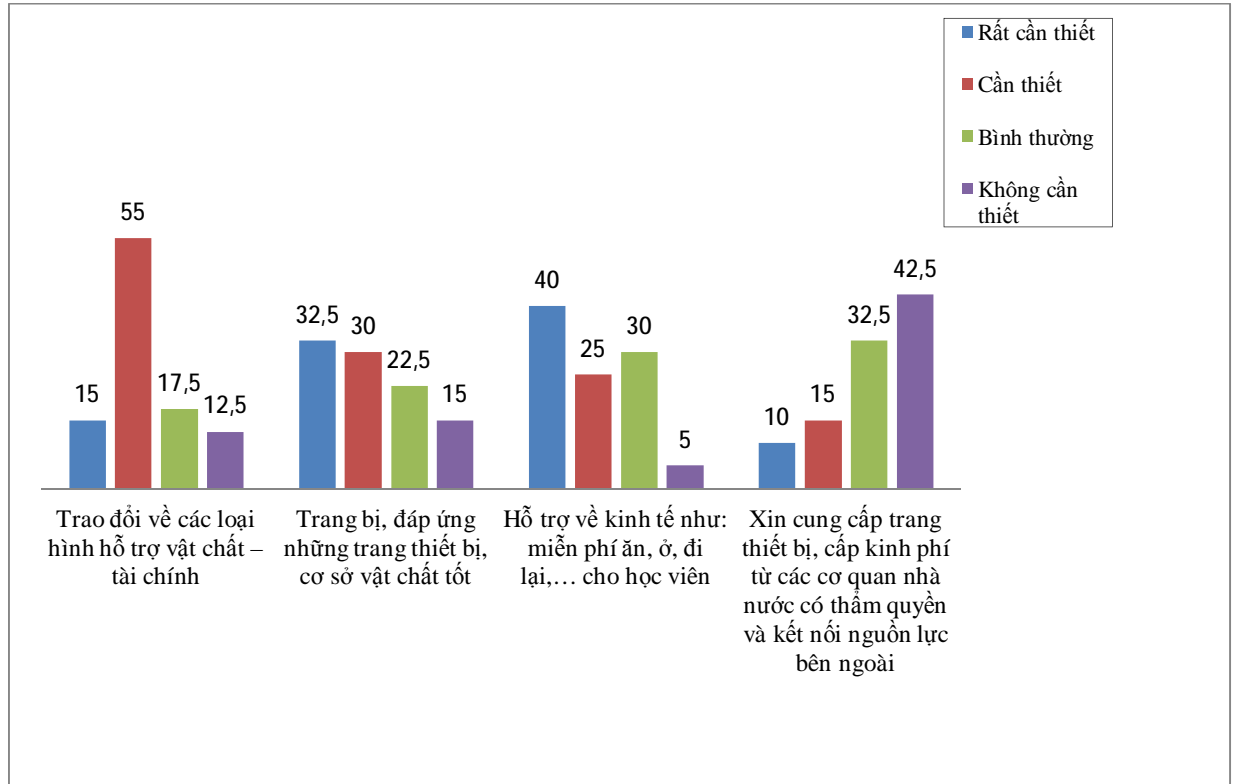
(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Nhìn chung hình thức tư vấn cá nhân và gia đình về hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề cho NKT được đánh giá hiệu quả cao nhất. Chiếm tổng số hơn 70% về mức độ rất hiệu quả và hiệu quả. Muốn pháp luật đi sâu và tiếp cận được với NKT thì cần thông qua các hình thức tư vấn cá nhân và gia đình. Bên cạnh đó hình thức tư vấn nhóm NKT, hay hình thức tư vấn thông qua các buổi học nghề/ngoại khóa cũng diễn ra rất hiệu quả vì sẽ phổ biến và trợ giúp pháp lý cho nhóm NKT được tập trung và tiết kiệm thời gian tối đa do hỗ trợ theo nhóm và chính vậy NVCTXH0 cần ứng dụng nhiều hơn. Ngoài ra, việc tổ chức hình thức hỗ trợ chính sách, pháp luật thông qua các phương tiện đại chúng, phát tờ rơi cũng là những hình thức đạt mức độ hiệu quả tương đối hoặc bình thường, nhưng không phải NKT nào cũng có phương tiện đại chúng hay quan tâm được đến những tờ rơi mà NVCTXH muốn truyền đạt đến. Vậy nên NVCTXH cần nghiên cứu thay đổi hay khắc phục hình thức này. Ví dụ như có thể tổ chức những buổi xem ti vi, hay phát

tận tay những tờ rơi về chính sách, pháp luật đến NKT.

2.2.4. Hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính đối với người khuyết tật

Có thể nói vật chất – tài chính là một phần không thể tách rời và vô cùng cần thiết đối với người khuyết tật tham gia học nghề. Sự cần thiết của hoạt động này được đánh giá thông qua biểu đồ 2.11 dưới đây.



Biểu đồ 2.11: Đánh giá tính cần thiết của hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính cho người khuyết tật

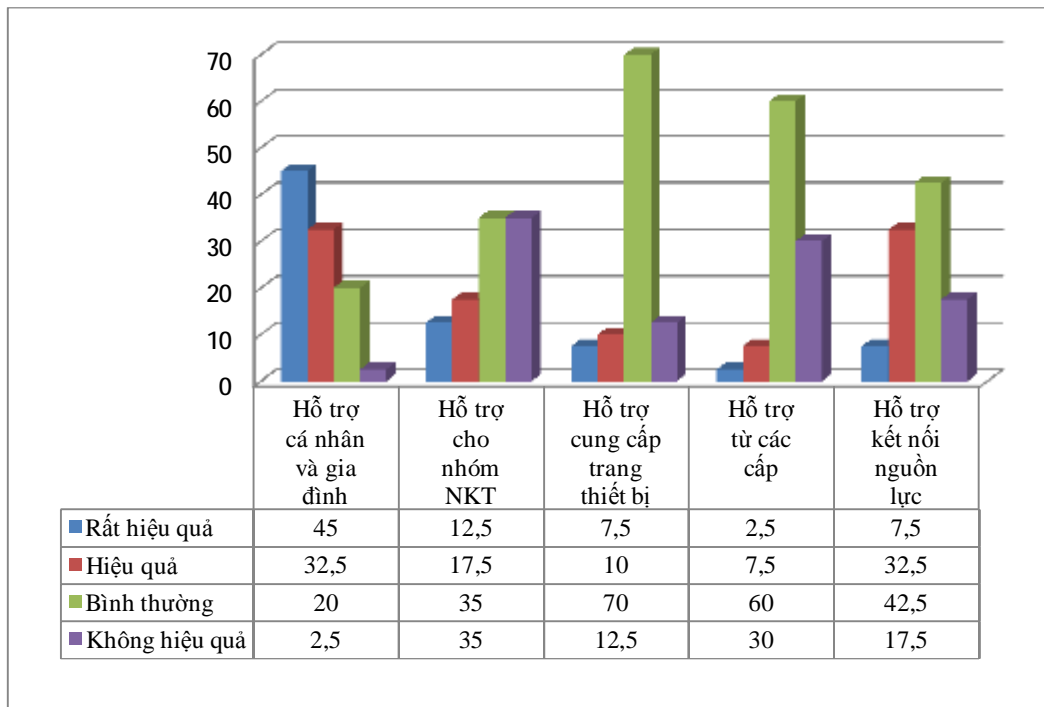
(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Khách thể nghiên cứu đánh giá tính cần thiết của hoạt động trao đổi về các loại hình hỗ trợ vật chất – tài chính mang tính cần thiết cao, chiếm đến 55% và cao nhất so với các hoạt động còn lại. Mức độ rất cần thiết chiếm đến 31% được NKT đánh giá, ta có thể thấy rằng nó nằm ở hoạt động hỗ trợ về kinh tế như: miễn phí, ăn ở, đi lại,... Vì sao khách thể đặc biệt quan tâm và đánh giá cao sự cần thiết của hoạt động này, chính là do hoạt động vật chất –

tài chính này đang được áp dụng phổ biến ở Trung tâm và ảnh hưởng trực tiếp đến việc tham gia học nghề của NKT (chiếm 76 người trên tổng số 80 khách thể nghiên cứu cho thấy mức cần thiết). Trên thực tế hoạt động hỗ trợ xin cung cấp trang thiết bị, cấp kinh phí từ các cấp nhà nước và kết nối các nguồn lực bên ngoài không được NKT trong Trung tâm đánh giá cao tính cần thiết (chiếm 42,5% khách thể đánh giá là không cần thiết) vì họ không trực tiếp thấy được lợi ích của hoạt động này. Tuy nhiên, theo quan điểm khách quan từ NVCTXH trong Trung tâm cho biết rằng các nguồn lực này chính là những nguồn lực trợ giúp về vật chất – tài chính mang lại hỗ trợ rất lớn cho việc học nghề của NKT. Bên cạnh đó sự hỗ trợ cung cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất tốt cho NKT học nghề cũng thúc đẩy việc học nghề đạt được hiệu quả tối ưu nhất, đáp ứng nhu cầu học tập cho NKT (khách thể nghiên cứu đánh giá tính cần thiết là 35% và cần thiết là 30%). Nhìn vào biểu đồ cho thấy nhìn chung NKT đánh giá tính cần thiết của hoạt động này rất cao, vì hầu hết những học viên theo học nghề là những người yếu thế lại còn khó khăn về mặt tài chính, một số học viên còn không có gia đình hay không được gia đình ủng hộ việc học nghề, nên họ rất cần sự quan tâm về vật chất – tài chính để có thể yên tâm theo học. NVCTXH cần lấy hoạt động hỗ trợ này làm trọng tâm trong suốt quá trình hỗ trợ NKT.

Sau khi đánh giá được tính cần thiết của hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính cho người khuyết tật như trên cần sẽ đi vào đánh giá mức độ hiệu quả của hình thức tổ chức hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính cho người khuyết tật để là rõ công tác tổ chức của Trung tâm, cụ thể hơn là của các cán bộ quản lý và đặc biệt là của NVCTXH. Việc đánh giá sẽ thông qua Biểu đồ 2.12 dưới đây. Và hình thức tổ chức hỗ trợ người khuyết tật thông qua các kênh: Hỗ trợ cá nhân và gia đình, hỗ trợ cho nhóm NKT, hỗ trợ cung cấp trang thiết bị, hỗ trợ từ các cấp, hỗ trợ kết nối nguồn lực. Đánh giá xem mức độ ở mức rất hiệu

quả, hiệu quả, bình thường hay là không đem lại hiệu quả gì.



Biểu đồ 2.12: Đánh giá mức độ hiệu quả của hình thức tổ chức hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính đối với người khuyết tật

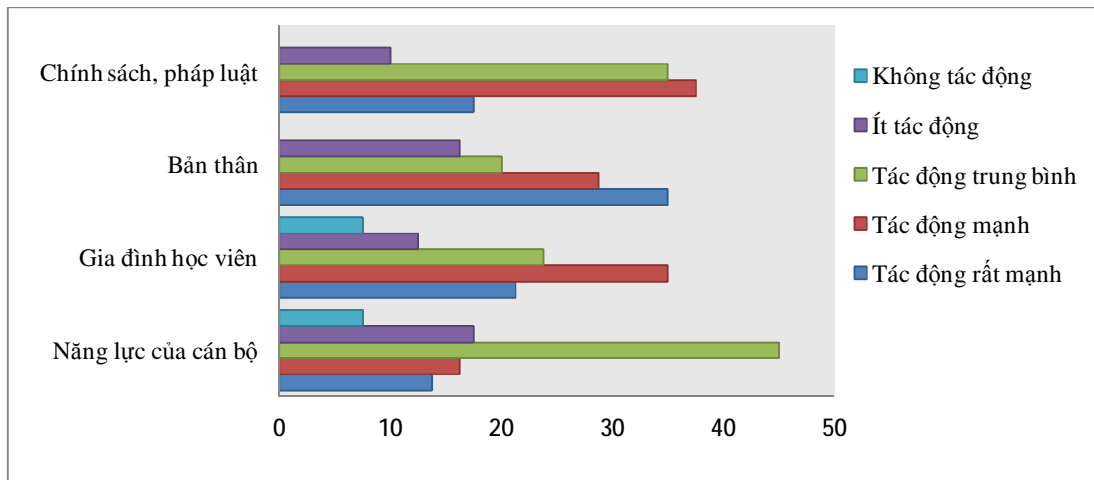
(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Lãnh đạo Trung tâm và NVCTXH tại Trung tâm luôn quan tâm tổ chức các hoạt động trợ vật chất – tài chính. Cụ thể là qua biểu đồ 2.12 cho thấy hình thức hỗ trợ cá nhân và gia đình chiếm 45% đánh giá ở mức rất hiệu quả, và 32,5% đánh giá ở mức hiệu quả. Ngoài ra, NKT tham gia học nghề cũng đánh giá sự hiệu quả của hình thức kết nối nguồn lực về vật chất – tài chính từ bên ngoài (chiếm 32,5%), vì NVCTXH tại Trung tâm rất nỗ lực trong việc kết nối các nguồn lực từ những cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp để có thể hỗ trợ thêm phần nào cho NKT tham gia học nghề có được kinh phí ăn hay hỗ trợ thêm phần nào trang thiết bị. Song, tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ cho nhóm NKT (chiếm 35% là bình thường), hỗ trợ cung cấp trang thiết bị (chiếm 70% là bình thường), hay hỗ trợ từ các cấp (chiếm 60% là bình thường), hỗ

trợ kết nối nguồn lực (chiếm 41,25% là bình thường) lại chỉ được đánh giá ở mức bình thường. Trong khi những hoạt động này vẫn cần và phải luôn song hành cùng các hoạt động khác, như vậy tính hiệu quả của hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính cho NKT tại Trung tâm mới được nâng cao. Vì vậy, các cán bộ quản lý, giáo viên và NVCTXH tại Trung tâm cần lưu ý và thúc đẩy các hoạt động này phát triển hơn nữa nhằm tối ưu hoá những đặc quyền và hỗ trợ về vật chất – tài chính cho NKT học nghề tại Trung tâm .

2.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

Qua biểu đồ 2.13 dưới đây ban đầu nhận thấy một cách tổng thể về mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT trong Trung tâm.



Biểu đồ 2.13: Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật trong Trung tâm

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Thể hiện rõ nét nhất mức độ tác động rất mạnh đó chính là bản thân NKT. Như vậy, chính khách thể là NKT cũng nhận thấy được mức độ tác động quan trọng của yếu tố này lên chính bản thân họ. Sau đó là sự tác động mạnh và rất mạnh từ yếu tố gia đình NKT cũng ảnh hưởng lớn đến mức độ

tác động lên các hoạt động hỗ trợ học nghề. Chính sách, pháp luật cũng có những tác động mang lại hiệu quả không nhỏ tới các hoạt động hỗ trợ. Về cơ bản, yếu tố ảnh hưởng được khách thể đánh giá tác động bình thường và ít tác động nhất chính là từ phía năng lực của cán bộ giáo viên và NVCTXH. Kết quả đánh giá như vậy là do giáo viên và NVCTXH chưa cho thấy được tầm ảnh hưởng của mình đối với NKT học nghề. Trên thực tế, hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT có sự đóng góp không hề nhỏ ở năng lực của cán bộ giáo viên và NVCTXH tại Trung tâm.

Để đánh giá được cụ thể và chi tiết chúng ta sẽ đi vào phân tích cụ thể mức độ tác động của từng yếu tố thông qua các bảng cụ thể dưới đây.

2.3.1. Chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với người khuyết tật

Trước tiên ta cần đánh giá mức độ tác động của các yếu tố chính sách, pháp luật của Nhà nước về người khuyết tật nhằm định hướng được với người khuyết tật yếu tố chính sách, pháp luật nào tác động mạnh, trung bình hay ít tác động đến họ. Dưới đây là bảng 2.5 thể hiện đánh giá này.

Bảng 2.5: Đánh giá mức độ tác động của các yếu tố chính sách, pháp luật của Nhà nước về người khuyết tật

STT	Các yếu tố	Mức độ tác động (%)				
		1. Rất mạnh	2. Mạnh	3. Trung bình	4. Ít	5. Không
1	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật nói chung	8,7	13,8	47,5	30	0
2	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật học nghề	52,5	33,7	13,8	0	0
3	Chính sách động viên tinh thần	28,7	32,5	28,8	6,3	3,7

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Nhìn chung chính sách hỗ trợ NKT nói chung sẽ tác động không nhỏ đến yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề. Khách thể nghiên cứu đánh giá mức độ tác động mạnh của chính sách này ở mức 13,8% và không tác động là 0%. Số liệu bảng 2.5 cho thấy được rõ nhất mức độ tác động rất mạnh của chính sách hỗ trợ NKT học nghề chiếm tới 52,5% và 0% không có tác động từ chính sách này. Có thể thấy rằng với khách thể nghiên cứu là NKT tham gia học nghề thì chính sách pháp luật của Nhà nước về hỗ trợ NKT học nghề ảnh hưởng vô cùng lớn đến các hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT tại Trung tâm. Bên cạnh sự tác động của chính sách hỗ trợ NKT học nghề, chính sách động viên tinh thần cho NKT cũng tác động rất mạnh (chiếm 28,7%) đến yếu tố ảnh hưởng của các hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT tại Trung tâm. Thông qua những con số biết nói này, NVCTXH cần phát huy thế mạnh về các chính sách hỗ trợ NKT học nghề và tìm ra những thiếu sót về chính sách động viên tinh thần để thay đổi nhận thức của NKT về các yếu tố tác động ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề được hiệu quả. Sao cho chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với NKT không phải là rào cản trong học nghề đối với người khuyết tật,

2.3.2. Bản thân người khuyết tật

Như đã nói ở phần khái quát, mức độ ảnh hưởng của yếu tố bản thân NKT tác động rất mạnh đến các hoạt động hỗ trợ NKT trong học nghề tại Trung tâm. Bởi tất cả những yếu tố ảnh hưởng về mặt nhận thức và tinh thần của mỗi người gần như sẽ quyết định đến thái độ, hành vi mà người đó biểu hiện ra. Nên với bản thân NKT cũng vậy, tự đánh giá được mức độ tác động của yếu tố bản thân là chìa khoá mở ra cánh cửa khắc phục những yếu tố ảnh hưởng đẩy đến quá trình tham gia học nghề của bản thân NKT. Cụ thể được biểu hiện ở bảng 2.6 dưới đây

Bảng 2.6: Đánh giá mức độ tác động của yếu tố bản thân người khuyết tật

STT	Các yếu tố	Mức độ tác động (%)				
		1.Rất mạnh	2.Mạnh	3.Trung bình	4.Ít	5.Không
1	Xác định mục tiêu của việc học nghề	35	28,7	20	16,3	0
2	Hào hứng với việc học nghề	26,2	25	32,5	13,8	2,5
3	Luôn cố gắng chăm chỉ trong việc học nghề	8,7	18,4	27,5	33,8	11,6

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Cụ thể yếu tố bản thân NKT hào hứng với việc học nghề được khách thể đánh giá về mức độ tác động rất mạnh lên yếu tố bản thân NKT (chiếm 26,2% mức tác động rất mạnh và 25% mức tác động mạnh). Song chiếm 35% mức độ tác động rất mạnh cao hơn cả yếu tố hào hứng với việc học nghề lại là yếu tố xác định mục tiêu của việc học nghề. Yếu tố này về cả lý thuyết hay thực tế đều đúng, vì khi bản thân NKT tự xác định được mục tiêu học nghề của bản thân rồi thì họ sẽ có định hướng cụ thể và nó ảnh hưởng tốt đến các hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT tại Trung tâm. Vì vậy chúng ta cần nâng cao và hỗ trợ thường xuyên đối với yếu tố tác động này để đem lại hiệu quả cho hoạt động hỗ trợ học nghề. Ngoài ra mức độ tác động của yếu tố bản thân NKT đối với việc luôn cố gắng chăm chỉ trong việc học nghề lại ở mức ít chiếm 33,8%. Vì thật ra với cá nhân NKT sẽ phải gặp những vấn đề khó khăn về mặt thể chất và tinh thần, nên đôi khi chính bản thân họ tự đẩy ý chí cố gắng của mình xuống. Vậy cần NVCTXH quan tâm đến mặt này hơn nữa.

2.3.3. Gia đình người khuyết tật

Yếu tố tác động lớn thứ hai sau yếu tố bản thân NKT chính là từ phía gia đình của họ. Đánh giá được thể hiện tại bảng 2.7 dưới đây.

Bảng 2.7: Đánh giá mức độ tác động của yếu tố gia đình người khuyết tật

STT	Các yếu tố	Mức độ tác động (%)				
		1.Rất mạnh	2.Mạnh	3.Trung bình	4.Ít	5.Không
1	Chăm sóc sức khỏe	15	20	47,5	13,7	3,8
2	Động viên tinh thần	31,2	22,5	32,5	13,8	0
3	Hỗ trợ tài chính	8,7	15	38,8	23,8	13,7

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Trong đó, yếu tố động viên tinh thần chiếm 31,2% mức độ tác động rất mạnh và 22,5% mức độ tác động mạnh đến các hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT tại Trung tâm. Đối với NKT, việc động viên tinh thần từ phía gia đình là yếu tố vô cùng quan trọng và cần thiết để thúc đẩy sự tác động đến hoạt động hỗ trợ NKT học nghề. Ngoài ra, yếu tố tác động chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ tài chính từ gia đình cũng được đánh giá ở mức tác động trung bình, không phải sự thể hiện mức độ đẩy tác động ít mà có nghĩa là nó ảnh hưởng ở mức tương đối và không thể không có (chăm sóc sức khỏe từ phía gia đình NKT tác động ở mức mạnh và trung bình là 20% và 47,5% - Hỗ trợ tài chính từ phía gia đình NKT tác động ở mức trung bình là 38,8%). Vì vậy, muốn thay đổi được yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ thì NVCTXH cần đặc biệt quan tâm đến cả về mặt gia đình của NKT, chính họ là những người thay NVCTXH hỗ trợ và giúp đỡ động viên NKT trong quá trình học nghề. Thông qua yếu tố ảnh hưởng gia đình này để nhằm thúc đẩy và khắc phục những ảnh hưởng đối với hoạt động hỗ trợ sao cho đạt hiệu quả tốt nhất.

2.3.4. Năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên công tác xã hội

Qua bảng 2.8 dưới ta thấy được rằng, tất cả các yếu tố từ năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và NVCTXH đều tác động tương đối đồng đều.

Bảng 2.8: Đánh giá mức độ tác động của yếu tố năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và NVCTXH

STT	Các yếu tố	Mức độ tác động (%)				
		1.Rất mạnh	2.Mạnh	3.Trung bình	4.Ít	5.Không
1	Giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) có năng lực	22,5	26,3	20	28,7	2,5
2	Giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) có tâm huyết với nghề	21,2	30	32,5	11,3	5
3	Giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) tận tình	36,2	31,3	17,5	10	5
4	Giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) luôn động viên tinh thần cho các học viên	20	36,3	20	15	8,7

(Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả năm 2018 - 2019)

Yếu tố giáo viên, cán bộ quản lý, NVCTXH có năng lực tác động rất mạnh chiếm 22,5% và mạnh chiếm 26,3%; còn không tác động chỉ chiếm 2,5%; có thể thấy yếu tố này đóng vai trò lớn trong các yếu tố ảnh hưởng của hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật. Yếu tố giáo viên, cán bộ

quản lý, NVCTXH có tâm huyết với nghề là một trong những yếu tố tác động không nhỏ đến NKT học nghề, khách thể cho rằng nó tác động rất mạnh chiếm tỷ lệ là 21,2%; chiếm tỷ lệ mạnh và trung bình lần lượt là 30% và 32,5%. Yếu tố giáo viên tận tình giảng dạy tác động mạnh (chiếm 31,3%) và rất mạnh (chiếm 36,2%) đến các hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT. Và yếu tố giáo viên, cán bộ quản lý, NVCTXH luôn động viên tinh thần cho các học viên còn lại cũng vậy (chiếm 20% tác động rất mạnh và 36,3% tác động mạnh). Chính vì sự tác động đồng bộ này chúng ta thấy được sự ảnh hưởng ổn định và không thể thiếu của các yếu tố năng lực của cán bộ giáo viên, cán bộ quản lý, NVCTXH đến hoạt động hỗ trợ NKT là cần thiết và cần phải phát huy hơn nữa. Yếu tố tác động này lại được thay đổi từ chính những người mong muốn hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT được tốt nhất, đạt hiệu quả cao, vì vậy mà không khó để những cán bộ quản lý, giáo viên và NVCTXH có thể từ bản thân họ truyền đạt và thúc đẩy được những hoạt động hỗ trợ đi lên, và thay đổi được suy nghĩ, hành vi của NKT đang theo học.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 trình bày và phân tích kết quả nghiên cứu về Thực trạng thực hiện hoạt động hỗ trợ học nghề, Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm dạy nghề - phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh.

Tổng số khách thể tham gia nghiên cứu là 80 người, trong đó có 49 người là nữ và 31 người là nam. Dạng khuyết tật nghe, nói chiếm phần lớn số lượng khách thể; Còn lại là dạng khuyết tật nhìn và khuyết tật vận động. Tình trạng sức khỏe của NKT đa số là hoàn toàn bình thường chiếm 73%. Nghề may công nghiệp được cho là nghề “mũi nhọn” của Trung tâm nên có số lượng NKT theo học đông nhất. Và có 85% NKT thấy rằng nghề của mình đang theo học là phù hợp, chỉ có 15% là cảm thấy còn băn khoăn với quyết định nghề của mình.

Các hoạt động hỗ trợ NKT học nghề được khách thể nghiên cứu đánh giá cao. Đối với hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề cho NKT được khách thể nghiên cứu đánh giá tính cần thiết rất mạnh. Nhưng cũng từ những số liệu khách thể đánh giá ta có thể thấy được mức độ thiếu sót trong hoạt động này. NKT hay bản thân bất cứ ai cũng vậy, đều cần phải quan tâm đến tâm lý. Chính vì lý do đó mà mức độ tổ chức hoạt động này được khách thể đánh giá chung là cần có nhiều hoạt động tổ chức hỗ trợ tâm lý cho NKT trong quá trình tham gia học nghề. Liên quan đến quyền, và lợi ích của bản thân nên hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề cho NKT cũng được đánh giá là rất thiết yếu. Nếu không có những hoạt động hỗ trợ liên quan thì NKT sẽ không biết được những quyền, lợi ích mà họ đáng được hưởng, và không nhận được sự hỗ trợ về tài liệu hay trợ giúp pháp lý để tiếp cận với những chính sách, pháp luật của nhà nước. Bên cạnh quyền, lợi ích về mặt pháp luật NKT tham gia học nghề cũng cần có sự hỗ trợ về mặt vật chất –

tài chính. Vật chất – tài chính ở đây chính là hoạt động cung cấp các trang thiết bị, cơ sở vật chất tốt nhất được việc học nghề thuận lợi. Hỗ trợ về mặt kinh tế cũng cần thiết đối với những đối tượng NKT học nghề, vì với điều kiện của gia đình và bản thân, sự hỗ trợ kinh tế này góp một phần không nhỏ duy trì việc học của NKT. Ngoài ra là sự hỗ trợ xin kinh phí từ các cấp có thẩm quyền và kết nối nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp nhằm phát triển, nâng cao vật chất – tài chính cho NKT trong Trung tâm.

Các hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT trong Trung tâm đương nhiên sẽ có mặt tích cực và mặt hạn chế. Vậy cần tìm ra nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng dẫn đến sự hạn chế đó. Theo khảo sát khách thể nghiên cứu, yếu tố ảnh hưởng của bản thân NKT và yếu tố gia đình chính là những yếu tố tác động, ảnh hưởng mạnh nhất đến hoạt động hỗ trợ NKT học nghề. Do vậy, muốn nâng cao hoạt động hỗ trợ NKT học nghề cần quan tâm và khắc phục thiếu sót ở hai yếu tố này. Bên cạnh đó còn có yếu tố chính sách, pháp luật của nhà nước và yếu tố năng lực của cán bộ giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) cũng tác động tương đối tới yếu tố ảnh hưởng lên hoạt động hỗ trợ NKT học nghề. Qua đó cần khắc phục và thực hiện ngày một tốt hơn.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC NGHỀ ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

3.1. Mục đích của giải pháp trong hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

Giúp cải thiện, nâng cao hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật. Khi hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT được nâng cao sẽ đem lại được chất lượng học nghề tối ưu. Nhằm đạt tỷ lệ chuẩn đầu ra sau đào tạo của Trung tâm được hoàn thiện hơn.

Giúp nâng cao năng lực cho người khuyết tật trong trung tâm.

Giúp thay đổi nhận thức gia đình người khuyết tật và nhận thức của cộng đồng về người khuyết tật

Giúp nâng cao năng lực của cán bộ và cán bộ quản lý trong Trung tâm

3.2. Các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật

3.2.1. Giải pháp về vận dụng chính sách, pháp luật trong học nghề đối với người khuyết tật

** Giải pháp về vận dụng hệ thống chính sách pháp luật NKT nói chung*

Một là, đối với các địa phương, cần xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn chuyên biệt, tăng cường thực hiện quản lý Nhà nước đảm bảo hiệu quả triển khai công tác NKT, cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp về công tác NKT vào chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, ban hành các chính sách cụ thể tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động trợ giúp NKT. Chủ động cân đối nguồn lực phù hợp để thực hiện chính sách NKT. Trong phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của mình thực hiện việc miễn, giảm giá vé một số dịch vụ cho NKT,

đẩy nhanh tiến độ thực hiện lộ trình tiếp cận các công trình xây dựng cho NKT theo quy định trong Luật NKT.

Hai là, đối với các sở, ban ngành liên quan tại địa phương cần nghiên cứu xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các quyền của NKT tại tỉnh. Cần đổi nguồn lực và ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện có hiệu quả chính sách pháp luật và các chương trình về NKT; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống dữ liệu thống kê đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, cập nhật, đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác quản lý về NKT; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật về NKT. Các sở ban ngành cần ưu tiên bố trí tổ chức bộ máy, phân công trách nhiệm cụ thể để thực hiện. Cần ban hành quy định về loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng; cơ sở chăm sóc, tạo việc làm và cơ sở cung cấp dịch vụ khác giúp NKT tại tỉnh Bắc Ninh. Hệ thống cơ sở trợ giúp NKT cần được quy hoạch. Cần nâng cao hoạt động xác định mức độ khuyết tật theo tiêu chí của pháp luật. Cần chú trọng triển khai thực hiện công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng bằng cách cung cấp nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ nhân lực thực hiện công tác phục hồi chức năng. Các hoạt động văn hóa, giải trí, thể dục thể thao ở cơ sở nên được tổ chức và phát triển sao cho NKT dễ tiếp cận được. Các doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh cần nghiêm túc chấp hành quy định về việc miễn giảm giá vé, giá dịch vụ cho NKT (nếu có).

Ba là, đối với Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh, cần tuân thủ theo những chính sách pháp luật dành cho NKT nói chung và NKT theo học nghề nói riêng. Cần không ngừng trau dồi kiến thức cho các giáo viên và cán bộ quản lý nhằm đem lại hiệu quả giảng dạy ngày càng được nâng cao. Luôn quan tâm, thay thế trang thiết bị tối ưu, hiện đại phục vụ cho việc học của NKT trong Trung tâm. Bên cạnh những

biện pháp về giảng dạy và cơ sở vật chất thì cần chú trọng vào nâng cao năng lực của NVCTXH trong Trung tâm, để có thể có được chuyên môn trợ giúp NKT về mặt tinh thần, kết nối nguồn lực, đảm bảo trong quá trình học người khuyết tật có thể giảm áp lực, hay khó khăn khác tác động vào họ.

** Giải pháp về vận dụng chính sách hỗ trợ người khuyết tật học nghề*

Rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách về dạy nghề, tạo việc làm; chế độ chính sách đối với cán bộ làm công tác NKT ở các trung tâm bảo trợ xã hội. Các cơ quan có thẩm quyền, các cấp lãnh đạo và cán bộ trong Trung tâm dạy nghề cần tăng cường tuyên truyền, trợ giúp pháp lý cho NKT tham gia học nghề.

Cần có thêm nhiều trung tâm, trường chuyên biệt dành cho học sinh khuyết tật để tạo thêm nhiều cơ hội cho NKT được tiếp nhận vào các Trung tâm. Vận dụng những ưu đãi chính sách, quy định pháp luật với đối tượng học nghề như: mức hỗ trợ tiền ăn, đi lại phù hợp với từng học viên, hỗ trợ vốn vay,...

Có thể thấy các chính sách hỗ trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng với Trung tâm dạy nghề là vô cùng cần thiết, là yếu tố vô cùng quan trọng đảm bảo việc nâng cao hỗ trợ hoạt động học nghề đối với NKT. Vậy nên, cần áp dụng chính sách, nguồn kinh phí của nhà nước vào đầu tư, hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất: trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy, các máy móc hiện đại đáp ứng với nhu cầu sử dụng của NKT, nhất là trang thiết bị y tế phục hồi chức năng phù hợp cho NKT. Mở rộng liên kết đào tạo để tận dụng hiệu quả giảng dạy.

** Giải pháp về vận dụng chính sách động viên tinh thần với NKT tham gia học nghề*

Ngoài các chính sách về mặt vật chất – tài chính, nâng cao trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cần bổ sung các chế độ chính sách liên quan đến mặt tinh thần giúp cho đối tượng học nghề đạt được tâm lý tốt nhất trong quá trình

theo học. Tuyên truyền về các hình thức đào tạo nghề, tư vấn ngành nghề phù hợp, tư vấn đề khó khăn – thuận lợi của từng nghề, cơ hội việc làm và thu nhập của từng nghề giúp NKT cảm thấy yên tâm với lựa chọn ngành nghề mình theo học. Cần quan tâm tổ chức các dịch vụ trị liệu tâm lý, tổ chức các hình thức văn hóa – xã hội, các chương trình, các hoạt động giao lưu, khen thưởng, tặng quà cho các học viên. Thường xuyên mở các hoạt động tư vấn tâm lý, các buổi sinh hoạt nhóm, ngoại khóa nâng cao nhận thức và tham vấn giải tỏa áp lực cho NKT tham gia học nghề,...

3.2.2. Giải pháp giúp nâng cao năng lực cho người khuyết tật trong trung tâm

Trước tiên, muốn nâng cao năng lực cho NKT tham gia học nghề trong Trung tâm thì cần giúp NKT giải tỏa được tâm lý tự ti, mặc cảm. Cần khuyến khích, tạo niềm tin, nghị lực cố gắng cho NKT. Một khi có tâm lý tự tin, có động lực, tâm lý thoải mái mới kích thích được năng lực học của NKT.

Giúp NKT hiểu được NKT đang cần gì, mong muốn gì, khó khăn ở đâu trong quá trình học, và xác định được mục tiêu của việc học nghề. Như vậy NKT mới sẵn sàng, và trang bị đầy đủ tâm thế để vững vàng đối mặt với những vấn đề có thể xảy ra

Trợ giúp NKT gạt bỏ rào cản của bản thân, hào hứng với việc học nghề như vậy kết quả học nghề mới đạt được chất lượng tốt nhất. Luôn cố gắng chăm chỉ trong việc học nghề để có thể theo kịp chương trình học, và thúc đẩy mục tiêu học nghề là kiếm được công việc ổn định, đem lại thu nhập, đảm bảo sinh kế và an sinh xã hội.

Ngoài ra, muốn nâng cao năng lực cho NKT trong Trung tâm thì NKT cũng cần chú trọng đến vấn đề sức khỏe, thể chất và tinh thần. Sao cho có đủ thể lực, tâm thế tốt nhất duy trì trong quá trình tham gia học nghề.

Không thể thiếu những hình thức tuyên truyền thông qua phương tiện

truyền thông, các buổi sinh hoạt ngoại khóa, các chương trình văn hóa thúc đẩy ý chí, giải tỏa tâm lý, nâng cao năng lực cho NKT.

Vì yếu tố bản thân NKT được đánh giá là yếu tố quan trọng nhất tác động đến việc hỗ trợ học nghề đối với NKT nên cần triển khai những giải pháp nâng cao năng lực cho NKT thật hiệu quả. Cụ thể là các cán bộ quản lý, giáo viên, NVCTXH cần chủ động liên hệ và có mô hình tư vấn tâm lý học nghề cho các nhân NKT. Cần thông qua các buổi học, buổi ngoại khóa, những buổi tư vấn,...Dùng những kỹ năng chuyên môn để xử lý những tình huống NKT có thể gặp phải, hay những khó khăn về mặt tinh thần cũng như thể chất mà NKT đang phải chịu và diễn ra.

Để tăng cường khả năng bản thân NKT cần khuyến khích tỷ lệ NKT tham gia giáo dục, dạy nghề, tạo tiền đề vững chắc giải quyết việc làm và thúc đẩy hoà nhập xã hội cho bản thân NKT. Để đạt được mục tiêu này cần tăng cường hình thức và mức trợ giúp cho NKT tham gia giáo dục và đào tạo nghề; phát triển giáo dục hoà nhập, xây dựng các chương trình học, sách giáo khoa phù hợp với từng dạng tật nhằm giảm bớt khó khăn đối với bản thân NKT khi tham gia học nghề.

Từ những giải pháp và cách thức triển khai trên NKT sẽ có thể nâng cao được năng lực của bản thân. Tự chủ động xử lý và đối phó với những tình huống trong quá trình theo học mà họ gặp phải. Bên cạnh đó tích lũy kinh nghiệm và tự tin hơn về bản thân để có thể hoàn thành việc học nghề một cách tốt nhất.

3.2.3. Giải pháp giúp thay đổi nhận thức của gia đình người khuyết tật

Một trong số các yếu tố tác động mạnh đến NKT trong quá trình tham gia học nghề là gia đình. Đối với NKT, gia đình chính là chỗ dựa vững chắc nhất đối với NKT. Do hạn chế về khả năng tự chăm sóc bản thân, vì vậy NKT

rất cần sự quan tâm, chăm sóc sức khỏe từ phía gia đình. Chính vì vậy, để nâng cao hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật, cần cho gia đình NKT thấy được tầm quan trọng của họ. NKT có mức độ mong muốn gia đình chăm sóc sức khỏe cho họ rất lớn. Và gia đình có thể giúp NKT về mặt sức khỏe bằng cách đưa đón, hỗ trợ đi lại học tập đối với những NKT vận động hay hạn chế về nghe, nhìn.

Ngoài mong muốn sự chăm sóc sức khỏe, NKT còn cần gia đình động viên về mặt tinh thần. Tác động về mặt tinh thần của gia đình NKT sẽ là tác động mạnh hơn cả để NKT thấy mình cần cố gắng thật nhiều. Cần cho gia đình NKT hiểu rằng, họ có tầm quan trọng và giá trị ra sao đối với tinh thần của NKT. Gia đình NKT cần nhận thức được mỗi một hành động hay lời nói của họ sẽ có tác động tích cực hay tiêu cực đến NKT trong gia đình. NKT tham gia học nghề sẽ hào hứng, vui vẻ học tập hơn nếu được sự ủng hộ và động viên từ gia đình của mình.

Về bản chất, NKT sẽ cần sự hỗ trợ tài chính của gia đình để có thể đăng ký tham gia học nghề. Nhưng gia đình NKT phải hiểu được rằng, NKT tham gia học tập chính là cách họ tự thoát ra khỏi sự phụ thuộc kinh tế của gia đình. Sau khi tham gia khóa học nghề, NKT có cơ hội tìm kiếm việc làm, hay tự mở những cơ sở kinh doanh từ nghề được học để sinh kế, tạo ra thu nhập cho bản thân và có thể hỗ trợ kinh tế cho gia đình. Nên, gia đình cần đồng ý và giúp đỡ NKT về mặt tài chính để NKT yên tâm tham gia học nghề.

Hình thức triển khai giải pháp cần chủ yếu thông qua công tác tuyên truyền nhất là đối với gia đình NKT, thường không chủ động tiếp cận thông tin mà phải thông qua các phương pháp, kỹ năng truyền thông đặc thù thì gia đình NKT mới có thể hiểu và tiếp cận được. Công tác tuyên truyền cần đi sâu, đi sát tới từng hộ gia đình NKT để nắm bắt tốt nhất và đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, phục hồi chức

năng, cũng như các quyền đối với NKT nhằm từ đó gia đình NKT sẽ biết hỗ trợ, giúp đỡ NKT trong gia đình dễ dàng tiếp cận với những quyền lợi của họ, giảm gánh nặng cho gia đình và bản thân NKT.

3.2.4. Giải pháp giúp nâng cao năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý trong trung tâm

Phải công nhận tầm quan trọng của đội ngũ giáo viên giảng dạy và đội ngũ cán bộ quản lý là vô cùng to lớn, nó ảnh hưởng đến chất lượng học tập của học viên. Chính vì thế, chúng ta phải không ngừng nâng cao năng lực của đội ngũ này nếu muốn đạt hiệu quả giảng dạy và đảm bảo chất lượng đầu ra cho NKT tham gia học nghề.

Nhằm nâng cao năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý trong Trung tâm trước hết cần hỗ trợ phúc lợi đối với giáo viên giảng dạy và cán bộ quản lý (NVCTXH) trực tiếp dạy, trợ giúp NKT học nghề. Là người giữ vai trò bảo đảm chất lượng giảng dạy. Hiện nay chính sách hỗ trợ giáo viên dạy nghề và cán bộ quản lý (NVCTXH) còn nhiều bất cập, không thu hút được đội ngũ giáo viên và NVCTXH có năng lực, chưa thúc đẩy được sự yêu nghề và tâm huyết với nghề. Các chế độ về mặt tài chính, tiền lương, phụ cấp, kinh phí dạy nghề cho NKT chưa được bố trí riêng. Từ thực tế trên, Nhà nước cần có những chính sách và cơ chế khuyến khích, thúc đẩy, và tạo niềm tin của nghề đối với giáo viên và NVCTXH.

Thường xuyên động viên tình thân, tổ chức các buổi giao lưu nghề, giao lưu nghiệp vụ, những món quà về mặt tinh thần tới giáo viên dạy nghề và NVCTXH, khiến họ cảm thấy được tôn vinh và được trân trọng. Tạo tâm lý thoải mái và hoàn thành tốt trách nhiệm với công việc của mình, từ đó thúc đẩy việc học hỏi và hoàn thiện mình hơn.

Bên cạnh hỗ trợ về mặt vật chất – tinh thần cho giáo viên và NVCTXH

trong Trung tâm còn cần không ngừng bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, liên kết giảng dạy và học hỏi từ các Trung tâm với nhau, hay cử đi học các khóa học bồi dưỡng được các cấp tổ chức. Luôn trau dồi, xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn nghiệp vụ. Tăng cường hợp tác, liên kết với các nguồn lực từ các cơ sở kinh doanh hay các tổ chức hợp tác quốc tế nhằm giao lưu trao đổi, học hỏi các kỹ thuật, mô hình nghề phù hợp với nhu cầu và tiến bộ thị trường.

Phần lớn cán bộ quản lý, giáo viên dạy học sinh khuyết tật chưa được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật. Nên sự tương tác giữa NKT và giáo viên giảng dạy còn hạn chế. Vì thế, NVCTXH cần chia sẻ kỹ năng nghiệp vụ về sự hòa nhập của giáo viên giảng dạy với học viên. Tạo nên một “tam giác ba cạnh” tác động qua lại và trợ giúp lẫn nhau giữa NKT, giáo viên giảng dạy và NVCTXH khiến nâng cao chất lượng học nghề được tốt nhất.

KẾT LUẬN

Để chính sách NKT đi vào cuộc sống, cần thu hẹp khoảng cách giữa xã hội và NKT. Để khoảng cách này được thu hẹp, NKT cần thoát ra khỏi sự mặc cảm, tự ti, hòa nhập với cộng đồng. Và học nghề chính là một cánh cửa thuận lợi để giúp NKT ổn định cuộc sống, tạo ra giá trị bản thân, và an sinh xã hội. Bởi vì thực tế bản thân rất nhiều NKT đã làm cho chúng ta phải thay đổi, vì họ rất giỏi giang và nghị lực, vượt qua được khó khăn thách thức của bản thân, tham gia học nghề và đạt được những kết quả, thành công lớn.

Để việc học của NKT đạt được chất lượng thì ngoài giảng dạy, còn cần có các hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT trong quá trình tham gia học nghề. Vì trên thực tế trong quá trình học nghề NKT sẽ gặp không ít khó khăn cần đến sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài. Các hoạt động hỗ trợ thiết yếu từ các NVCTXH trong Trung tâm cụ thể như: Hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về học nghề nhằm mục đích cung cấp thông tin về các lựa chọn nghề khác nhau, thuận lợi khó khăn của từng nghề, cơ hội việc làm và thu nhập của nghề, tiến triển triển vọng của nghề và bản thân NKT trong nghề để cho NKT có thể cân nhắc; Hoạt động hỗ trợ tư vấn tâm lý trang bị và trợ giúp các vấn đề tâm lý từ sức khỏe tâm thần của bản thân NKT, hay áp lực tâm lý từ gia đình ảnh hưởng đến việc học nghề,...; Hoạt động hỗ trợ chính sách, pháp luật trong học nghề nhằm cung cấp những chính sách pháp luật về học nghề và trợ giúp NKT tiếp cận với những chính sách đó; Hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính cho người khuyết tật trợ giúp cho NKT được hỗ trợ về mặt kinh tế, cung cấp các trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cần thiết cho việc học nghề, và kết nối các nguồn lực.

Chất lượng của các hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT phụ thuộc nhiều vào yếu tố ảnh hưởng như: Chính sách, pháp luật của Nhà nước về người khuyết tật, Bản thân người khuyết tật, Yếu tố từ gia đình người khuyết tật, năng lực

của cán bộ giáo viên và cán bộ quản lý. Ngoài ra còn phụ thuộc một phần sự lựa chọn học nghề của NKT và điều kiện của Trung tâm. Vì vậy, cần đánh giá các yếu tố ảnh hưởng này dựa trên nghiên cứu khách thể trong Trung tâm và đưa ra được kết quả yếu tố tác động mạnh nhất chính là bản thân NKT và sau đó là năng lực của cán bộ giáo viên và cán bộ quản lý, yếu tố chính sách pháp luật và gia đình NKT cũng vô cùng cần thiết để hoạt động hỗ trợ học nghề cho NKT được tối ưu, và thực tế nhất.

Với sự hỗ trợ học nghề từ chính sách của Nhà nước, các doanh nghiệp, gia đình, cán bộ giáo viên và cán bộ quản lý, NVCTXH, NKT đã từng bước hoà nhập cộng đồng; tham gia học nghề hiệu quả, trong đó, nhiều người sau học nghề trở nên rất thành đạt, đảm nhận vai trò chủ doanh nghiệp có công nghệ cao, tạo việc làm không những cho bản thân, gia đình mà còn thu hút nhiều người có cùng hoàn cảnh, thậm chí cả những người bình thường khác vào làm việc. Không thể phủ nhận sự đóng góp to lớn của ngành Công tác xã hội trong các hoạt động hỗ trợ này. Giống nhiều nước trên thế giới, Việt Nam cần coi nghề công tác xã hội là một nghề tri thức trong cuộc sống, tồn tại song song với các nghề khác đã có. Bởi vì, trong xã hội, bản thân mỗi người nói chung và NKT nói riêng có lúc bình thường, có lúc gặp khó khăn, bất trắc. Khi đó, rất cần sự trợ giúp từ bên ngoài như: tư vấn, định hướng, trợ giúp khẩn cấp lúc khó khăn nhất để họ có thể vượt qua.

Từ những nghiên cứu trên của tác giả, tác giả đem hết tâm huyết của bản thân để nhằm phát triển hơn các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT trong Trung tâm Dạy nghề - Phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Bắc Ninh nói riêng và các cơ sở dạy nghề nói chung. Hy vọng trong tương lai gần sẽ có những nghiên cứu cụ thể hơn với quy mô mẫu nghiên cứu lớn hơn nhằm góp phần củng cố bằng chứng lý luận và thực tiễn trong công tác trợ giúp người khuyết tật ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Huỳnh Viết Thiên Ân, Nguyễn Thị Thanh Tâm (2012), *“Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho Người khuyết tật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”*.
2. Ban điều phối các hoạt động trợ giúp NKT (NCCD) (2013), *“Báo cáo năm 2013 về hoạt động trợ giúp NKT”*
3. Bộ luật Lao động (2012) số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012.
4. Công ước Quốc tế (2006), *Quyền của người khuyết tật*
5. Nguyễn Tiến Dũng (2011), *“Phát triển Dạy nghề đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn mới”*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, (số 4).
6. Đại Học College London, Anh Quốc (2014), *“Bảo trợ xã hội dành cho người khuyết tật tại Việt Nam”*
7. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2014), *Giáo trình công tác xã hội với người khuyết tật*
8. Nguyễn Diệu Linh (2017), *“Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người khuyết tật học nghề tại Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh”*, luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội, trường Đại học Lao động – Xã hội.
9. Liên Hiệp Quốc (1998), *Chương trình hỗ trợ phát triển của Liên Hiệp Quốc*
10. Luật dạy nghề (2006), số 76/2006/QH11 ngày 29/11/2006, *chính sách về dạy nghề cho người khuyết tật*.
11. Luật Giáo dục (2005), số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005, Điều 89, 90, 91 và 92
12. Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), số: 74/2014/QH13. Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm, Điều 3

13. Luật người khuyết tật (2010) số 51/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, Chương I, Điều 2

14. Luật Người khuyết tật (2010), số 51/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, Điều 32

15. Mai Thị Phương (2014), đề tài “*Vấn đề CTXH với NKT*”

16. Synnove Karvinen – Niinikoski (2007), tác phẩm “*Nhân quyền, quyền xã hội công dân và phương pháp cá nhân cùng tham gia trong công tác xã hội với người khuyết tật*”

17. Tổ chức APHEDA (2014), “*Việc làm bền vững và tăng cường vị thế cho NKT trong cộng đồng*”

18. Tổ chức Lao động quốc tế (2010), “*Báo cáo khảo sát về đào tạo nghề và việc làm cho người khuyết tật tại Việt Nam*”.

19. Tổ chức Lao động quốc tế ILO và Cơ quan Phát triển Ai Len tại Việt Nam giai đoạn (2014 - 2015), “*Thúc đẩy các quyền và cơ hội cho người khuyết tật - Việc làm thông qua luật pháp*”.

Tiếng Anh

20. Americans with Disabilities Act of 1990 - ADA

21. Brenda Gannon and Brian Nolan (2011), “*Disability and social inclusion in Ireland*”.

22. Dark and Light Blind Care (2008), “*Inclusion of disabled people Vocational Training and income*”.

23. Erving Goffman (1963), “*Discrimination*”

24. Justin Healey (2005), “*Disability Right*”, Úc.

PHỤ LỤC

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho người khuyết tật)

Chào anh/chị!

Nhằm thực hiện luận văn thạc sỹ chuyên ngành công tác xã hội với đề tài Hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật, trên cơ sở đưa ra những đề xuất khuyến nghị nhằm phát triển các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT trong Trung tâm. Việc tham gia trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát của anh/chị sẽ góp phần phát triển và nâng cao các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với NKT trong Trung tâm. Mọi thông tin mà anh/chị cung cấp sẽ được kiểm soát chặt chẽ và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo khuyết danh.

Xin anh/chị hãy **khoanh tròn** vào số mà các anh chị lựa chọn trong từng câu hỏi hoặc đưa ra ý kiến chủ quan cho các câu hỏi mở đặt ra dưới đây!

A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Họ và tên (có thể không ghi):.....

A2. Tuổi:.....

A3. Quê quán:.....

A4. Dân tộc:.....

A5. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

A6. Khuyết tật của anh/chị thuộc một trong các dạng nào dưới đây?

1. Khuyết tật vận động

2. Khuyết tật nghe, nói

3. Khuyết tật trí tuệ

4. Khuyết tật nhìn

5. Khuyết tật khác:.....

A7. Anh/chị tự đánh giá thế nào về tình trạng sức khỏe hiện tại của mình?

1. Tốt
2. Bình thường
3. Yếu

Ghi chú:

- Sức khỏe tốt nghĩa là anh/chị luôn cảm thấy tinh thần thoải mái, ăn tốt ngủ tốt.
- Sức khỏe bình thường nghĩa là anh/chị cảm thấy trong người bình thường, ăn uống vừa đủ, ngủ đủ giấc.
- Sức khỏe yếu nghĩa là anh/chị thường xuyên phải đến cơ sở y tế/bệnh viện để kiểm tra sức khỏe, trong người cảm thấy khó chịu, ăn uống kém, hay mất ngủ, cần sự chăm sóc của người thân.

A8. Theo anh/chị, việc học nghề có quan trọng hay không?

1. Rất quan trọng
2. Quan trọng
3. Bình thường
4. Ít quan trọng
5. Không quan trọng

A9. Anh/chị đang học nghề gì trong Trung tâm?

1. Nghề may công nghiệp
2. Nghề xoa bóp cổ truyền
3. Các nghề thuộc nhóm thủ công: thêu, mây tre đan

A10. Anh/chị thấy nghề anh/chị đang theo học có phù hợp với khả năng của mình không?

1. Có
2. Không

Vì sao?.....

B1.2. Các nội dung này có được tổ chức thường xuyên không? (Đánh dấu X vào mức độ lựa chọn của anh/chị)

S T T	Nội dung nâng cao nhận thức	Mức độ			
		1.Rất thường xuyên	2.Thường xuyên	3.Thi thoảng	4.Không bao giờ
1	Về các loại hình học nghề				
2	Khó khăn và thuận lợi của từng nghề				
3	Cơ hội việc làm và thu nhập của nghề				
4	Tiến triển, triển vọng của nghề và bản thân NKT trong nghề				
5	Khác (ghi rõ).....				

B1.3. Anh chị vui lòng đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức tổ chức nâng cao nhận thức dưới đây? (Đánh dấu X vào mức độ lựa chọn của anh/chị)

S T T	Hình thức nâng cao nhận thức	Mức độ			
		1.Rất hiệu quả	2.Hiệu quả	3.Bình thường	4.Không hiệu quả
1	Tư vấn cá nhân và gia đình				
2	Tư vấn cho nhóm NKT				
3	Phổ biến trên phương tiện đại chúng (báo, đài, internet...)				
4	Phát tờ rơi				
5	Khác (ghi rõ).....				

B2.2. Các nội dung này có được diễn ra thường xuyên không? (Đánh dấu X vào mức độ lựa chọn của anh/chị)

S T T	Nội dung tư vấn tâm lý	Mức độ			
		1.Rất thường xuyên	2.Thường xuyên	3.Thi thoảng	4.Không bao giờ
1	Về các vấn đề tâm lý có thể gặp phải				
2	Tư vấn tâm lý giải tỏa áp lực của nghề học viên đang theo học.				
3	Tư vấn sức khỏe tâm thần về áp lực thể chất không đáp ứng được nghề học viên đang theo học				
4	Tư vấn tâm lý giải tỏa áp lực về mặt hỗ trợ của gia đình tác động đến việc học của của học viên				
5	Khác (ghi rõ).....				

B2.3. Anh chị vui lòng đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức tổ chức tư vấn tâm lý dưới đây? (Đánh dấu X vào mức độ lựa chọn của anh/chị)

STT	Hình thức tư vấn tâm lý	Mức độ			
		1.Rất hiệu quả	2.Hiệu quả	3.Bình thường	4.Không hiệu quả
1	Tư vấn cá nhân và gia đình				
2	Tư vấn cho nhóm NKT				
3	Tư vấn thông qua các buổi học				
4	Tư vấn thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa				
5	Khác (ghi rõ).....				

B3.2. Các nội dung này có được tổ chức thường xuyên không? (Đánh dấu X vào mức độ lựa chọn của anh/chị)

STT	Nội dung hỗ trợ chính sách, pháp luật	Mức độ			
		1.Rất thường xuyên	2.Thường xuyên	3.Thi thoảng	4.Không bao giờ
1	Cung cấp kiến thức chính sách, pháp luật về học nghề				
2	Hỗ trợ học viên tìm hiểu về chính sách, pháp luật áp dụng với từng học viên				
3	Hỗ trợ học viên tiếp cận với những quyền lợi mà học viên được hưởng theo chính sách, pháp luật quy định.				
4	Trợ giúp giải quyết vấn đề pháp lý liên quan để được hưởng chính sách, pháp luật.				
5	Khác (ghi rõ).....				

B3.3. Anh chị vui lòng đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức hỗ trợ chính sách, pháp luật dưới đây? (Đánh dấu X vào mức độ lựa chọn của anh/chị)

STT	Hình thức hỗ trợ chính sách, pháp luật	Mức độ			
		1.Rất hiệu quả	2.Hiệu quả	3.Bình thường	4.Không hiệu quả
1	Tư vấn cá nhân và gia đình				
2	Tư vấn cho nhóm NKT				
3	Phổ biến trên phương tiện đại chúng (báo, đài...)				
4	Phát tờ rơi				
5	Phổ biến trên phương tiện thông tin, viễn thông (điện thoại, internet,...)				
6	Tư vấn thông qua các buổi học nghề/ngoại khóa.				
7	Khác (ghi rõ).....				

B4.2. Các hoạt động này có được tổ chức thường xuyên không? (Đánh dấu X vào mức độ lựa chọn của anh/chị)

STT	Hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính	Mức độ			
		1.Rất thường xuyên	2.Thường xuyên	3.Thi thoảng	4.Không bao giờ
1	Trao đổi về các loại hình hỗ trợ vật chất – tài chính				
2	Trang bị, đáp ứng những trang thiết bị, cơ sở vật chất tốt				
3	Hỗ trợ về kinh tế như: miễn phí ăn, ở, đi lại,... cho học viên				
4	Xin cung cấp trang thiết bị, cấp kinh phí từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và Kết nối những nguồn lực từ bên ngoài.				
5	Khác (ghi rõ).....				

B4.3. Anh chị vui lòng đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức hoạt động hỗ trợ vật chất – tài chính dưới đây? (Đánh dấu X vào mức độ lựa chọn của anh/chị)

STT	Hình thức hỗ trợ vật chất – tài chính	Mức độ			
		1.Rất hiệu quả	2.Hiệu quả	3.Bình thường	4.Không hiệu quả
1	Hỗ trợ cá nhân và gia đình				
2	Hỗ trợ cho nhóm NKT				
3	Hỗ trợ cung cấp trang thiết bị, kinh tế				
4	Hỗ trợ xin các cấp có thẩm quyền				
5	Hỗ trợ kết nối các nguồn lực				
6	Khác (ghi rõ).....				

C. THÔNG TIN VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

C1. Anh/chị vui lòng cho biết mức độ tác động của các yếu tố dưới đây tới các hoạt động hỗ trợ anh/chị trong học nghề?

STT	Các yếu tố	Mức độ				
		1.Tác động rất mạnh	2.Tác động mạnh	3.Tác động trung bình	4.Ít tác động	5.Không tác động
1	Chính sách, pháp luật của Nhà nước về người khuyết tật					
2	Bản thân					
3	Gia đình học viên					
4	Năng lực của cán bộ và cán bộ quản lý					
5	Các yếu tố khác:....					

C2. Anh/chị vui lòng cho biết mức độ tác động của các yếu tố dưới đây tới việc học nghề của anh/chị

S T T	Các yếu tố	Mức độ				
		1.Tác động rất mạnh	2.Tác động mạnh	3.Tác động trung bình	4.Ít tác động	5.Không tác động
Bản thân học viên						
1	Xác định mục tiêu của việc học nghề					
2	Hào hứng với việc học nghề					
3	Luôn cố gắng chăm chỉ trong việc học nghề					
4	Khác:.....					
Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người khuyết tật						
1	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật nói chung					
2	Chính sách hỗ trợ người khuyết tật học nghề					
3	Chính sách động viên tinh thần					
4	Chính sách khác:.....					

Trình độ giáo viên và cán bộ đào tạo						
1	Giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) có năng lực					
2	Giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) có tâm huyết với nghề					
3	Giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) tận tình					
4	Giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) luôn động viên tinh thần cho các học viên					
5	Giáo viên, cán bộ quản lý (NVCTXH) có năng lực					
6	Hỗ trợ khác:.....					
Sự hỗ trợ từ phía gia đình						
1	Chăm sóc sức khỏe					
2	Động viên tinh thần					
3	Hỗ trợ tài chính					
4	Hỗ trợ khác:.....					

Lựa chọn nghề phù hợp với khả năng của mỗi học viên						
1	Chương trình dạy nghề phù hợp với từng đối tượng khuyết tật					
2	Khung chương trình dạy nghề phù hợp với từng dạng khuyết tật					
3	Khác:.....					
Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác học nghề						
1	Cơ sở vật chất có những yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định					
2	Hệ thống cơ sở hạ tầng giảng dạy lý thuyết và máy móc, trang thiết bị phục vụ thực hành gắn liền với nhau					
3	Cơ sở hạ tầng phù hợp với từng đối tượng và mức độ khuyết tật					
4	Khác:.....					

D. THÔNG TIN KHÁC

D1. Anh/chị có hài lòng về thái độ phục vụ của đội ngũ trung tâm qua các hoạt động không? Và hài lòng ở mức độ nào?

S T T	Các hoạt động	Mức độ hài lòng về thái độ phục vụ			
		1.Rất hài lòng	2.Hài lòng	3.Bình thường	4.Không hài lòng
1	Nâng cao nhận thức về học nghề				
2	Tư vấn tâm lý				
3	Hỗ trợ chính sách, pháp luật				
4	Hỗ trợ vật chất – tài chính				

D2. Anh/chị có đề xuất, kiến nghị gì hay cam kết gì với bản thân để giúp nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ cho anh chị về học nghề?

Đối với Nhà nước:

.....

Đối với Trung tâm:

.....

Đối với Nhân viên CTXH/cán bộ quản lý:

.....

Đối với bản thân mình:

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của anh/chị!

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho cán bộ trung tâm)

Chào anh/chị!

Nhằm thực hiện luận văn thạc sỹ chuyên ngành công tác xã hội với đề tài Hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật, trên cơ sở đưa ra những đề xuất khuyến nghị nhằm phát triển các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật trong Trung tâm. Việc tham gia trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát của anh/chị sẽ góp phần phát triển và nâng cao các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật trong Trung tâm. Mọi thông tin mà anh/chị cung cấp sẽ được kiểm soát chặt chẽ và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo khuyết danh.

Xin anh/chị cho biết ý kiến cá nhân của mình cho các câu hỏi đặt ra dưới đây!

Ngày phỏng vấn:...../...../.....

1. Giới tính:.....

2. Tuổi:.....(tuổi)

3. Dân tộc:.....

4. Trình độ văn hóa:.....

5. Trình độ chuyên môn:.....

6. Quê quán:.....

7. Số năm công tác:.....(năm)

8. Vị trí công tác:.....

9. Đánh giá của cá nhân đối với chất lượng học nghề của người khuyết tật tại Trung tâm?

.....
.....

10. Theo cán bộ, những yếu tố nào làm nên thành công của chương trình dạy nghề cho người khuyết tật?

.....
.....

11. Theo cán bộ, những yếu tố ảnh hưởng đến việc học nghề của người khuyết tật là gì?

.....

 12. Cán bộ đánh giá như thế nào về thực trạng Các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm?

.....

 13. Theo cán bộ, những yếu tố nào ảnh hưởng đến Các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật tại Trung tâm ?

.....

 14. Quan điểm của cán bộ như thế nào về nhu cầu và vị trí công việc của Nhân viên công tác xã hội trong trung tâm?

.....

 15. Cá nhân cán bộ có các đề xuất, kiến nghị gì để giúp nâng cao Các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật trong Trung tâm?
 Đối với Nhà nước:

.....

 Đối với Trung tâm:

.....

 Đối với Nhân viên CTXH:

.....

 Đối với bản thân người khuyết tật:

.....

Xin chân thành cảm ơn lãnh đạo đã cung cấp thông tin để tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình!

Lãnh đạo tham gia phỏng vấn ký tên

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho Nhân viên công tác xã hội, Giáo viên dạy nghề)

Chào anh/chị!

Nhằm thực hiện luận văn thạc sỹ chuyên ngành công tác xã hội với đề tài Hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật, trên cơ sở đưa ra những đề xuất khuyến nghị nhằm phát triển các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật trong Trung tâm. Việc tham gia trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát của anh/chị sẽ góp phần phát triển và nâng cao các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật trong Trung tâm. Mọi thông tin mà anh/chị cung cấp sẽ được kiểm soát chặt chẽ và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo khuyết danh.

Xin anh/chị cho biết ý kiến cá nhân của mình cho các câu hỏi đặt ra dưới đây!

Ngày phỏng vấn:...../...../.....

1. Giới tính:.....
2. Tuổi:.....(tuổi)
3. Dân tộc:.....
4. Trình độ văn hóa:.....
5. Trình độ chuyên môn:.....
6. Quê quán:.....
7. Số năm công tác:.....(năm)
8. Vị trí công tác:.....
9. Theo anh/chị người khuyết tật trong trung tâm đã chọn được nghề học phù hợp với khả năng của họ hay chưa? Vì sao?
.....
.....
10. Theo anh/chị, những yếu tố tác động tới việc học nghề của người khuyết tật là gì?
.....
.....
11. Anh/chị thấy những hoạt động mà anh/chị đã làm được trong việc hỗ trợ

học nghề đối với người khuyết tật có hợp lý không? Những hoạt động nào anh/chị thấy còn chưa làm được và cần bổ sung những gì?

.....
.....

12. Theo anh/chị những yếu tố tác động tới việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật là gì?

.....
.....

13. Anh/chị thấy những thuận lợi và khó khăn của anh/chị khi thực hiện các hoạt động hỗ trợ học nghề/dạy nghề đối với người khuyết tật là gì?

.....
.....

14. Anh/chị thấy sự hợp tác giữa CTXH và giáo viên dạy nghề, hỗ trợ cho công việc của anh/chị như thế nào?

.....
.....

15. Anh/chị có các đề xuất, kiến nghị gì để giúp nâng cao Các hoạt động hỗ trợ học nghề đối với người khuyết tật trong Trung tâm?

Đối với Nhà nước:

.....
.....

Đối với Trung tâm:

.....
.....

Đối với bản thân người khuyết tật:

.....
.....

Xin chân thành cảm ơn anh/chị đã cung cấp thông tin để tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình!